



THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Ass.Viet Nam Fraternité, 37 rue du Clos de l'Erable, 77400 Saint Thibault des Vignes, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận

Vụ án Hà Sĩ Phu - Mai Thái Lĩnh đánh dấu một bước tiến lớn trong cuộc vận động dân chủ

Chính quyền Hà Nội chắc chắn đã không lường trước được các hậu quả khi ký quyết định 07/QĐ khởi tố Hà Sĩ Phu và Mai Thái Lĩnh về tội danh "cấu kết với nước ngoài phản bội tổ quốc".

Các phản ứng của đối lập dân chủ đã tức khắc và đồng bộ. Ngay khi được tin này, năm khuôn mặt dân chủ quan biết tại Hà Nội: Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Phạm Qué Dương và Trần Dũng Tiến đã ký ngay một kháng thư chung gửi quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Liền sau đó, tại hải ngoại, hơn hai ngàn người Việt đã ký tên vào một bản lên tiếng chung yểm trợ các chiến sĩ dân chủ đang mắc nạn trong nước.

Dư luận thế giới đã được động viên. Nhiều chính phủ, nhiều tổ chức quốc tế có uy tín và nhiều dân biểu, nghị sĩ các nước dân chủ đã lên tiếng yêu cầu chính quyền cộng sản Việt Nam chấm dứt không điều kiện biện pháp khủng bố đối với Hà Sĩ Phu và Mai Thái Lĩnh.

Những sự kiện tích cực này cần được nhận định đúng với ý nghĩa và tầm quan trọng của chúng.

Trước hết là kháng thư của năm người dân chủ trong nước. Đây là lần đầu tiên mà một nhóm người dân chủ trong nước đã cùng ký tên vào một tài liệu chính trị chung. Từ trước đã có những tiếng nói đòi dân chủ rất đong đặc cất lên từ trong nước, nhưng đó chỉ là những phát biểu cá nhân. Cũng đã từng có những người ký chung với nhau một văn bản, nhưng đều là những kiến nghị và thư ngỏ chống tham nhũng hoặc yêu cầu cải tổ mà không đặt lại vai trò lãnh

đạo duy nhất của đảng cộng sản. Kháng thư của năm người dân chủ Hà Nội nổi bật vì sự mới mẻ của nó. Năm nhân vật này đã thẳng thắn đòi đảng cộng sản không những bãi bỏ vụ truy tố Hà Sĩ Phu và Mai Thái Lĩnh mà còn phải từ bỏ độc quyền chính trị. Đó là một biến cố chính trị mới và cũng là giấy khai sinh của một tổ chức dân chủ trong nước, ngay tại Hà Nội. Hành động này còn đáng khâm phục hơn nữa vì cả năm người đều là những nhân vật hiện đang bị sách nhiễu một cách thô bạo. Lý do khiến Hà Sĩ Phu và Mai Thái Lĩnh mắc nạn, cũng như Nguyễn Thanh Giang trước đây, lại càng đặc biệt đáng chú ý: họ chuẩn bị một bản lên tiếng chung về tình hình đất nước. Những người dân chủ trong nước đang chuyển động từ giai đoạn của những phản kháng cá nhân sang giai đoạn đấu tranh có phối hợp và tổ chức.

Phản ứng của người Việt hải ngoại cũng có ý nghĩa quan trọng không kém. Đây là lần đầu tiên mà hải ngoại đã có MỘT tiếng nói trước một biến cố quan trọng. Không cần hội ý mà các tổ chức đối lập hải ngoại đã lập tức phối hợp. Hơn hai ngàn chữ ký gồm đủ mọi khuynh hướng chính trị đã tập trung được trong vòng vài tuần lễ. Đã không hề có một tiếng nói lạc điệu nào. Tất cả mọi người nói cùng một tiếng nói và làm cùng một công việc. Đây là một sự kiện chưa từng có trong hơn hai mươi lăm năm qua. Dưới mắt thế giới, cộng đồng người Việt hải ngoại đã xuất hiện như một tập thể gắn bó trong cùng một mục đích cao đẹp là đem lại tự do, dân chủ cho đất nước. Nếu việc năm người dân chủ trong nước

cùng nhau lên tiếng đòi dân chủ báo hiệu sự ra đời của một tập hợp dân chủ trong nước, thì sự thành công hoàn toàn của bản lên tiếng bảo vệ Hà Sĩ Phu và các anh em dân chủ đang mắc nạn trong nước cũng báo hiệu một giai đoạn kết hợp đầy hứa hẹn tại hải ngoại. Một mặt trận dân chủ có phối hợp giữa trong và ngoài nước đang hình thành.

Có rất nhiều triển vọng là Hà Nội sẽ hành động một lần nữa như trong vụ Nguyễn Thanh Giang, nghĩa là sẽ không dám giải tòa Hà Sĩ Phu và Mai Thái Lĩnh dù cũng không chính thức thu hồi quyết định khởi tố. Không tiến mà cũng không lui có nghĩa là chịu đựng một cách thụ động. Lệnh khởi tố vẫn còn đó, nhưng không phải như một lưỡi gươm treo lơ lửng trên đầu Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu và Mai Thái Lĩnh mà trái lại chỉ là một vết nhơ, trên mặt chế độ cộng sản, đồng thời cũng là nhiên liệu nuôi dưỡng ngọn lửa đấu tranh cho dân chủ. Tình trạng "trong vòng điều tra" sẽ không trôi tay được Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Mai Thái Lĩnh và các chí hữu của họ.

Đối lập dân chủ Việt Nam nên rút ra bài học nào cho thắng lợi này?

Anh em trong nước chắc chắn đã hiểu rằng kết hợp với nhau là tạo ra sức mạnh và nhờ đó khó bị đàn áp hơn.

Những người dân chủ hải ngoại, trước hết là các tổ chức chính trị, cũng đã hiểu rằng thiện chí và thái độ khiêm tốn quên mình vì mục đích chung đã là bí quyết của thành công chung mà ai cũng có quyền tự hào.

Thông Luận

Trung Quốc, WTO và Internet

Hạ viện Hoa Kỳ đã biểu quyết luật bình thường hóa các quan hệ thương mại với Trung Quốc vào ngày 24-05-2000 với 237 phiếu thuận và 197 phiếu chống. Sự biểu quyết bộ luật này sẽ cho phép Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) sau 14 năm chờ đợi.

Ngoài những điều khoản giới hạn nhập khẩu một cách ồ ạt hàng hóa Trung Hoa, và kiểm soát việc nước này tuân hành các nghĩa vụ trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại Thế giới, bộ luật đưa ra một số biện pháp để kiểm tra việc tôn trọng nhân quyền. Một là thiết lập một hội đồng giám thị, gồm 9 thành viên do quốc hội đề cử và 5 do tổng thống chỉ định. Hội đồng này có nhiệm vụ đưa ra một bản phúc trình hàng năm về vấn đề nhân quyền tại Trung Quốc. Hai là tổ chức một nhóm công tác có nhiệm vụ điều tra các vi phạm về lao động cưỡng bách trong việc sản xuất các hàng hóa Trung Hoa. Ba là viện trợ kỹ thuật và tài chính cho Trung Quốc để nước này đem các quy phạm quốc tế về quyền lao động vào bộ luật quốc gia.

Việc biểu quyết bộ luật này đã bị các dân biểu Dân chủ chống đối vì những vi phạm nhân quyền tại Trung Quốc. Biểu quyết bộ luật này có nghĩa là cho Trung Quốc trở thành một tối huệ quốc thường trực trong các trao đổi thương mại với Hoa Kỳ. Các nghiệp đoàn như AFL-CIO chống đối kịch liệt bộ luật này vì cho rằng nhân công Hoa Kỳ sẽ bị thiệt thòi vì những hàng hóa Trung Quốc nhập cảng.

Thật ra, những mối lo của AFL-CIO quá đáng vì nền kinh tế Trung Quốc không có một trọng lượng đáng kể trong thế thăng bằng quốc tế. Vào năm 1998, trao đổi thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc chỉ bằng 1% GDP của Hoa Kỳ.

Về phía Trung Quốc, sự kiên trì xin gia nhập một tổ chức thương mại thế giới từ 14 năm có một số lý do. Trung Quốc ý thức được rằng phát triển kinh tế nằm ở ngoài chứ không phải ở trong nước.

Trước hết muốn phát triển kinh tế, cần phải có vốn đầu tư của nước ngoài. Tính đến nay, số vốn đầu tư ngoại quốc này đã đóng góp vào 1/5 GDP kỹ nghệ của các thành phố phát triển. Nó đã giúp cho Trung Quốc tích trữ được một số ngoại tệ lớn (150 tỉ USD). Với số ngoại tệ lớn lao này, Trung Quốc đã đóng một cách thành công vai trò chiến lược tài chính châu Á trong những năm vừa qua.

Hiện nay, phần đông các đầu tư vào Trung Quốc là châu Á như Đài Loan, Hồng

Kông, Nhật Bản, Đại Hàn. Trung Quốc trở thành một hàng xưởng lớn cho các nguồn đầu tư này và các hàng hóa sản xuất được xuất khẩu sang các nước châu Âu hoặc bắc Mỹ. Đây là đường lối đã giúp Trung Quốc phát triển trong những năm vừa qua. Nhưng đường lối này có những giới hạn của nó vì tính chất ràng buộc một chiều: đầu tư, sản xuất tùy thuộc các tư bản châu Á, xuất khẩu tùy thuộc các nước mở mang phương Tây. Gia nhập WTO cho phép Trung Quốc đi vào con đường đa nguyên hơn trong những phương tiện phát triển kinh tế và do đó giảm thiểu những rủi ro do các cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính vùng gây ra.

Sau những cố gắng trên con đường kỹ nghệ hóa đất nước từ hai chục năm nay nhờ các chuyển nhượng kỹ năng của các nước phương tây qua các hợp đồng Xây dựng, Hoạt động và Chuyển nhượng (BOT: Build, Operate, Transfer) Trung Quốc vẫn chưa bắt kịp các kỹ thuật tân tiến của các kỹ nghệ cổ điển như: sản xuất xe hơi, máy bay và nông phẩm... Bây giờ lại phải chạy theo để bắt kịp những kỹ thuật tân tiến của nền kinh tế mới qua internet.

Một vài con số về các phương tiện truyền thông hiện đại tại Trung Quốc. 12 triệu máy vi tính cá nhân và số gia tăng hàng năm được ước lượng vào khoảng 30%. 105 triệu điện thoại được gắn tại tư gia, 40 triệu điện thoại lưu động được dùng và vào cuối năm 2000 sẽ tăng lên 60 triệu, 100 triệu vào năm 2001. Hiện nay có 50000 mạng lưới (website), và 9 triệu người dùng mạng lưới. Đa số những người lướt trên mạng lưới là những người trẻ: 80% dưới 30 tuổi và 50% dùng mạng lưới tại tư gia. Những người dùng không nhất thiết tập trung tại Bắc Kinh, thủ đô chỉ có 20% trên tổng số toàn quốc.

Điều đó có nghĩa là internet đã rải rộng trên đất Trung Quốc, ít nhất là tại các tỉnh lớn và với đại đa số người sử dụng thuộc giới phần trẻ. Hiện tượng Internet sẽ càng ngày càng bành trướng và không có một sức mạnh nào cản trở nó được, trừ trường hợp Trung Quốc lại áp dụng chính sách bế môn tỏa cảng như thời nhà Thanh hoặc gần đây hơn thời nhà Mao.

Trung Quốc hứa hẹn sẽ dành 25 % thị trường về truyền thông và thông tin cho ngoại quốc sau khi Trung quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới.

Điều này không có nghĩa là chính quyền Trung Quốc không nghĩ đến những hiểm nguy về mặt chính trị khi mở rộng những kỹ

thuật truyền thông và thông tin hiện đại vào trong xứ. Nhưng đó là điều không thể tránh được nếu Trung Quốc muốn thu hút đầu tư quốc tế vào lãnh vực này. Một lãnh vực đã đem lại cho nền thương mại điện tử trong nước gia tăng doanh số một cách nhanh chóng. Vào năm 1998, doanh số được ước tính vào khoảng 8 triệu USD, vào năm 1999 sẽ lên 40 triệu và vào năm 2003 sẽ tăng lên 3,8 tỉ. Các biện pháp đề ra để kiểm soát những mạng lưới Internet không thiếu, như từ cấm tiết lộ những cái được gọi là "bí mật quốc gia" với một định nghĩa vô cùng mơ hồ và tùy tiện đến các biện pháp hành chính nhiều khế như sự chi phối và kiểm soát của các cơ quan chính phủ như bộ các kỹ nghệ về thông tin, bộ an ninh công cộng, cục báo chí và xuất bản v.v...

Ngoài mặt thì chính quyền Trung Quốc rất gay gắt với những phương tiện thông tin và truyền thông hiện đại này, với mục tiêu giữ thể diện hoặc đưa ra những biện pháp cường điệu nhưng vô hiệu quả vì biết mình bất lực. Thật vậy, không thể nào theo dõi 50000 mạng lưới nội địa hàng ngày, hàng giờ để kiểm soát, kiểm duyệt nội dung, đây là chưa kể các mạng lưới ngoại quốc mà những bức tường lửa không thể nào hoàn toàn ngăn chặn được. Chỉ có một phương tiện độc nhất hữu hiệu là cấm đoán hẳn không cho dùng máy vi tính cá nhân, vì đó là phương tiện để lướt trên Internet. Nhưng cấm dùng máy vi tính cá nhân là một biện pháp đưa đất nước tụt hậu, trở về thời trung cổ so với thế giới internet ngày hôm nay.

Trung Quốc hiểu rõ điều đó, nên một mặt thì cấm đoán, nhưng mặt khác lại cố xúi thiết lập các hệ thống viễn thông hiện đại dùng cho Internet. Điển hình là công ty quốc doanh China Netcom do Edward Tian, tốt nghiệp đại học Texas làm chủ tịch-tổng giám đốc, sẽ thiết bị một hệ thống tuyến quang nối liền 15 tỉnh lớn của Trung Quốc. Chính con trai của Giang Trạch Dân là nhân viên hội đồng quản trị công ty.

Trung Quốc, xét cho cùng rất sáng suốt. Bước vào thiên niên kỷ thứ ba, nếu không đại chúng hóa các phương tiện thông tin và truyền thông như internet thì đất nước sẽ càng ngày càng tụt hậu. Họ đã làm một lựa chọn với ưu tiên hàng đầu là phát triển đất nước bằng những phương tiện có thể làm giảm quyền lực của giới cầm quyền. Nhưng đó là một cái giá mà họ đã chấp nhận trả.

Huỳnh Hùng

Triều Tiên: từ chiến tranh đến hòa đàm

Nguyễn Phi Phụng

Cuộc gặp gỡ thượng đỉnh ở Bình Nhưỡng, trong ba ngày từ 13 đến 15 tháng 6, giữa hai lãnh tụ Nam-Bắc Triều Tiên Kim Đại Trung (Kim Dae Jung) và Kim Chính Nhật (Kim Jong IL), sau hơn nửa thế kỷ chống đối, là một sự kiện lịch sử và đồng thời là một bước ngoặt trong quan hệ của hai miền. Trong quá khứ, nhiều cuộc gặp gỡ được diễn ra giữa các tổ chức Hồng Thập Tự hay ở cấp bậc lãnh đạo thấp nhưng cuối cùng đều đi đến thất bại. Chiến tranh lạnh và mục tiêu đối kháng không giúp hai miền đi đến mẫu số chung trong việc thực hiện hoà giải dân tộc. Cuộc dự trù gặp gỡ thượng đỉnh giữa hai lãnh đạo của hai miền trong năm 1994, nếu không có biến cố bất ngờ, cũng không chắc đem lại thành quả đáng kể vì tình hình lúc đó chưa chín muồi như hiện nay. Sự lên cầm quyền của Kim Đại Trung ở miền Nam, người đấu tranh trong nhiều thập niên cho tự do dân chủ và tình trạng bế tắc về kinh tế ở miền Bắc là động cơ thúc đẩy hai miền đi đến cuộc gặp gỡ thượng đỉnh. Nó không những mở một kỷ nguyên mới giữa hai miền nam bắc Triều Tiên mà còn làm các nước có ảnh hưởng trong vùng, đặc biệt là Hoa Kỳ, phải thay đổi chiến lược trong dài hạn. Trong bài viết này, chúng ta hãy tìm hiểu tình trạng của xứ Triều Tiên trong nửa thế kỷ qua và lý do tại sao cuộc gặp gỡ thượng đỉnh có thể xảy ra cũng như thành quả của nó.

Triều Tiên trong thời kỳ chiến tranh lạnh

Cũng như các nước thuộc nền văn minh Trung Hoa, Triều Tiên trong thời kỳ phong kiến là một trong những chư hầu của các triều đại Trung Hoa. Triều Tiên lại còn bị ách đô hộ của Nhật Bản trong thời gian ngắn từ 1910 đến 1945. Người dân Triều Tiên bị Nhật Bản đàn áp khắc nghiệt và họ không ngừng đứng lên chống đối. Ngày 1-3-1919, người dân Triều Tiên đứng lên hưởng ứng lời kêu gọi của tổng thống Mỹ Wilson theo đó các dân tộc đều có quyền tự quyết. Một chính phủ lưu vong được thành lập ở Thượng Hải dưới sự lãnh đạo của ông Lý

Thừa Vân (Syng Man Rhee). Sau khi Nhật đầu hàng năm 1945, người dân Triều Tiên tưởng đã lấy lại chủ quyền nhưng họ hoàn toàn thất vọng. Hai cường quốc Mỹ và Liên Xô đã thỏa thuận trên lưng của họ ở hội nghị Yalta để phân chia vùng ảnh hưởng. Hồng quân Liên xô có nhiệm vụ giải giới quân đội Nhật từ vĩ tuyến thứ 38 trở lên, quân đội Mỹ đảm trách công việc này từ vĩ tuyến 38 trở xuống. Sự kiện này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến sự chia cắt của hai miền sau này. Ở hội nghị Mạc Tư Khoa vào tháng 12-1945, ba ngoại trưởng Liên Xô, Mỹ và Anh quyết định đặt Triều Tiên dưới sự giám hộ của họ trong 5 năm. Người dân Triều Tiên và các đảng phái, ngoại trừ đảng cộng sản, đều cương quyết chống lại sự áp đặt này. Trước phản ứng bất ngờ này, Hoa Kỳ đưa vấn đề thống nhất Triều Tiên ra trước Hội Đồng Liên Hiệp Quốc vào tháng 9-1947. Liên Hiệp Quốc cho thông qua một nghị quyết theo đó một một cuộc tổng tuyển cử sẽ được tổ chức trên toàn xứ để lập ra một quốc hội lập hiến và một chính phủ duy nhất cho hai miền. Nghị quyết của Liên Hiệp Quốc, trên thực tế, đã trở thành vô bổ vì ở phía Bắc, Hồng quân Liên Xô với 125.000 quân đã mang theo một đoàn quân "giải phóng" của Kim Nhật Thành do họ huấn luyện và nuôi dưỡng ở Mãn Châu và Tây Bá Lợi Á. Trong thời gian hai năm từ 1945 đến 1947, Kim Nhật Thành đã biến miền Bắc thành một quốc gia dưới sự lãnh đạo của đảng Lao Động mà ông ta là tổng bí thư. Vì lẽ đó, bắc Triều Tiên từ chối cuộc tuyển cử được diễn ra trên phần đất do họ kiểm soát. Cuộc tuyển cử chỉ được tổ chức ở phía Nam vào tháng 5-1948 với kết quả hầu như đã biết trước.

Cộng Hoà Hàn Quốc chính thức ra đời ngày ngày 15-8-1948 dưới sự lãnh đạo của Lý Thừa Vân. Ngày 9-9-1948, miền Bắc cũng cho thành lập "Cộng Hoà Dân Chủ Nhân Dân Triều Tiên" do Kim Nhật Thành đứng đầu. Nước Triều Tiên trên thực tế bị chia đôi. Chính phủ Lý Thừa Vân hăm dọa sẽ dùng vũ lực để

"giải phóng" miền Bắc. Nhưng sự hăm dọa của ông ta không những không có cơ sở mà còn làm cho bắc Triều Tiên có cơ để xâm phạm miền Nam sau đó. Quân lực của Hàn Quốc lúc đó còn quá yếu kém so với quân lực của bắc Triều Tiên. Miền Nam chỉ có 60.000 quân và vài phi cơ chiến đấu so với 100.000 quân, 200 phi cơ và 240 xe tăng của Liên Xô để lại cho miền Bắc sau khi rút quân về nước vào năm 1949. Thêm vào đó, ngoại trưởng Mỹ Dean Acheson đã phạm sai lầm lớn khi ông ta tuyên bố, đầu tháng giêng 1950, là "vòng đai phòng thủ" của Hoa Kỳ ở Á Châu chỉ có Nhật và Phi Luật Tân. Lời tuyên bố này được Stalin và Kim Nhật Thành chú ý. Theo tư liệu của KGB để lại và được cựu tổng thống Nga Boris Yelsin giao cho cựu tổng thống Hàn Quốc Kim Vịnh Tam (Kim Yong Sam) trong chuyến thăm chính thức trong năm 1994 ở Mạc Tư Khoa, Kim Nhật Thành đã thông báo Stalin ý định chiếm miền Nam trong chuyến công du của ông ta vào cuối năm 1949. Stalin không tin tưởng họ Kim sẽ thắng, chỉ khuyên nên tăng cường quân lực. Hơn một năm sau, vào tháng 4-1950, Kim Nhật Thành bí mật trở lại Mạc Tư Khoa thông báo cho Stalin biết là tình hình miền Nam đã "chín muồi". Stalin đồng ý trên nguyên tắc, nhưng cho quyết định tùy thuộc ý kiến của Mao Trạch Đông. Kim Nhật Thành đợi không lâu lắm vì chỉ một tháng sau (ngày 15-5-1950), Mao trả lời sẽ can thiệp trong trường hợp Mỹ giúp Hàn Quốc. Ngày 25-6-1950, quân đội Kim Nhật Thành vượt sang vĩ tuyến thứ 38. Chỉ trong hai ngày, Hán Thành (Seoul) bị thất thủ. Một tháng sau, ba phần tư đất đai miền Nam bị quân miền Bắc chiếm đóng. Dư luận thế giới rất xôn xao trước sự sụp đổ sắp đến của Hàn Quốc. Nhưng Stalin đã phạm hai sai lầm lớn. Ở Liên Hiệp Quốc, người đại diện của Stalin đã tẩy chay các cuộc thảo luận từ tháng 2-1950, viện cớ là ghé thường trực của xứ Trung Hoa vẫn bị Đài Loan chiếm giữ. Hội Đồng Liên Hiệp Quốc cho thông qua hai quyết nghị được 53 trên 59 xứ chấp thuận (Liên Xô không

làm phủ quyết vì vắng mặt). Nghị quyết thứ nhất đòi Bắc Triều Tiên phải rút quân; nghị quyết thứ hai là gửi quân đội Liên Hiệp Quốc can thiệp vào cuộc chiến. Thực tế là quân đội Hoa Kỳ dưới sự thống lãnh của tướng Mac Arthur, người hùng ở chiến trường Á Châu trong đệ nhị thế chiến. Sai lầm thứ hai của Stalin là không đo lường được phản ứng của Âu Mỹ. Quân đội Liên Hiệp Quốc đổ bộ ngày 15-9 ở hải cảng Nhân Xuyên (Inchon), chiếm lại Hán Thành ngày 26-9 và đuổi quân của Kim Nhật Thành tới sông Áp Lục (Yalu), biên giới giữa Triều Tiên và Trung Quốc, sau khi chiếm Bình Nhưỡng (Pyong Yang) ngày 18-10. Kim Nhật Thành hốt hoảng kêu gọi Bắc Kinh cứu trợ. Ba chục sư đoàn "chí nguyện quân" của Bắc Kinh vượt sông Áp Lục vào giữa tháng 10. Theo tư liệu được thố lộ sau này, Chu Ân Lai đã chống lại sự can thiệp vào cuộc chiến Triều Tiên, mọi quyết định đều do Mao lấy. Ngoài ra, Mao cũng bị Stalin chơi xỏ là không cho không quân Liên Xô yểm trợ các cuộc đổ bộ như đã hứa, làm quân đội của Bắc Kinh bị tổn thất nặng. Đầu tháng 1-1951, Hán Thành bị quân miền Bắc chiếm lại lần thứ hai mặc dù Mỹ có đề nghị đình chiến hai tuần trước đó. Chiến tranh Triều Tiên trở thành chiến tranh Trung-Mỹ vì quân đội của đồng minh có rất ít. Quân đội của Bắc Kinh do tướng Bành Đức Hoài (Peng De Huai) thống lãnh, có lúc lên tới 70-80 vạn quân ở chiến trường. Vào giữa tháng 3-1951, Hán Thành được lấy lại và quân Trung Cộng-bắc Triều Tiên bị quân Liên Hiệp Quốc đánh bật sang vì tuyến thứ 38. Sự chiến tranh thế giới có thể bùng nổ, người đại diện Liên Xô ở Liên Hiệp Quốc Jacob Malik đề nghị đình chiến vào tháng 6. Hai bên thương lượng trong hai năm mới xong và lấy Bàn Môn Điếm (Panmunjom) ở vĩ tuyến 38 làm giới tuyến. Sự phân chia giữa hai miền Nam Bắc trở thành thực sự vào ngày 27-7-1953.

Chiến tranh Triều Tiên làm 2,5 triệu người tử thương, 8 triệu người bị phân chia, nhiều triệu người sống trong cảnh màn trời chiếu đất không kể tổn thất tài sản. Quân đội "chí nguyện quân" của Bắc Kinh tổn thất nhiều nhất với 900.000 tử thương trong đó có con trai trưởng của Mao là Mao Ngạn Anh (Mao An Ying) so với 60.000 của quân đội Liên Hiệp Quốc.

Thời kỳ dò dẫm đối thoại

Sau khi đình chiến ở bán đảo Triều Tiên, chiến tranh lạnh giữa hai khối Đông-Tây vẫn tiếp tục khắp nơi trên thế giới. Ở miền Bắc, chế độ Kim Nhật Thành thống trị với bàn tay sắt trong khi ở miền Nam, các chế độ độc tài quân phiệt luân phiên thao túng từ Phác Chánh Hy (Park Chung Hee)(1961-1979) đến Toàn Đẩu Hoán (Chun Doo Hwan)(1980-1987) và Lô Thái Ngu (Roh Tae Woo)(1988-1992). Từ 1992 trở đi, chế độ dân sự của ông Kim Vịnh Tam có thể nói là chế độ bắt đầu có dân chủ.

Điều khác biệt với miền Bắc là kinh tế ở miền Nam được tăng trưởng mạnh theo kinh tế thị trường; đời sống dân chúng do đó cũng được nâng cao vượt bậc. Trong nửa thế kỷ, sự sai biệt về thu nhập đầu người giữa hai miền lên đến độ 14 lần. Tổng sản lượng quốc nội của miền Nam 22 lần hơn miền Bắc (485 tỷ USD so với 22 tỷ), nền ngoại thương 100 lần hơn (225 tỷ USD so với 2,3 tỷ). Công nghiệp của Hàn Quốc lại còn cạnh tranh với các nước tiên tiến trên thế giới qua các đại công ty nổi tiếng như Sam Sung, L.G(Lucky Goldstar), Hyundai (Hiện Đại), Daewo (Đại Vũ) v.v.... Bốn đại công ty này có số thương vụ từ 45 đến 80 tỷ USD và dùng 560.000 nhân công trước khi có phong bão tiền tệ ở Á Châu trong hè 1997.

Trong thời gian nửa thế kỷ, cuộc hoà đàm giữa hai miền được diễn ra vài lần nhưng cuối cùng đều đi đến thất bại. Năm 1971, tổ chức Hồng Thập tự của hai miền, lần đầu tiên, nối lại liên lạc. Tiếp theo đó, cục trưởng tình báo miền Nam ông Lý Hậu Lạc (Lee Hu Rak) sang Bình Nhưỡng hoà đàm với bí thư ban tổ chức đảng Lao Động ông Kim Anh Trụ (Kim Young Joo), em của Kim Nhật Thành vào đầu tháng 5-1972. Sau đó, một phó thủ tướng Bình Nhưỡng ông Phác Thành Triết (Park Sung Chul) bí mật sang viếng thăm Hán Thành vào cuối tháng. Hai bên xác nhận nguyên tắc thống nhất tổ quốc trong hoà bình không có can thiệp ngoại bang vào đầu tháng 7-1972. Hai bên còn đồng ý chấm dứt tuyên truyền chống đối và thiết lập trực tiếp một điện thoại "đỏ". Những nỗ lực đối thoại giữa hai miền nằm trong khung cảnh của sự chuyển hướng đối ngoại của Bắc Kinh sau cuộc gặp gỡ Mao-Nixon vào đầu năm 1972 và

ý định tái lập quan hệ với Nhật. Cho đến tháng 6-1973, hai bên gặp gỡ ba lần ở Bình Nhưỡng và Hán Thành. Nhưng mục tiêu của hai bên hoàn toàn đối ngược. Mục tiêu của miền Bắc là giảm bớt quân đội hai miền và việc rút quân của Mỹ ra khỏi miền Nam trong khi miền Nam chỉ muốn hai bên cùng công nhận lẫn nhau để hợp tác về kinh tế và văn hoá. Mục tiêu bất đồng đưa đến thất bại về đối thoại. Trong nhiều năm, hai bên vẫn tiếp tục cho hải quân giao chiến ở các vùng biển có tranh chấp làm tình hình trở lại căng thẳng. Đầu tháng 1-1980, thủ tướng bắc Triều Tiên ông Lý Chung Ngọc gửi công hàm cho thủ tướng Hàn Quốc ông Thân Huyền Xác đề nghị hai bên tổ chức hội đàm ở cấp bậc thủ tướng nhưng rồi kết quả cũng chẳng đi đến đâu. Phải đợi đến tháng 9-1991, lời đề nghị này mới được thực hiện qua chuyến viếng thăm của thủ tướng miền Bắc ông Diên Huồng Hiến sang Hán Thành gặp người đồng sự ông Trịnh Nguyên Thực. Hai thủ tướng ký một hiệp định về " Hoà giải, bất xâm phạm và trao đổi hợp tác giữa hai miền" và một bản tuyên bố chung về "cấm chỉ vũ khí hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên". Nhưng sau đó, Bình Nhưỡng cho ngừng chỉ đối thoại viện cố Hán Thành cho thao diễn quân lực với Hoa Kỳ. Trong thời gian này, Bình Nhưỡng hoàn toàn bị cô lập trên chính trường vì hai người "anh em" Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa đã công nhận Hàn Quốc khi hai miền chính thức được gia nhập vào Liên Hiệp Quốc trong năm 1991. Để thoát khỏi cô lập, Kim Nhật Thành, nhân dịp chuyến viếng thăm của cựu tổng thống Mỹ ông Jimmy Carter trong tháng 6-1994, tuyên bố sẵn sàng gặp không điều kiện tổng thống Hàn Quốc ông Kim Vịnh Tam bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu để cải thiện quan hệ giữa hai miền. Phải nói ông Carter đã thuyết phục được họ Kim cha cũng như cựu tổng trưởng Quốc Phòng Mỹ ông William Perry đã thuyết phục được họ Kim con, 5 năm sau đó, để đi đến cuộc gặp gỡ thượng đỉnh. Cuộc gặp gỡ thượng đỉnh giữa Kim Nhật Thành và Kim Vịnh Tam được dự trù từ ngày 25 đến 28 tháng 7-1994, nhưng Kim Nhật Thành bất thần từ trần ngày 8 tháng 7, ngoài hai tuần trước đó. Theo sự thố lộ của ông Hoàng Trường Diệp (Hwang Jang Yop), một nhân vật cao cấp của Bình Nhưỡng và đồng thời là một lý thuyết gia của Kim Nhật Thành về thuyết "chủ thể"(Juche) đã trốn xin tị nạn

ở miền Nam trong tháng 2-1997 thì Kim Nhật Thành đột ngột từ trần vì bệnh lên tim sau khi tranh cãi với con Kim Chính Nhật đang lúc nghỉ ngơi ở núi Diệu Hương (Myohyang). Cùng theo ông Hoàng Trường Diệp, Kim Chính Nhật chống đối cuộc gặp gỡ thượng đỉnh này. Điều nghịch lý là Kim Chính Nhật lại chấp nhận cuộc họp mặt thượng đỉnh 6 năm sau đó trong bối cảnh khác biệt và ông ta đã đóng vai người làm lịch sử với Kim Đại Trung.

Hai người làm lịch sử

Nếu một ngày kia nước Triều Tiên được thống nhất trong hoà bình, lịch sử Triều Tiên sẽ ghi nhớ đến hai người làm lịch sử là Kim Chính Nhật và Kim Đại Trung. Họ là ai? Cuộc đời của Kim Chính Nhật là cả một huyền thoại thần bí. Theo văn kiện chính thức, thủ lãnh Kim Chính Nhật sinh ngày 16 tháng 2 năm 1942 ở núi Bạch Đầu (Paekdu), nơi cấm địa của phong trào kháng chiến chống Nhật của nhân dân Triều Tiên. Nhưng theo các chuyên gia về lịch sử Triều Tiên, họ Kim thực sự sinh ở Hải Sâm Uy (Vladivostok) hay Khabarovsk, hai nơi thuộc Nga Xô vì gia đình của Kim Nhật Thành đã sang lánh nạn ở đây. Ông Kim còn được cha đặt tên Nga là Yura. Đây cũng là một trong những huyền thoại của gia đình họ Kim miền Bắc bịa ra để lường gạt nhân dân. Người ta lại còn nghi ngờ sự tham gia thực sự kháng Nhật của Kim Nhật Thành. Theo những người chống đối Kim Nhật Thành sau này đã trốn xin tị nạn ở Mạc Tư Khoa và Nhật Bản thì Kim Nhật Thành chính thống đã từ trần năm 1937 và tên ông bị họ Kim (giả) mạo danh soán lấy....Điều chắc chắn là ông này chỉ tuyên bố tuyên chiến với Nhật hai ngày sau khi Nhật đầu hàng! Sau khi có quyền lực trong tay, ông này đã lần lượt cho thủ tiêu các thủ lãnh chính thống kháng Nhật. Từ 1948 đến 1956, 39 trên 69 uỷ viên trung ương đảng bị "mất tích". Họ Kim còn thành công gạt ra ngoài những phần tử thân Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh trong đó có ông Kim Tu Bong có lúc cư ngụ ở Diên An với Mao Trạch Đông.

Cùng theo văn kiện chính thức, từ tháng 9-1950 đến 1960, Kim Chính Nhật học ở học viện "Cách mạng Hồng Kỳ" Vạn Cảnh Đài và trung học Nam Sơn ở Bình Nhưỡng. Dù không phải là một học

sinh xuất sắc, nhưng huyền thoại lại đưa ra là họ Kim đã giảng dạy chiến tranh du kích lúc mới lên..10 tuổi!. Từ 1960 đến 1964, họ Kim vào học trường chính trị kinh tế của Đại học Tổng Hợp Kim Nhật Thành. Sau khi tốt nghiệp, con đường quan lại của họ Kim cứ theo đó mà thăng tiến vùng vục. Cho đến 1974, họ Kim lần lượt được bổ nhiệm thứ trưởng, bộ trưởng, bí thư đảng và uỷ viên bộ chính trị. Tháng 10-1980, Kim Chính Nhật lúc đó mới 38 tuổi đã chính thức trở thành người thừa kế với cương vị tổng bí thư đảng, uỷ viên thường vụ bộ chính trị. Tháng 4-1992, họ Kim được cha tấn phong "nguyên soái", tư lệnh tối cao quân đội nhân dân, đệ nhất phó chủ tịch uỷ ban quốc phòng trước những nguyên soái lão thành như Ngô Chấn Vũ (O Jin U) và Thôi Quang (Choe Kwang). Họ Kim nhiều lần được gắn huy chương "anh hùng dân tộc".... Về "thành tích" của họ Kim thì không thể kể hết. Hai "thành tích" được thế giới biết đến là việc đặt chất nổ với ý định ám sát tướng Toàn Đẩu Hoán ở Rangoon trong lúc ông này đang viếng thăm chính thức Miến Điện trong năm 1983. Họ Toàn may không chết nhưng bốn bộ trưởng trong phái đoàn bị tử thương. Sự kiện thứ hai là chiếc máy bay của hàng không Hàn Quốc (KAL) bị nổ trên không gian làm 115 người tử thương trong năm 1987. Sau khi cha chết trong năm 1994, họ Kim trở thành tổng bí thư đảng và chủ tịch uỷ ban quốc phòng, chức chủ tịch nước được ông Kim Vinh Nam (Kim Yong Nam), chủ tịch quốc hội đảm nhận. Về tính tình của họ Kim, cũng cả là một đề tài huyền bí. Các giới am tường mô tả ông nghiện rượu ngon, ham thích mỹ nhân, thích hát karaoke và chơi bài taro. Về diện mạo, ông có bộ tóc bù xù, đôi mắt điều hâu với cặp kiếng dày, con người ngạo nghễ, nóng tính và đe dọa. Ông thích được mọi người gọi là "lãnh tụ kính ái". Cùng theo giới này, họ Kim hiện nay bị bệnh đái đường và bệnh xơ gan (cirrhose). Nhưng theo những tin gần đây, họ Kim đã "thay đổi". Ngoại trưởng của Bắc Kinh cho biết họ Kim nay đã ngừng hút thuốc và chỉ còn uống "chút ít" rượu. Ông Trịnh Châu Vinh (Chung Ju Yung), chủ nhân tập đoàn Hyundai của Hàn Quốc, người đầu tiên sang bắc Triều Tiên, cách đây một năm, cống hiến 1000 bò sữa và tổ chức du lịch ở núi Kim Cương (Kum Gang) đã mô tả họ Kim là con người "lễ độ và nhã nhặn". Những hình ảnh truyền

hình qua cuộc gặp gỡ thượng đỉnh cho thấy họ Kim cũng là con người biết uốn nắn theo tình thế. Ông ta không ngần ngại đứng tận cầu thang máy bay đón tiếp tổng thống Kim Đại Trung và phu nhân bà Lý Cơ Hạo (Lee Hee Ho) và sau đó ôm hôn ông Kim Đại Trung vào lúc tiễn đưa (dư luận báo chí còn bàn tán sự vắng mặt của vợ Kim Chính Nhật bà Kim Anh Thục (Kim Yong Suk)). Ngoài ra, ông còn biết pha trò và nói đùa lán áp cả ông Kim Đại Trung với tính tình dè dặt và ít nói. Trong một buổi tiệc thiết đãi, nhận thấy bà Lý Cơ Hạo đang ngồi ở một bàn khác, họ Kim vội và lên tiếng: "Chúng ta quyết định sum họp gia đình ly tán, chúng ta phải bắt đầu ngay vào tối hôm nay". Dù cũng là một câu nói đùa, nhưng hình ảnh truyền đi làm người dân miền Nam cảm động. Có người còn pha trò nói nếu Kim Chính Nhật ra ứng cử tổng thống, ông sẽ thắng cử dễ dàng hay ông sẽ được giải thưởng Oscar về điện ảnh. Hình ảnh của Kim Chính Nhật theo đó cũng biến đổi. Từ một nhà độc tài khép kín nhất trên thế giới, họ Kim trở thành, theo một cuộc thăm dò ý kiến ở Hán Thành sau đó, một người "khả ái, dễ thương, cởi mở..."

Tổng thống Kim Đại Trung sinh năm 1925 trong một gia đình nghèo ở một đảo nhỏ ở phía đông nam thuộc tỉnh Quang Châu (Kwang Ju). Ông là người công giáo thực hành. Ông có lẽ là một chính trị gia kiên nhẫn nhất trên thế giới với bốn lần ra tranh cử tổng thống và đồng thời cũng là người khoan dung độ lượng. Sau khi thắng cử vào cuối năm 1997, ông đã ân xá hai cựu tổng thống Toàn Đẩu Hoán và Lô Thái Ngu, hai người đã làm ông nhiều lần vào tù ra khám.

Cuộc đời của ông Kim Đại Trung là một hành trình đấu tranh gian khổ cho tự do dân chủ. Ra ứng cử tổng thống lần đầu tiên năm 1971, ông Kim, trước sự ngạc nhiên của mọi người, chiếm 46% phiếu, chỉ thua Phác Chánh Hy độ một triệu phiếu. Tháng 8-1973, ông thoát chết sau khi bị cơ quan mật vụ của chính quyền bắt cóc ở Nhật Bản với ý định thủ tiêu ông trên biển cả. Nhờ cơ quan tình báo CIA của Mỹ can thiệp, ông được cứu mạng nhưng phải bị 8 năm tù. Được thả ra trước kỳ hạn trong năm 1979 (Phác Chánh Hy bị ám sát), ông bị chính quyền Toàn Đẩu Hoán bắt lại trong tháng 5-1980 với lý do

"xúi giục" dân chúng nổi loạn tại quê hương nơi ông sinh trưởng tỉnh Quang Châu. Trong cuộc nổi loạn này, có ít nhất 2000 người tử thương và nhiều ngàn người bị thương nặng. Vì vụ này, ông bị kết án tử hình nhưng nhờ dư luận quốc tế can thiệp, bản án được giảm xuống 20 năm tù trước khi bị trục xuất sang Mỹ năm 1982. Đáng đi khó khăn hiện nay của ông là hậu quả của những năm bị tù tội. Năm 1987, ông ra ứng cử tổng thống lần thứ hai nhưng lại thất bại vì phe đối lập không đi đến thỏa hiệp để có một ứng cử viên duy nhất. Năm 1992, ông lại ra tranh cử lần thứ ba, nhưng bị một ứng cử viên đối lập, ông Kim Vĩnh Tam, trở mặt vì ông này đã cho sáp nhập đảng của ông ta vào đảng của chính quyền. Ông nhiều lần tuyên bố, vì thất vọng, từ bỏ tham gia vào đời sống chính trị. Nhưng Kim Đại Trung không phải là người từ bỏ chính trị một cách dễ dàng. Ông tự cho là người có sứ mạng thiêng liêng với vận mạng đất nước. Am ảnh của ông là phải thực hiện hoà giải dân tộc trước khi đi đến thống nhất đất nước dù phải trả với giá nào. Có người nói mục tiêu chính của ông là có được giải thưởng Nobel Hoà Bình vì tên ông đã nhiều lần được đề cử. Mặc dù phải mang gánh nặng với phong bão tiền tệ ở Á Châu vào lúc mới lên cầm quyền, ông không quên kêu gọi người anh em miền Bắc hãy cùng nhau ngồi lại thương lượng để giải quyết vấn đề thống nhất cũng như vấn đề gia đình ly tán. Chính sách "ánh sáng mặt trời"(sunshine policy) được ông đưa ra dựa trên ba nguyên tắc sau: Không dùng thứ mọi khiêu khích làm tổn hại đến an ninh quốc gia, cam kết không làm mất ổn định miền Bắc, tận dụng nỗ lực đi đến hoà giải hợp tác giữa hai miền. Trong hai năm, lời kêu gọi chân thành của ông cũng chỉ là "đàn khải tai trâu". Kim Chính Nhật vẫn tiếp tục làm khiêu khích, đưa người vào miền Nam phá hoại, cho bắn hoà tiễn trên không phận của Nhật Bản trong tháng 8-1998 và cho hải quân giao chiến ở biển vàng trong tháng 6-1999 v.v.. Dù vậy, ông Kim Đại Trung không nản chí. Trong chuyến công du của ông ở Đức trong đầu tháng ba năm nay, ông nhắc lại Hàn Quốc sẽ chấm dứt chiến tranh lạnh và lấy hoà bình và hợp tác làm mục tiêu chính. Ông lại hứa tiếp tục giúp đỡ bắc Triều Tiên về thực phẩm và cung cấp viện trợ kinh tế để xây dựng lại đường xá, hải cảng, nhà máy nhiệt điện, các thiết bị nông nghiệp v.v... Lời "kêu gọi

Bá Linh" của ông lần này được chính quyền Bình Nhưỡng, đang trong bước đường cùng, đáp ứng. Cuộc gặp gỡ thượng đỉnh vừa qua được thực hiện do sự kiên trì nhẫn nại của ông Kim Đại Trung.

Lý do chấp nhận của Bình Nhưỡng

Ngoài sự kiên trì nhẫn nại của ông Kim Đại Trung, lý do chấp nhận của Kim Chính Nhật có nhiều nguyên nhân do tình trạng đói kém trong nước và tình hình thế giới. Như đã nói ở trên, Kim Chính Nhật đã phản đối cuộc gặp gỡ thượng đỉnh dự trù trong năm 1994. Từ khi ông ta trở thành nhân vật số một của chế độ, tình trạng đói kém kéo dài trong nhiều năm liên tiếp. Tình trạng này một phần do hạn hán và ngập lụt, nhưng phần lớn là do kinh tế bị phá sản vì chế độ vẫn theo đuổi hệ thống kinh tế chỉ huy và thuyết chủ thể trong khi các nước "anh em" đã từ bỏ. Dân số bị giảm đi gần ba triệu người (21,5 triệu thay vì 24,5) là do tình trạng đói kém. Hai người "anh cả" Nga Sô và Trung Quốc lại "phản bội", công nhận Hàn Quốc, một nước "ngụy" của Hoa Kỳ. Kim Chính Nhật chỉ còn một lá bài "Joker" trong tay là dọa nạt các xứ trong vùng với vũ khí hạt nhân. Nhưng lá bài này cũng có hạn chế, nhiều khi đi ngược lại kết quả mong muốn. Hoa Kỳ chỉ giúp đỡ "nhỏ giọt" với điều kiện, lại có ý định thành lập một hệ thống phòng ngự hỏa tiễn chiến khu (Theater missile defence)(TMD), chủ yếu là chống lại Bắc Kinh, người giúp đỡ cuối cùng của Bình Nhưỡng. Sự kiện này làm Bắc Kinh không hài lòng và làm áp lực với Bình Nhưỡng.

Nhưng lý do chính là tình hình thế giới trong vùng. Vì lý do địa dư chính trị, các nước trong vùng và Hoa Kỳ, một cách nghịch lý, không ai muốn chế độ Bình Nhưỡng sụp đổ! Nhân dân Hàn Quốc, qua kinh nghiệm thống nhất của nước Đức, không muốn hy sinh cuộc sống của mình để thống nhất với miền Bắc. Theo sự phóng ước của các chuyên gia, Hàn Quốc phải bỏ ra 1000 tỷ USD (hơn hai lần GDP của Hàn Quốc) trong 10 năm để năng suất của miền Bắc có được phân nửa năng suất của miền Nam hiện nay. Cái giá phải trả còn cao hơn ở Đức trong khi tình trạng kinh tế của miền Nam vừa mới thoát ra khủng hoảng tiền tệ ở Á Châu.

Về phía Bắc Kinh, họ chẳng bao giờ muốn thấy, cũng như trước đây ở Việt Nam, một Triều Tiên thống nhất, nhất là một Triều Tiên nằm trong quỹ đạo của Hoa Kỳ. Trái lại, họ khuyến khích Kim Chính Nhật nên từ bỏ chính sách bế quan tỏa cảng, thiết lập quan hệ với nước ngoài và đối thoại với Hàn Quốc. Chuyến đi "bí mật" của Kim Chính Nhật ở Bắc Kinh vào cuối tháng 5, hai tuần trước hội nghị thượng đỉnh, là dấu hiệu cho thấy Bắc Kinh còn ảnh hưởng không nhỏ ở Bình Nhưỡng dù quan hệ không còn khăng khít như trước đây. Hậu ý chính trị của Bắc Kinh trong vấn đề bán đảo Triều Tiên rất rõ rệt. Trước hết là bớt đỡ gánh nặng về sự trợ giúp hàng năm tuy không nhiều (150.000 tấn thóc và 400.000 tấn than). Hai là tránh được sự đổ xô của người Triều Tiên trốn sang hai tỉnh Cát Lâm và Liêu Ninh để tránh đói mà số người hiện nay được ước lượng là 200-300 ngàn. Cuối cùng, Hoa Kỳ sẽ không còn có lý do để thiết lập hệ thống TMD và giữ 37.000 quân thường trú ở Hàn Quốc trong khi họ cho dàn hỏa tiễn sang phía Đài Loan và Nhật một cách "thoải mái".

Về phía Nhật Bản, họ cũng không quên những hình ảnh xấu xa đã để lại trên đất nước Triều Tiên trong thời gian thuộc địa ngắn. Một Triều Tiên thống nhất sẽ làm kích thích chủ nghĩa dân tộc mà họ sẽ là nạn nhân chính. Nga Sô, một cách tình cờ, cũng muốn đóng vai trò nào đó trong bán đảo Triều Tiên với việc dự định viếng thăm chính thức của tổng thống Putin trong tháng bảy tới ở Bình Nhưỡng và mời Kim Chính Nhật sang viếng thăm chính thức Mạc Tư Khoa trong tháng tám. Còn Hoa Kỳ? Trong việc này, Hoa Kỳ trên lý thuyết có lẽ là người thất thiệt nhất. Nếu Hàn Quốc và cộng đồng quốc tế chấp nhận viện trợ bắc Triều Tiên, Hoa Kỳ không còn có lý do để làm áp lực Bình Nhưỡng cũng như trong dài hạn phải rút quân ở Hàn Quốc và Nhật Bản về nước. Chiến lược của Hoa Kỳ ở Viễn Đông bắt buộc phải thay đổi.

Nói tóm lại, phạm vi thao tác của Kim Chính Nhật, sau khi củng cố quyền lực trong tay, chưa bao giờ được rộng rãi như lúc này. Vì lý do nói trên, họ Kim cho tái lập bang giao với Ý, Úc Đại Lợi, Phi Luật Tân và Brunei trong một thời gian ngắn. Bắc Triều Tiên còn có ý định tham gia

Diễn Đàn Khu Vực Á Châu (ARF), một tổ chức bàn cãi vấn đề an ninh trong vùng, vào cuối tháng 7 tới và chấp nhận nguyên tắc một cuộc viếng thăm chính thức của Đức giáo hoàng đệ nhị Phao Lô.

Cuộc gặp gỡ thượng đỉnh giữa hai lãnh đạo Nam Bắc Triều Tiên đã mở một trang sử mới không những cho hai miền mà còn cho cả các cường quốc có ảnh hưởng trong vùng trong sự chuẩn bị thay đổi chiến lược. Thành quả của cuộc gặp gỡ thượng đỉnh tuy còn khiêm tốn về mục tiêu chính nhưng về tâm lý là một thành công lớn. Hai đề tài chính là luật an ninh quốc gia và việc rút quân thường trú của 37000 quân Mỹ ở miền Nam và vấn đề vũ khí hạt nhân của miền Bắc tuy có được đề cập tới nhưng không nói tới trong thông cáo chung. Hai bên cam kết sẽ bàn tiếp sau khi tham khảo ý kiến các bạn đồng minh.

Về vấn đề thống nhất đất nước, hai bên ghi nhận miền Bắc muốn một thể chế liên bang (fédération) tiến hành qua nhiều giai đoạn trong khi miền Nam muốn đi đến chế độ liên hiệp (confédération). Hai bên đồng ý tiếp tục thảo luận trên cơ sở đó và giải quyết trong tinh thần độc lập không có sự tham dự ngoại bang. Kim Chính Nhật chấp nhận lời mời của Kim Đại Trung viếng thăm Hán Thành trong thời gian tới (có lẽ trước cuối năm).

Về kinh tế, các đại công ty miền Nam như Huyndai, Sam Sung, L.G v.v., song song với viện trợ của Hàn Quốc, sẽ đầu tư ở miền Bắc trong lãnh vực du lịch, điện tử, thiết bị hậu cần v.v..

Vấn đề cấp bách là vấn đề gia đình ly tán của 8 triệu người Triều Tiên. Hai bên đồng ý sẽ cho phép gia đình thăm viếng và trao đổi thư tín vào ngày 15 tháng 8 tới, ngày lịch sử của Triều Tiên khi lấy lại chủ quyền trên tay người Nhật.

Những người yêu chuộng hoà bình chắc chắn sẽ vỗ tay hoan hô về bước tiến lớn có thể đưa đến hoà giải hoà hợp của nhân dân Triều Tiên trong hoà bình và biết đâu cùng sẽ đem đến tự do dân chủ cho nửa phần đất còn lại?

Nguyễn Phi Phụng

Pháp du phiêu lưu ký

(Ghi nhanh) của **Thành Tín**

Ông Lê Khả Phiêu đi Tây. Một chuyến đi mở đầu sang phương Tây. Ông và bộ hạ hồi hộp. Họ đặt nhiều cao vọng. Sẽ mang về một thể chính trị mới. Nhiều khoản đầu tư mới. Vị trí ông được củng cố. Nhà lãnh tụ số 1 của Việt Nam. Nhà chính khách lớn. Nhà ngoại giao lớn.

Nay chuyến đi đã kết thúc. Bộ máy tuyên truyền tha hồ lên giọng. Xã luận, bình luận, chùm ảnh, tin tức trên báo Nhân Dân, trên đài vô tuyến và truyền thanh Hà Nội. Vậy mà dân Việt Nam vẫn cứ hoài nghi. Thực hư ra sao? Có thật là "một chuyến đi rất tốt đẹp" như đầu đề bài báo của Nhân dân ngày 1 - 6 - 2000 hay không?

Tôi từng đi với đoàn các ngài tổng bí thư Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh. Tôi từng viết các bài báo về các chuyến đi ấy, để khoa trương thành tích theo thói thường của đảng cộng sản, coi báo chí là công cụ tuyên truyền, có nghĩa là đánh lừa người đọc. Thật đáng hổ thẹn. Nay tôi là nhà báo tự do, sống giữa Paris. Sướng thật. Tôi gặp, nghe trên điện thoại nhiều nguồn thông tin, từ các bạn nhà báo Pháp, từ các bạn nhà báo Việt, ở báo Nhân dân và Thông tấn xã Việt Nam thường trú ở Paris, từ các bạn viết báo, làm tin, quay phim đi theo đoàn (bạn đồng nghiệp cũ của tôi), từ trong sứ quán Việt Nam, 16 rue Boileau Paris 16, từ các Việt kiều yêu nước... (ngoài) ra vào sứ quán ấy...

Tôi nói lên sự thật. Ghi nhanh đôi điều về cuộc Pháp du phiêu lưu ký của ông Tổng Lê.

Sao cái đuôi dài thế !

Khi được danh sách của đoàn, ở phủ tổng thống và bộ ngoại giao Pháp, người ta thốt lên: sao mà đông thế ! Gần một trăm người ! Tại đó người ta phân tích ngay. Mục đích chuyến đi là để "lấy le", "kiểm soát vốn tuyên truyền và chính trị", "mối quan tâm đầu tiên là an ninh và hình ảnh trên báo chí, phim, ảnh". Còn làm việc, quan hệ làm ăn, đầu tư, thông báo tình hình, hợp tác chỉ là phụ, là thứ yếu !

Hai tổ quay phim, hai thợ chụp ảnh thời sự, sáu phóng viên nhà báo và thông tấn, tổng giám đốc Thông tấn xã Việt

Nam (ủy viên trung ương đảng), đích thân chỉ đạo, cùng bảy phiên dịch viên tiếng Pháp, đảm nhiệm việc săn lùng tin tức và hình ảnh, tập trung vào những tin và hình nổi đình đám nhất. Đã vậy đoàn tùy tùng gồm cán bộ văn phòng tổng bí thư, văn phòng phủ thủ tướng, bộ văn hóa và thông tin, các phóng viên thường trú của Thông tấn xã Việt Nam, báo Nhân Dân ở Paris, tùy viên báo chí của sứ quán đều được huy động vào trận.

Thật ra đoàn chính thức chỉ có tám vị: tổng bí thư Lê Khả Phiêu, phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Di Niên, bộ trưởng giao thông Lê Ngọc Hoàn, bộ trưởng y tế Đỗ Nguyễn Phương, trưởng ban đối ngoại trung ương đảng Nguyễn Văn Sơn, thứ trưởng kế hoạch và đầu tư Võ Hồng Phúc, và đại sứ ở Pháp Nguyễn Mạnh Dũng. Thông thường ở phương Tây một đoàn cấp cao đi làm việc thì số nhân viên tùy tùng đi theo gấp hai, nhiều lắm là gấp ba số đoàn viên chính thức là vừa. Đàng này nó gấp đến 12 lần !! Gây phiền nhiễu cho chủ nhà về ăn ở đi lại không ít. Chỉ có những triều đình vua chúa ở Châu Phi và Trung Đông mới có cái đuôi dài thông như thế !

Những cuốn băng trình nguyên

Viên đại sứ rất nhạy cảm với việc săn lùng hình ảnh. Ông ta ra lệnh mua một loạt băng vi-đê-ô Nhật Bản và huy động cả sáu máy ti-vi loại tốt nhất của Sứ quán để tổ chức "phục kích" việc ghi hình. Để tỏ ra miễn cưỡng với yêu cầu khước từ trưng hình ảnh của chuyến đi lớn này, viên đại sứ còn đích thân đốc thúc việc mua thêm đáng kể các nhật báo và tuần báo Pháp từ 20 đến 30 tháng 5, mỗi loại 20 số để phân phối cho chư vị đoàn viên! Mỗi vị đoàn viên và tùy tùng đều hy vọng sẽ có ảnh của chính mình, nép bóng ngài tổng bí thư họ Lê, được in trang trọng trên trang 1 báo chí thành phố ánh sáng này, để về "dọa" lại bạn bè và gia đình. Họ sẽ phải trầm trồ : ghê quá ! gớm quá cho mà xem...

Ngay từ tối chủ nhật 21 tháng 5 khi ông tổng đến sứ quán Việt Nam để thăm hỏi và huấn thị, vị tổng thư ký hội Việt kiều yêu nước (ngoài) đã xun xoe chúc mừng ông và hứa hẹn chắc nịch rằng : xin các đồng chí lãnh đạo yên tâm, anh chị

em việt kiều đã chuẩn bị để sưu tầm đầy đủ các hình ảnh của đoàn trên ti-vi và ra-đi-ô. Chúng tôi có quan hệ tốt với báo chí Pháp! Dạ, họ sẽ tới phỏng vấn tổng bí thư và các vị khác. Nước Pháp làm việc rất là chính quy. Tổng thống đã mời chính thức thì từ trên xuống dưới họ sẽ rất là coi trọng đoàn ta!

Thế nhưng suốt hai ngày hôm sau 22 và 23 tháng 5, cuộc săn lùng hội họp đã chỉ thu được "những quả trứng"! Cả năm đài ti vi lớn nhất từ TFI, France 2, France 3, đến Canal Plus, và LCI đều im lặng tuyệt đối, coi như không có đoàn Lê Khả Phiêu đến Paris. Không một đài truyền hình, radio, không một tờ báo nào nói đến sự kiện tổng thống Chirac tiếp đoàn; cả bài nói ngắn, nửa trang giấy của ông Chirac chào xã giao ông Phiêu, tuy đã cố tình không nói gì đến đảng cộng sản, đến ông Hồ Chí Minh, chỉ ca ngợi nhân dân Việt Nam và tình hữu nghị Pháp-Việt, vẫn không có ai nhắc đến dù chỉ một câu, một chữ! Mặc dù không có chỉ đạo của ban tư tưởng và văn hóa!

Cho đến ngày 25 tháng 5, khi Lê Khả Phiêu kết thúc chuyến đi thăm Pháp, tất cả các đài ti vi đều giữ im lặng tuyệt đối! Họ coi như đó là một "non évènement", một sự kiện vô giá trị, coi như không có, vô tích sự, không đáng làm tin, cũng không đáng truyền tin... Các băng ghi của đại sứ Việt Nam vẫn trình nguyên, để lưu niệm về một cuộc Pháp du phiêu lưu kỳ. Một sự cảm lạnh thật hùng hồn, sâu sắc...

Những bài báo để cất dấn và lưu giữ

Toàn đoàn, gần một trăm con người hội họp và thất vọng. Từ ngày 23 và 24 tháng 5, đã có câu chữ đồng, "Bọn Pháp lếu láo thật! Đài và báo Pháp xỏ xiên thật! chúng nó coi thường mình, khinh mình ra mặt!". Không khí trong sứ quán sôi nổi, chuẩn bị mua sắm cho đoàn sang Ý rồi trở về nước. Vẫn còn chút hy vọng hào rằng có thể họ chờ kết thúc chuyến thăm rồi đưa tin một thể từ đầu đến cuối!

Họ càng bị hăng vì hầu hết mới sang châu Âu lần đầu! Họ quen với các chuyến đi Tàu, đi Cu-ba, đi Lào và Miên trước đây, hoặc đi thăm Moscou thời cũ, khi báo cộng sản đưa ảnh, tiểu sử, cảnh đón tiếp chiêu đãi diễn văn...chiếm đầy hai ba trang báo, với hàng chục ảnh đẹp, trang trọng, bài xã luận kêu chan chất, đầy tình nghĩa anh em bền vững.

Cuối cùng có được vài bài báo trên Le Monde, Libération, L'Express, Le Nou-

vel Observateur. Nhẹ nhàng nhất là của Jean-Claude Pomonti phóng viên thường trú của Le Monde ở Hà Nội, nhưng vẫn không hợp khẩu vị ông tổng Lê Khả Phiêu vì nhận định: "chưa có dấu hiệu gì có thay đổi đáng kể về chính sách đối mới, về đại hội 9 sắp đến, có vẻ đảng cộng sản chỉ lo củng cố quyền hành". Pomonti còn đưa tin Lê Khả Phiêu trả lời phỏng vấn đã thanh minh một cách trơ trẽn: "tôi là cộng sản nhưng tôi không ăn thịt người (!), và tôi đi thăm nông thôn cả ban đêm, có nhà độc tài nào dám đi đêm như thế!". Lý sự cùn!

Thế rồi chính báo Le Monde số ra ngày 25 tháng 5 khi đoàn Lê Khả Phiêu từ biệt nước Pháp, đã ra một bài rất ngắn ở cuối trang trong, đưa tin ủy ban Việt Nam ở Pháp phát hành cuốn tư liệu về vi phạm nhân quyền của chế độ ông Lê Khả Phiêu về tù chính trị, về đàn áp báo chí ở Việt Nam. Cuối bài có một câu nói đến chuyến đi thăm của ông Lê Khả Phiêu ở Pháp kết thúc trong sự thờ ơ, nhạt nhèo của dư luận.

Đặng nhiều nhất về Việt Nam mấy ngày này là tuần báo L'Express, ra 600 000 bản mỗi tuần có cô phóng viên Sylvaine Pasquier vừa bị trục xuất thô bạo ở Sài Gòn tháng 4 mới rồi. Chủ báo này nói rõ rằng không phải chúng tôi trả thù họ đâu. Chúng tôi chỉ rút ra kết luận là cần cho dư luận Pháp hiểu rõ là một chế độ độc đoán chống lại nhân dân nước mình thì không thể quan hệ bình thường với họ được, dù cho có những lợi ích kinh tế. Đó là một phóng sự dài 6 trang báo với đầu đề "Sa lầy" và "Con hổ bất động", nói rõ đôi mới nửa vời ở Việt Nam, các vụ đàn áp nhà báo và các nhà dân chủ trong nước, tệ tham nhũng và cửa quyền không ai chịu nổi, có cả sơ đồ trại tù A 20 ở Hàm Tân chuyên giam giữ tù chính trị, tôn giáo... và kết luận: đây là một chế độ chuyên chế thuộc một thời cổ lỗ (totalitaire d'un autre âge).

Báo Libération, xưa kia ủng hộ cuộc chiến đấu của Việt Nam chống bom đạn Mỹ là thế, mà nay đổi hẳn giọng, với bài của Arnault Dubus nêu rõ Việt Nam đang hụt hơi, mất đà. Ông Lê Khả Phiêu chỉ mới làm được một việc dở dang, không hiệu quả là mở ra một cuộc đấu tranh dài hai năm để chỉnh đốn đảng, khi mà đảng vẫn ở trên, ở ngoài pháp luật và lớp tư bản đỏ của ông ta vẫn hoành hành. Ông ta chuyên bảo vệ ý thức hệ cổ lỗ và chống lại hiệp định buôn bán với Mỹ. Ông ta không quan tâm gì đến nền kinh tế đang đình đốn...

Bài báo "độc" nhất: một Pinochet này nữa

Để tiện chân ông Lê Khả Phiêu, báo Le Nouvel Observateur đăng một bài báo lớn gần kín 1 trang của nhà báo rất nổi tiếng Delfeil de Ton, chuyên viết mục phiếm luận chính trị, không khoan nhượng với những kẻ độc tài phản dân chủ. Tít bài báo gây ấn tượng: "Một Pinochet này nữa". Báo ra ngày 31 tháng 5 đúng ngày đoàn Lê Khả Phiêu về Hà Nội. Bài báo viết: "Pinochet vừa thăm nước Pháp; không có ai đòi bắt giữ hắn. Hắn mang tên Lê Khả Phiêu, cái tên rất khó đọc. Khác với Pinochet ở Chili, tội ác thuộc về quá khứ, đã về hưu, Lê Khả Phiêu đang tại chức, đang gây tội ác, tổ chức của ông ta từng gây nhiều vụ ám sát, giết người, nhiều người chết trong biển cả khi trốn chạy chế độ độc ác của ông ta. Ông ta không cho phép một chút quyền tự do tư tưởng và tự do báo chí nào. Khác với Pinochet, Lê Khả Phiêu còn sức khỏe, chưa bị mù mắt vì tuổi già, có thể trả lời trước các vị quan toà..."

Có thể nói bài báo này in một vết chàm lên trán vị khách quý! Đó là bài báo "độc" nhất, chắc chắn sẽ bị xé, bị kiểm duyệt khi vào Việt Nam, chắc chắn sẽ được tìm đọc ở trong nước bởi các bạn lớn tuổi cũng như các bạn trẻ đang học tiếng Pháp...

Điều lý thú nữa là bức ảnh đi kèm theo bài: Lê Khả Phiêu bắt tay thủ tướng Jospin, với một nụ cười hăm tãi không che vào đâu được, xúng xính trong một bộ đồ rộng thùng thình - một hình ảnh hết "anh cả tầm phớ huyện", hai ống quần như hai đèn xếp - trong khi thủ tướng Jospin mỉm cười, tay giờ cao như vậy các nhà báo đến xem một... của lạ!

Cũng cần biết Le Nouvel Observateur là tuần báo lớn hơn 100 trang, hơn nửa triệu độc giả, của phe tả, được trí thức và tuổi trẻ Pháp rất hâm mộ. Báo này từng ủng hộ mạnh "cuộc kháng chiến của Việt Nam", nay quay sang lên án mạnh mẽ ách độc đoán của đảng cộng sản. Một nét rất mới.

Cái đình...rì

Trong bốn ngày ở Pháp của đoàn Lê Khả Phiêu, dư luận chính giới Pháp coi ngày 24 tháng 5 là ngày quan trọng nhất. Đó là "ngày Việt Nam ở thượng viện Pháp" với một cuộc họp bàn tròn lớn, phía Pháp hơn 60 người và phía Việt Nam hơn 40 người tham dự. Chủ tịch thượng

viện Christian Poncelet và tổng bí thư Lê Khả Phiêu phát biểu mở đầu. Sau đó các quan chức, nhà kinh tế, nhà kinh doanh ở hai phía trao đổi, từ 10 giờ đến 15 giờ. Phía Pháp đề ra tên của cuộc trao đổi là : "Giai đoạn 2 của cuộc đổi mới ở Việt Nam?"

Dấu hỏi chỉ rõ đây là một đề tài đặt ra để phía Việt Nam trả lời. Phía Pháp, từ chính phủ đến các nhà kinh doanh, muốn ông Lê Khả Phiêu và đoàn Việt Nam nói rõ : đảng cộng sản có ý chí đưa đổi mới lên một bước cao hơn hay là vẫn cứ đổi mới nửa vời, với thái độ do dự ngập ngừng ? "Giai đoạn 2" của đổi mới là do bà ngoại trưởng Mỹ Albright đề ra, được các tổ chức Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế lập lại. Qua cuộc họp bàn tròn này, chính phủ Pháp và giới kinh doanh ở Paris muốn nhắc Việt Nam rằng : tất cả tùy thuộc ở phía Việt Nam, nếu Việt Nam tỏ rõ ý chí, quyết tâm đổi mới thực sự trong hành động trên bốn mặt cụ thể : cải tổ ngành ngân hàng, cải tổ cơ sở quốc doanh, cải tổ nền tư pháp độc lập và công bằng, chống tham nhũng có hiệu quả, thì không cần phải kêu gọi, chúng tôi sẽ đầu tư, hợp tác, giúp đỡ mạnh.

Bài phát biểu mở đầu của chủ tịch thượng viện Christian Poncelet rất thẳng thắn. Không cần xa giao, ông nói rõ : Việt Nam đổi mới không rõ rệt dứt khoát, tốc độ phát triển chững lại, bộ máy hành chính nặng nề chậm chạp; đầu tư nước ngoài giảm; tham nhũng bất trị; hiệp định buôn bán với Mỹ bị gác lại; khó khăn chồng chất. Chúng tôi mong chờ Việt Nam cho biết dự định bước vào giai đoạn 2 của đổi mới như thế nào ?

Lời phát biểu của Lê Khả Phiêu rất kỳ lạ. Ba hoa một lúc dài về độc lập và tự chủ, rồi kết thúc bằng lời hứa xuống là sẽ "đưa đổi mới vào chiều sâu". Cả cuộc họp ngỡ ngàng. Hôm qua ông Tổng đột nhiên bị ốm; nôn mửa đau đầu đau bụng trong chuyến đi Poitiers. Hôm nay vẫn còn ốm chằng ?

Mọi người chờ phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Vẫn chỉ là lời xa giao chiếu lệ. Phía Pháp lại trông đợi thứ trưởng kế hoạch và đầu tư Võ Hồng Phúc, trẻ hơn, nhưng ông ta có vẻ được đào tạo ở Nga, chẳng hiểu gì về kinh tế phương Tây, như lời nhận xét của một chuyên gia của hãng dầu Total. Ông không đi vào chủ đề chính, vòng vo tam quốc về tiềm năng lao động, về hàng may dệt, hàng da, về xóa nợ... Rồi cuộc họp loãng dần, nói sang quan hệ văn hóa, du lịch, vận chuyển

đường biển, nhận con nuôi... Nhiều người lảng lạng ra về.

Nói trắng ra là Việt Nam quả thật đang mất phương hướng. Dừng lại thì không thể được, lùi bước thì không dám, bước tới thì run chân, sợ mất quyền, vậy thì chỉ còn biết ăm ớ hứa hẹn chung chung. Mọi người tham dự vô lẽ ra rằng chuyến đi này của Lê Khả Phiêu chỉ để kiếm vốn chính trị nhằm tuyên truyền gây thanh thế cá nhân. Họ không thực bụng bước tới trong đổi mới. Vậy thì phía Pháp chỉ có thể thực hiện vài công việc của khối Pháp ngữ, quan hệ văn hóa, cho học bổng, dạy tiếng Pháp... Các hãng công nghiệp Pháp còn chờ thời...

Cuối ngày 24 tháng 5, "ngày Việt Nam" ở thượng viện Pháp, cuộc đi thăm của Lê Khả Phiêu đã có thể coi là thất bại hoàn toàn cả về chính trị và kinh tế. Giới kinh doanh Pháp lắc đầu - báo Les Echos chuyên thông tin về kinh tế không nói về cuộc họp bàn tròn này, vì nó vô bổ, không đáng nói đến - Cái đỉnh của cuộc thăm chính thức Pháp của ông Tổng Việt Nam hóa ra cái đỉnh... ri !!

Bóng đá giữa Elysées và Matignon

Chuyến đi thăm Pháp của ông tổng Phiêu đã có nhiều trắc trở từ đầu. Lúc đầu chỉ là do ông Robert Hue người cầm đầu đảng cộng sản Pháp mời, sau phía Việt Nam kỳ kèo yêu cầu được tổng thống Pháp mời chính thức. Ngày nọ mới tổng thống Chirac mới đưa ra lời mời chính thức, nhằm tìm hiểu rõ thêm phía Việt Nam và để xem nếu đảng cộng sản Việt Nam có ý định đổi mới theo hướng tích cực và tiến bộ thì Pháp sẽ đáp ứng. Nhiều lần tổng thống Chirac nói đến sự thuyết phục, nhưng cũng nhấn mạnh là Việt Nam trước hết phải tự chính mình có ý chí đổi mới đã.

Tôi được gặp một số nhà báo ở AFP, Le Monde, Le Figaro cùng một số quan chức ở Elysées (phủ tổng thống) và Matignon (phủ thủ tướng). Thì ra ai cũng biết trước là mời một người cầm đầu một chế độ độc đoán, phản dân chủ, một chế độ cảnh sát, một chế độ đàn áp... đến Pháp... đất nước từng là chiếc nôi của tự do dân chủ và quyền con người là một vấn đề rất nhạy cảm. Những vị khách ấy đều là khách bất đắc dĩ, những vị khách công kèn. Trong lời phát biểu khi tiếp ông Phiêu, tổng thống Chirac rất kín võ, không nhắc gì đến đảng cộng sản, không khen (dù là xa giao) ông Phiêu một điều gì hết. Ông cũng không nhắc đến ông Hồ Chí

Minh, biết rằng nhân vật này đang còn được lịch sử bình tình đánh giá lại. Ông Robert Hue và những người lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Pháp cũng giữ kẽ, không mời ông Phiêu đến thăm trụ sở đảng cộng sản Pháp, cho rằng Đảng Cộng Sản Pháp đã cải tổ thực sự, tách mình khỏi Staline và Mao, khỏi chuyên chính vô sản và dân chủ tập trung, chỉ có họ hàng xa xôi với đảng cộng sản Việt Nam. Ông Hue khôn khéo giao cho chi bộ xã (commune de Montreuil) ở ngoại ô phía đông Paris tiếp ông Phiêu trong một phòng lưu niệm nhỏ xíu về ông Hồ Chí Minh, sau khi ngôi nhà cũ ở ngõ Compoinet đã bị phá. Bài phát biểu của đảng viên cộng sản già ở Montreuil khi đón ông Phiêu có lẽ là bài nói duy nhất có tí chút giá trị tuyên truyền để ông Phiêu đem về khoe ở trong nước.

Ngay khi chuẩn bị đón ông Phiêu, Elysées và Matignon đã mở cuộc đá banh, đùn đẩy cho nhau cái "của nợ" này. Matignon chối từ : khách của tổng thống mời, xin Elysées đón, chính phủ xin được miễn. Elysées trả lời : tổng thống giao cho chính phủ cùng tiếp. Ông Jospin chuyển bóng cho bộ ngoại giao; ngoại trưởng Hubert Vedrine lịch sự xua tay: chúng tôi bận lắm, tôi sẽ đi vắng. Thế là ông Jospin thuyết phục được ông Gayssot bộ trưởng giao thông, thuộc đảng cộng sản, không ở trong hàng đầu của chính phủ đứng ra thế mạng. Ông Gayssot đành cần rằng làm công việc ngoại giao trái khoáy này, luôn nhân mặt vì không có bộ máy tiếp khách ! Thế là đoàn khách nặng nề, lòng thòng, bị chơ vơ ngày cuối, đi Toulouse rồi sang Ý không một nghi thức tiễn biệt. Tổng thống, thủ tướng, chủ tịch thượng viện đều hiểu thấu đáo hai điều : cái đoàn cổ vôi vinh một chuyến Pháp du chỉ có một ý đồ ngớ ngẩn là kiếm vốn chính trị, họ không có mảy may ý chí đổi mới thật sự và hội nhập với thế giới văn minh. Họ không có tương lai !

Ngày 25 tháng 5 trong Palais Bourbon

Đúng ngày đoàn Lê Khả Phiêu từ biệt Paris không kèn không trống, không cờ không ai tiễn, trong một phòng họp hạ viện Pháp (Palais Bourbon), có cuộc tiếp chiến sĩ dân chủ Trung Quốc Vương Đan, người hùng của Thiên An Môn 11 năm trước. Anh vừa từ Đài Bắc dự lễ nhậm chức của tổng thống dân cử Trần Thủy Biển. Phòng họp khá lớn không còn một chỗ trống. Dự tiếp có đông đảo người Pháp, Trung Quốc, Việt Nam, Miến điện, Lào... Có phóng viên báo chí, truyền

hình, một tổ quay phim từ Hồng Kông sang. Anh Vương Đan đang học ở Mỹ; anh nói đến sự thức tỉnh về dân chủ đang diễn ra khắp A châu, nhu cầu đoàn kết phối hợp các lực lượng dân chủ khắp Châu A. Ban tổ chức mời tôi nói về chuyến đi đang sốt dẻo của đoàn Lê Khả Phiêu. Tôi nói lên sự thật, ý đồ, diễn biến và sơ bộ kết quả của chuyến đi và mong rằng những cái đầu u lì còn mê muội vì quyền lực ở Hà Nội rút ra được bài học bổ ích từ thất bại này. Bài học đó là : muốn làm bạn với thế giới, hòa nhập với thế giới thì nhất thiết phải thật lòng công nhận những giá trị phổ cập của thời đại, đó là tự do báo chí, tự do tổ chức (trong kỷ luật và luật pháp) và bầu cử tự do...Không thật lòng công nhận những giá trị phổ cập ấy thì chỉ có bị xa lánh, bị phê phán, bị cô lập và khinh miệt.

Cố đấm ăn xôi xôi lại hỏng

Tôi được biết trong đoàn ông Lê Khả Phiêu, nhiều cán bộ tùy tùng cảm nhận ra thất bại của chuyến đi. Họ được kêu gọi hãy kiên nhẫn, đoàn sẽ được báo Pháp, ti-vi Pháp nói đến khi cuộc thăm kết thúc. Dài cổ vẫn chẳng thấy tăm hơi ! Có lẽ hình ảnh đoàn ở Pháp đã được bộ ngoại giao và giới truyền thông Pháp cắt kỹ vào kho lưu trữ. Cùng là may. Vì tôi được các bạn Pháp cho xem vài ảnh chụp, và xem bức ảnh duy nhất trên báo *Nouvel Observateur* đi cùng bài (Một Pinochet khác), thì quả thật không chệ vào đâu được. Người số một của chế độ mà "cả tâm" đến vậy, hai ống quần như đèn xếp, áo thùng thình như đi mượn vội, nụ cười toe toét như trẻ nhỏ thấy kẹo, bên một Jospin trầm tĩnh, tự tin. Người ta biết ngay vai trò chính khách là quá rộng đối với một con người "thấp" về mọi mặt đến vậy ! Xem bức ảnh mà thấy buồn, thấy xấu hổ và thấy tức cho nước mình !

Biết là trong đoàn có nhiều tâm tư, trước khi về Hà Nội, tối 29 tháng 5, ông Phiêu đã họp toàn đoàn trong sứ quán Việt Nam ở La Mã để làm công tác tư tưởng, ổn định cái đuôi lòng thông. Ông vẫn lải nhải về chuyến đi đạt kết quả rất tốt đẹp (!), đổ tội cho các thế lực phản động (!) xuyên tạc, phá đám... và căn dặn mọi người về hãy chung một lòng ca ngợi chuyến đi, còn hăm dọa ai mà nói xấu, nói bậy nói theo luận điệu phản tuyên truyền ! Thời buổi đã thay đổi, có vị nghe huấn thị xong đã nói với bạn; trước mặt ngài đại sứ Việt Nam ở La Mã Trần Minh Quốc :

Anh chị em trong đoàn có nhiều băn khoăn hoài nghi lắm ! Buổi giảng dạy của ông Phiêu không chừng chỉ để số, gây thêm vướng mắc. Họ đâu còn là trẻ nít.

Trên máy bay về Hà Nội, tổng bí thư ra lệnh cho tổng giám đốc thông tấn xã Việt Nam Hồ Tiến Nghị cùng phóng viên báo Nhân Dân Nguyễn Thanh Phong sản xuất ra một bài trả lời phỏng vấn của tổng bí thư cho báo đảng. Vẫn lại là một chuyến đi tốt đẹp, và có chỗ còn thêm : rất tốt đẹp. Có một chỗ ông Tổng tỏ ra ngớ ngẩn đến kỳ quặc ! Ông kể lại rằng ông đã làm cho thủ tướng Pháp ngạc nhiên khi giới thiệu rằng trong đoàn có một nhà kinh doanh tư nhân, mỗi năm bán sang châu Âu đến 25 triệu đô la hải sản ! Thật ra, ở phủ thủ tướng Pháp, người ta kể rằng ông Jospin rất am hiểu tình hình, khi nghe ông Phiêu khoác lác quá cỡ thì thủ tướng Pháp liền mỉm cười, cất lời : "Thế à, vậy mà tôi chưa hề nghe đến chuyện ấy !" với ngụ ý rằng : xin ngài chớ ba hoa : chánh sách của ngài đâu có cho tư nhân thứ thật làm giàu. Chắc lại là một nhà tư bản đồ làm kinh tế cho đảng nay đem đi triển lãm với cái mũ nhà kinh doanh tư nhân, chúng tôi đâu có phải trẻ nít ! Nay ngài tổng thống Phiêu lại mang về triển lãm ở trong nước cho bà con ta ở nhà ! Đến hai lần đại đột ! Cứ hỏi cậu phiên dịch hôm ấy thì biết thủ tướng Jospin đâu có bị lừa ! và rồi bà con ta trong nước cũng đâu có dễ bị úm ! hay là chính ông Tổng Phiêu lại bị chính mình lừa ?

Xin có ai đó là nhà tư bản tư nhân bán sang châu Âu năm qua 25 triệu đô la hải sản, xin giơ tay trình diện cho coi nào !

Làng báo Pháp ghê tởm những nhà độc tài

Tôi đã hỏi các bạn nhà báo Pháp : Sao báo các bạn không đăng tin gì về hoạt động về đoàn Lê Khả Phiêu ? Có người mỉm cười. Có người trả lời ngay : chúng tôi quen dị ứng với các nhà độc tài. Một anh bạn ở báo *L'Humanité* đảng viên Đảng Cộng Sản Pháp, thổ lộ : chúng tôi luôn phải tính đến suy nghĩ, tình cảm của độc giả; sợ hở là mất bạn đọc, mất tín nhiệm; đưa tin, ảnh ông Giang Trạch Dân hồi năm ngoái còn bị phản ứng, tuy ông Giang kiêm chức chủ tịch nước...Cô Sylvaine Pasquier nói rõ hơn : vì ở thời điểm này người Pháp đã biết rõ Pinochet là ai, Suharto là tên ăn cắp lớn, Fidel là kẻ hoang dâm thù hằn trí thức đời tự do, Saddam Hussein là tên giết người hàng

loạt...Lê Khả Phiêu thuộc hạng người này, tự xử sự như bạn thân của những tên độc tài này. Ông ta đại diện cho một trong bốn chế độ kiểu Staline còn sót lại. Chúng tôi ghê tởm mọi tên độc tài.

Anh bạn ở báo *Le Figaro* có ý kiến riêng. Anh cho rằng vì máy vi tính ! Tại nó hết ! Vì chỉ bấm tên Lê Khả Phiêu trên mục Việt Nam là các chính khách, nhà báo Pháp có ngay tiểu sử, hoạt động, những bài nói của ông ta ở các cuộc họp trung ương, ở các buổi lễ kỷ niệm đảng...Họ biết ngay cái lưỡi gỗ của ông ta, cái đầu của ông ta có cái gì. Đất nước gặp khó khăn chông chốt, lại đi tìm giải pháp ở một cuộc tự phê bình và phê bình vô tích sự kéo dài hai năm ! Cái kỳ lạ là cả bộ chính trị trung ương đảng, cả quốc hội đều cúi đầu rậm rạp vâng lời một cái đầu...hông, không bình thường !

Ở hãng tin AFP, anh bạn tổng giám đốc dẫn tôi đi thăm cả năm tầng lầu, chỉ sơ đồ các trạm AFP rải rác khắp nước Pháp và thế giới, và cho rằng ; Việt Nam có vị trí quan trọng nhất trong các nước Pháp ngữ ở châu A. Thông tin về Việt Nam rất cần cân đối về nhiều mặt. chúng tôi ngày càng biết tên, chính kiến của những nhà đối lập như Dương Thu Hương, Trần Độ, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Đan Quế...Tổ chức "Phóng Viên Không Biên Giới" rất có hiệu quả trong ý định nói rõ bản chất đàn áp của chế độ Lê Khả Phiêu. Đã có nhiều thay đổi ở Việt Nam, nhưng chế độ độc quyền độc đảng là điều không thay đổi, thách thức cả thời đại này. Anh đưa tôi bản tin AFP đánh đi từ Hà Nội nói về chính phủ Thụy Điển yểm trợ Hà Nội hơn một triệu đô la nhằm hiện đại hóa thông tin, với lời phụ chú của AFP : hiện nay ở Việt Nam không có báo tư nhân và những người đối lập bị đàn áp !

Tôi muốn báo tin ngay cho anh chị em đối lập gan góc ở trong nước, tiếng nói của bạn tuy ít ỏi, bị ngăn chặn, đã và đang đánh bật những cái loa ầm ĩ của chế độ độc đoán. Chúng ta có bạn bè rất đáng tin cậy trong làng báo nói và báo viết ở Pháp và châu Âu. Họ vừa dạy cho đoàn khách từ Hà Nội một bài học cực kỳ sâu sắc : có một hố sâu ngăn cách nước Pháp dân chủ với những chế độ độc đoán, với những kẻ độc tài thù địch của tự do, dù cho khoác chiếc áo nào !

Thành Tín

Paris tháng 6/2000

Một phần tư thế kỷ bang giao Mỹ-Việt

Nguyễn Mạnh Hùng

Có thể nói hiện tình bang giao Mỹ-Việt đã được phản ánh một phần nào qua chuyến viếng thăm Việt Nam bị trì hoãn nhiều lần của tổng trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ William Cohen. Ông Cohen là người cầm đầu bộ máy chiến tranh của Mỹ đến thăm Việt Nam lần đầu tiên kể từ khi người lính Mỹ cuối cùng rút khỏi Việt Nam năm 1973. Trước khi về, giới chức hai bên đều tuyên bố tạm quên quá khứ để hướng về tương lai và cộng tác với nhau. Nói thì nhí vậy, nhưng trong thực tế kinh nghiệm chiến tranh Việt Nam đã chi phối mạnh mẽ mối quan hệ giữa hai nước, các vấn đề thương thảo, và các suy tính đằng sau của các nhà lãnh đạo hai nước trong suốt một phần tư thế kỷ qua và còn tiếp tục ảnh hưởng đến mối bang giao Mỹ-Việt trong những ngày sắp tới. Việc Việt Nam do dự, trì hoãn nhiều lần chuyện viếng thăm Việt Nam của ông Cohen là một thí dụ điển hình.

Trong vòng 25 năm, Việt Nam và Hoa Kỳ đã đổi từ thế thù nghịch đến thế quan hệ bình thường, dù chưa hẳn là thân thiện. Trước đây 25 năm, khi chiến tranh mới Việt Nam chấm dứt, Việt Nam coi Hoa Kỳ là một quốc gia thù nghịch, mà Hoa Kỳ thì cũng muốn bỏ quên Việt Nam. Sự mâu thuẫn và cường độ thù nghịch giữa hai nước trong giai đoạn đầu cho thấy sự vô vọng và hồi hốt của các thăm dò bình thường hóa bang giao hai nước. Triển vọng bang giao và hàn gắn vết thương chiến tranh chỉ mở ra trong một thời gian ngắn ngủi dưới thời tổng thống Carter, một người thuộc thành phần phản chiến cũ. Nỗ lực và thiện chí của chính quyền Carter không được đáp ứng. Vì tính lăm phản ứng của chính giới Mỹ và vì lối mặc cả "cò kèo bớt một thêm hai" đòi Mỹ phải bồi thường chiến tranh cho Việt Nam và tôn trọng lời hứa viện trợ có điều kiện của Nixon, Việt Nam đã bỏ lỡ cơ hội bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ vào mùa Thu năm 1978. Liên ngay

sau khi ngưng thương thuyết với Việt Nam, chính quyền Carter tiến hành việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc vào đầu năm 1979, hai tháng trước khi Việt Nam tiến quân vào Campuchia, một tháng trước khi Trung Quốc xua quân sang đánh phá Việt Nam. Việt Nam phải chờ đến 17 năm sau mới bình thường hóa quan hệ ngoại giao được với Hoa Kỳ.

Sau cuộc đàm phán bất thành, và sau khi Việt Nam tiến quân vào Campuchia, Hoa Kỳ liên kết với Trung Quốc và hiệp hội các Quốc Gia Đông Nam Á chống lại Việt Nam và dồn Việt Nam vào thế cô lập ngoại giao và kinh tế với chính sách phong tỏa kinh tế. Phải đợi thêm bốn năm nữa, năm 1982, cuộc tiếp xúc hai bên mới được nối lại khi Hoa Kỳ cử một phái đoàn cao cấp sang thăm viếng Việt Nam. Rồi lại bốn năm sau, năm 1988, khi Việt Nam bắt đầu cộng tác với Hoa Kỳ trong việc tìm kiếm hài cốt những người Mỹ mất tích trong thời chiến tranh Việt Nam và tuyên bố sẽ rút quân ra khỏi Campuchia, cuộc điều đình về bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước mới bắt đầu có những tiến bộ chậm chạp nhưng vững chắc. Năm 1991, sau khi hiệp ước hòa bình về Campuchia được ký kết ở Paris, chính phủ Hoa Kỳ cho phép các hãng du lịch tổ chức các cuộc thăm viếng Việt Nam và cho phép Sở Thông Tin Hoa Kỳ được thực hiện các chương trình trao đổi với Việt Nam.

Năm 1992, Hoa Kỳ giải tỏa một phần lệnh cấm vận bằng cách cho phép việc gửi hàng từ Hoa Kỳ sang Việt Nam vì lý do nhân đạo và thiết lập đường giây điện thoại liên lạc với Việt Nam. Năm 1993, chính quyền Clinton không những thôi không chống việc các định chế tài trợ quốc tế, như Ngân hàng Thế Giới và Cơ Quan Tài Trợ Quốc Tế, cho Việt Nam vay tiền mà còn cho phép các công ty Hoa Kỳ được tham dự vào các dự án phát triển ở Việt Nam. Năm 1994, lệnh

cấm vận được bãi bỏ hoàn toàn. Năm 1995, Hoa Kỳ tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Năm 1996, hai bên bắt đầu thương thuyết về một hiệp ước thương mại. Năm 1997, hai nước trao đổi đại sứ. Ông Douglas "Pete" Peterson, một cựu tù binh chiến tranh ở Hà Nội trở thành vị đại sứ đầu tiên của Hoa Kỳ ở Việt Nam từ sau năm 1975.

Dù Hoa Kỳ và Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao, mối quan hệ này vẫn có một cái gì trục trặc. Tuy là một nước lớn ở Đông Nam Á, Việt Nam lại là một trong số những quốc gia hiếm hoi ở Á châu có quan hệ ngoại giao bình thường với Mỹ mà đến ngày hôm nay vẫn chưa có trao đổi viếng thăm ở cấp bậc nguyên thủ. Ngay cả cuộc viếng thăm của tổng trưởng quốc phòng Hoa Kỳ cũng bị hoãn đi hoãn lại nhiều lần. Về quan hệ kinh tế, tháng 7 năm 1999, sau ba năm điều đình, hai bên đã đạt được thỏa thuận trên nguyên tắc về một hiệp ước thương mại. Nhưng đến lúc chốt, vào tháng 9, khi phía Hoa Kỳ chuẩn bị ký vào thương ước thì phía Việt Nam lại đình hoãn không chịu ký nữa. Việc này làm người ta liên tưởng đến sự kiện xảy ra cách đây 21 năm về trước lúc Hoa Kỳ xúc tiến việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc ngay sau khi điều đình với Việt Nam thất bại. Lần này, ngay sau khi Việt Nam không chịu ký kết hiệp ước thương mại đã thỏa thuận trước với Hoa Kỳ, Hoa Kỳ ký ngay với Trung Quốc hiệp ước dọn đường cho Trung Quốc gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Quốc Tế. Trong mối liên hệ tay ba Việt Nam-Hoa Kỳ-Trung Quốc, Việt Nam, vì sự chọn lựa của chính mình, luôn luôn đi sau Trung Quốc trong việc giao thiệp với Hoa Kỳ, luôn luôn ở vào thế "trâu chậm uống nước đục".

Đa số các nhà lãnh đạo Việt Nam từ trước tới nay thường ngộ nhận rằng Việt Nam có một tầm chiến lược quan trọng

đối với Hoa Kỳ ở Á Châu và do đó Hoa Kỳ cần phải quan tâm đến Việt Nam. Thật ra, đối với Hoa Kỳ, Việt Nam tự nó không có vai trò chiến lược quan trọng. Tầm quan trọng chiến lược của Việt Nam đối với Hoa Kỳ, nếu có, cũng chỉ có tính cách phụ thuộc. Nó phụ thuộc vào sự quan trọng của một nước khác. Trong thời chiến tranh lạnh, Việt Nam quan trọng vì nó là điểm đối đầu giữa khối Mỹ và khối Nga-Tàu. Trong thời chiến tranh Căm Bốt, vì muốn chặn ảnh hưởng của Nga mà Hoa Kỳ và Trung Quốc cộng tác với nhau để chống Việt Nam ở Căm Bốt. Nam Việt Nam hết quan trọng sau khi Hoa Kỳ với Trung Quốc ráp lại gần nhau và ký tuyên ngôn chung Thượng hải năm 1972. Thương thuyết bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam bị ngừng lại và Việt Nam bị bỏ rơi khi Hoa Kỳ quyết định bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc năm 1978. Tầm quan trọng chiến lược của Việt Nam giảm sút rất nhiều sau khi khối cộng sản sụp đổ, chiến tranh lạnh chấm dứt, và Hoa Kỳ củng cố được quan hệ với Trung Quốc. Đối với Hoa Kỳ, Trung Quốc quan trọng hơn Việt Nam về đủ mọi phương diện kinh tế, chính trị, quân sự. Những vì cuộc chiến tranh Việt Nam, người Hoa Kỳ có một tình cảm đặc biệt đối với dân tộc Việt Nam, ở miền Nam cũng như miền Bắc. Việt Nam có thể khai thác tình cảm này để lấy sự trợ giúp của Hoa Kỳ, nếu muốn. Những bài học của cuộc thương thuyết thất bại dưới thời tổng thống Carter cho thấy khai thác không đúng chỗ tình cảm đặc biệt mà người Hoa Kỳ dành cho dân tộc Việt Nam có thể đem đến hại nhiều hơn là lợi. Hơn nữa, chừng nào mà Việt Nam còn bỏ thế chân vạc Việt Nam-Hoa Kỳ-Trung Quốc mà đứng hẳn về phía Trung Quốc trong thế tay đôi, thì Hoa Kỳ sẽ coi Việt Nam như một cái đuôi nhỏ bé của Trung Quốc. Nếu bang giao giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc tốt đẹp thì Hoa Kỳ không cần lưu ý đến Việt Nam. Trong trường hợp bang giao hai nước về sau trở nên thù nghịch thì Việt Nam tự biến mình thành kẻ thù của Hoa Kỳ, một điều chưa chắc đã phù hợp với quyền lợi của dân tộc và lòng mong muốn của các nhà lãnh đạo Việt Nam.

Nguyễn Mạnh Hùng

Thư ngỏ

Nguyễn Hữu chung

Kính gửi Nguyệt san Thông Luận và quý vị độc giả Thông Luận

Tôi rất hân hạnh được Thông Luận đăng bài viết "25 năm nhìn lại" của tôi và càng hân hạnh hơn khi có ba vị trong ban lãnh đạo Thông Luận viết bài góp ý về bài này. Điều đó chứng tỏ quý vị cũng lưu tâm đến vấn đề mà tôi nêu ra, và nó quả thực là một vấn đề của đất nước, tuy rằng chuyện kích thước lớn nhỏ, chuyện hình thể tròn hay méo, chuyện màu mè xanh hay đỏ, là chuyện... mỗi người một ý. Tôi xin cảm ơn quý vị.

Trong phần giới thiệu tác giả, Thông Luận có viết rằng tôi "là một dân biểu Việt Nam Cộng Hòa thuộc khuynh hướng được gọi là lực lượng thứ ba trước năm 1975". Tôi xin phép Thông Luận cho tôi được nói rõ về điểm này để quý vị độc giả khỏi phải hiểu lầm. Tôi không thuộc về lực lượng thứ ba và những người cùng một khuynh hướng với tôi trong Quốc hội cũng không có ai là lực lượng thứ ba (LLTB). Trong Quốc hội, tôi thuộc khối "Dân tộc Xã hội" mà trưởng khối là cố dân biểu Trần Văn Tuyên, người đã chết trong trại học tập cải tạo của Cộng sản khi nước Việt Nam được "thống nhất". Thành viên của khối này là những dân biểu vùng Sài Gòn như ông Tuyên và tôi, và những dân biểu từ miền Trung mà một phần thuộc Việt Nam Quốc Dân Đảng, phần khác thuộc khuynh hướng "Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất", một giáo hội đã bị nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam giải tán sau ngày "thống nhất" và nhiều vị lãnh đạo đã chết trong tù cộng sản như Hòa thượng Thiện Minh, Hòa thượng Trí Thủ, và nhiều người khác đã ở tù nhiều năm như Hòa thượng Huyền Quang, Hòa thượng Quảng Độ. Trong cùng như ngoài Quốc hội, không có ai tự nhận rằng mình thuộc cái gọi là LLTB và chắc cũng không ai nghĩ rằng mình thuộc lực lượng này. Tôi nghĩ rằng quý vị Hòa thượng Huyền Quang

và Quảng Độ là những người đã ở trong thành phần lãnh đạo khối Phật giáo Ấn Quang lúc đó có thể xác nhận điều này. Danh từ LLTB là một cái gì xa lạ đối với người dân miền Nam Việt Nam. Theo chỗ tôi biết thì danh từ này được khai sanh bởi phái đoàn cộng sản Việt Nam ở hội nghị Paris. Vì nó được sanh ra ở Paris nên được những người làm chánh trị ở Paris biết và nói nhiều về nó, trong lúc nó rất xa lạ đối với đa số người ở Sài Gòn. Phái đoàn cộng sản Việt Nam ở Paris tung ra danh từ LLTB nhằm ám chỉ những người có liên hệ xa gần với họ ở miền Nam, ngoài Mặt trận Giải phóng Miền Nam (MTGPMN). Thâm ý của chiến lược này là làm suy yếu thế chánh trị của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) nếu có một cuộc ngưng bắn, hiệp thương, lập chánh phủ liên hiệp... Theo chiến lược này thì thay vì miền Nam chỉ có hai thành phần chánh trị là VNCH và MTGPMN, miền Nam sẽ có ba thành phần chánh trị và nếu như thế thì phần của VNCH trong chánh phủ liên hiệp sẽ là 33% thay vì 50%. Khi nói về LLTB, cộng sản ám chỉ (không minh thị) những người có liên hệ không chánh thức với họ đang ở tù như các anh Huỳnh tấn Mắm, Lê Văn Nuôi..., hoặc những người hoạt động công khai như bà Ngô Bá Thành, ni sư Huỳnh Liên... (là những người tự xưng là LLTB với các ký giả ngoại quốc) cũng như một số người năng động khác như các linh mục Phan Khắc Từ, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, và một số người thuộc nhóm của luật sư Trần Ngọc Liêng và tiến sĩ Châu Tâm Luân. Tôi biết rõ chuyện LLTB này là vì tôi để tâm theo dõi chiến lược chánh trị của cộng sản ở miền Nam cũng như theo dõi thái độ và hành vi của những người tôi vừa nêu trên. Nói tóm lại, danh từ LLTB là một danh từ được cộng sản Việt Nam tung ra ở Paris, được các ký giả ở Paris lập đi, lập lại, và được người Paris thích nói, nhưng không biết nó là cái gì và đã hiểu lầm về thực chất của nó. Những người như tôi hay ông

Trần Văn Tuyên chẳng những không tự xưng là LLTB, không có liên hệ và cũng không muốn có liên hệ gì với cái gọi là LLTB.

Trước 1975, tôi là một người làm chánh trị ở miền Nam không theo cộng sản, cũng không theo làm tay sai cho Mỹ, chỉ theo DÂN TỘC, và chủ trương Hòa giải, Hòa hợp Dân tộc. Chính vì mãi theo Dân tộc mà cho tới ngày hôm nay, tuy tuổi già sức yếu, không có một hoạt động chánh trị, đảng phái nào cả, tôi vẫn lưu tâm tới những vấn đề của dân tộc Việt Nam mà theo tôi, vấn đề lớn nhất và khó khăn nhất là vấn đề đoàn kết và thống nhất dân tộc. Bài viết này của tôi không nhằm phân tích các khía cạnh văn hóa và xã hội của những chuyện dị biệt địa phương. Những dị biệt Kinh-Thượng, Nam-Bắc, Trung-Bắc, Nghệ Tĩnh-Hà Nội, Hải Phòng-Hải Ninh v. v... là những điều tôi không có ý nêu ra trong bài viết này. Bài viết chỉ nhằm vào những dị biệt kinh tế và chánh trị của dân chúng hai miền Nam-Bắc, vốn có hai chế độ chánh trị khác biệt trước 1975, mà 25 năm sau ngày thống nhất nhà cầm quyền đã không có một hành vi tốt đẹp nào để san bằng những dị biệt, trái lại chỉ có những hành vi xấu xa làm sâu rộng thêm những dị biệt.

Đó là những nhận xét của tôi. Nếu quý vị nào chứng minh rằng tôi thấy sai, rằng những vấn đề tôi nêu ra là không có thì tôi xin cảm ơn quý vị đó. Nếu quý vị nào thấy rằng có vấn đề và đưa ra những biện pháp để hóa giải cái vấn đề trọng đại đó của dân tộc (khác với đề nghị thô thiển trong bài viết của tôi là phải dân chủ hóa và công nghiệp hóa miền Bắc) thì tôi càng cảm ơn hơn. Còn nếu bảo rằng ừ thì có đấy, nhưng không nên nói ra, vì nói ra là đổ dầu vào lửa, hoặc là phải hành văn như thế nấy, không được hành văn như thế kia, phải dùng từ này, không được dùng từ kia, thì tôi xin cúi đầu chịu tội đối với quý vị đó. Tôi còn nhớ hồi nhỏ ở nhà quê, tôi bị trúng đạn một-chê của Tây bắn, vì không có thuốc trụ sinh, vết thương làm độc đầy mủ, sưng to, tờ giấy rút xuống cũng đau. Tôi biết rằng chuyện Nam-Bắc của Việt Nam là một vết thương sưng to, đụng tới là sẽ có nhiều người nhảy nhòm, nhưng tưởng rằng những người nhảy nhòm đó chỉ là những ông cộng sản ở Hà Nội,

không ngờ có cả những quý vị ở Los Angeles, ở Washington DC, ở Paris, ở Berlin. À thì ra, vết thương ở chân, nhưng đụng tới thì tay cùng giết! Tôi đã làm một lỗi lớn là nói ra chuyện đó, tôi xin chịu tội với các đọc giả mà tôi đã làm phiền.

Sau cùng, tôi xin cảm ơn ông Vũ Thiện Hân vì trong bài viết của ông, ông đã cho biết rằng người dân miền Bắc "có thể là thành phần tiên phong trong phong trào đòi dân chủ hóa chế độ". Tôi hy vọng là ông đúng, tôi sai và tôi vui sướng nhận sự sai lầm của mình. Tôi vẫn nghĩ rằng người dân miền Bắc không có nhu cầu cấp thiết về dân chủ để dân thân tranh đấu cho nó, trong khi trí thức miền Bắc thì rất phóng túng vì họ "biết tủy" và không sợ nhóm người cầm quyền. Ngược lại, người dân miền Nam thì thấy tự do dân chủ như một nhu cầu cấp thiết, trong khi giới trí thức thì không ai dám nói gì, trừ ông bác sĩ Nguyễn Đan Quế, vì mọi người đã lần lượt ra đi, ngay cả những người can trường và kiên trì nhất như ông tiến sĩ Đoàn Viết Hoạt hay ông luật sư Đoàn Thanh Liêm. Tôi đã lo âu về sự cô độc của những trí thức Hà Nội trước sự lơ là của quần chúng và tôi lo nghĩ không biết có cách nào để những người trí thức phóng túng đấu tranh cho tự do dân chủ có được sự hỗ trợ của quần chúng đồng điệu chung quanh. Nhưng hôm nay, qua lời ông Vũ Thiện Hân thì tôi không còn gì phải lo nghĩ nữa. Xin cảm ơn ông. "Hy vọng đã vươn lên giữa màn đêm" (dường như là một câu trong một bài của Trịnh Công Sơn 30 năm trước).

Tôi xin cảm ơn Thông Luận và tất cả các bạn đã đọc và có phản ứng (dù bằng cách nào) về bài viết của tôi vì quyền lợi của đất nước, một đất nước mà tôi không bao giờ quên rằng người dân miền Bắc phải thường xuyên và trực tiếp đối đầu với người láng giềng khổng lồ và thô bạo phương Bắc.

Montréal, 15- 6-2000
Nguyễn Hữu Chung

THÔNG LUẬN
tờ báo của những
người quan tâm tới
tình hình đất nước

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)
Địa chỉ liên lạc :
THÔNG LUẬN
37 rue du Clos de l'Erable
77400 Saint Thibault des Vignes,
FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:
Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr : 00 77 70 82 94
Bankleitzahl : 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada
có thể liên lạc và góp ý kiến với
Thông Luận qua địa chỉ:
Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan
Braamlanden 76
7542 CJ Enschede
Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52
Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Úc:
Mrs. Vuong Bich Ngoc
36 Kallista Road
Springvale Vic 3171

Ý kiến về bài "Đừng để lịch sử lặp lại"

Vương Văn Đông

Nhân đọc bài của anh Nguyễn Gia Kiểng nói trên, tôi muốn nói lên vài nhận định về những lập luận trong bài, đồng thời góp một hai ý kiến xây dựng. Để tránh sự ngộ nhận có thể có, tôi xin nói ngay rằng tôi vẫn coi tờ Thông Luận là một diễn đàn đúng đắn, có chủ trương và một số người trong Thông Luận là những người bạn thân thiết như các anh Trần Thanh Hiệp, Vũ Thiện Hân, Huỳnh Hùng, Nguyễn Thành Nhân và các anh khác cũng đã cùng tôi chia sẻ ưu tư về đất nước; có người từ hơn 30 năm nay.

Đề tài anh Kiểng đưa ra nhân ngày kỷ niệm 30 tháng 4 năm thứ 25 là người Việt Nam phải nhìn lại đất nước và suy tư để tránh cho những thảm kịch đừng lặp lại là một lời kêu gọi hết sức đúng, không ai có thể phủ nhận được. Có thể nói nếu tôi không làm thì nội dung của bài này là muốn đề những thảm kịch mà dân tộc Việt Nam đã trải qua không tái diễn, theo phân tích của anh Kiểng, phải xóa bỏ nền văn hóa cũ và thay vào đó một nền văn hóa Tây phương dựa trên giá trị dân chủ, và đi tìm đồng thuận. Nếu có dịp, tôi sẽ bàn về vấn đề dân chủ như là một giá trị phổ cập hay chỉ là một phương tiện của tự do và công bằng.

Tuy nhiên, có hai ý kiến trong bài mà tôi muốn đề cập tới vì sợ rằng nó có thể có hậu quả ngược lại ý muốn của anh Kiểng. Đó là ý kiến về "những người thường phỉ báng đạo công giáo" và ý kiến về "loạn quân Tây Sơn". Trước khi đi sâu vào hai vấn đề này, tôi muốn nêu lên những mâu thuẫn trong lập luận vô đoán của anh làm độc giả khó hiểu anh muốn chứng minh gì.

Chính nghĩa nào ?

Sau khi nhận định rằng cuộc chiến vừa qua ở Việt Nam là một cuộc nội chiến và cộng sản Việt Nam độc tài đã mang tội "áp đặt những hy sinh to lớn lên dân tộc", anh Kiểng đã viết ngay sau đó là "chính quyền quốc gia không có chính nghĩa" và "đại bộ phận những tập đoàn nắm chính quyền ở miền Nam đều chống dân chủ" và "không có một ý thức quốc gia dân tộc nào cả". Về điểm này có thể nhiều người chia sẻ nhận xét của anh. Nhưng nếu vậy,

người Mỹ đổ quân, đổ của vào để giúp một chế độ không có dân chủ, không có chính nghĩa thì để bảo vệ một giá trị nào, nếu không phải là để thực hiện chiến lược toàn cầu của họ, dùng Việt Nam làm thí điểm thử thách phản ứng của khối cộng sản, để các đồng minh tin tưởng vào quyết tâm bảo vệ của Mỹ mà không sợ bị đặt vấn đề bản chất của chế độ?

Tiếc rằng trong phân tích anh Kiểng không cho biết là theo anh thì chính nghĩa nằm ở đâu? Ngoài ra, anh Kiểng cũng viết là "những người dân chủ và yêu nước đa số trong hàng ngũ quốc gia". Như vậy, đa số này đã làm gì trong suốt mấy thập niên 45-75? Khi khẳng định rằng họ là những người dân chủ tức là gián tiếp công nhận họ có tư tưởng và ý thức chính trị vì họ đã có một sự chọn lựa chính trị. Nếu thật như vậy thì những người dân chủ này cũng chỉ là những dân chủ xa-lông, lý thuyết, thụ động và an phận làm công, tư chức, không một lúc nào dám dấn thân, chấp nhận những bất trắc trong cuộc tranh đấu chính trị cho lý tưởng của mình chẳng? Họ cũng như những người trong tầng lớp lãnh đạo, yên ấm ngồi ở thành thị hào hào "chống cộng" nhưng không muốn phải đổ một giọt mồ hôi chẳng?

Khổng Giáo đã sụp đổ ?

Bàn về ý thức hệ Khổng Giáo, anh Kiểng cho rằng ý thức hệ này sụp đổ đã để "lại một khoảng trống" và người Việt Nam đã băng khuâng giữa hai khuôn mẫu dân chủ và cộng sản. Nhưng sau đó anh lại khẳng định là "tất cả trí thức Việt Nam đều được đào tạo theo nếp sống và văn hóa Khổng Giáo, càng trí thức bao nhiêu ảnh hưởng Khổng Giáo càng nặng bấy nhiêu, mà một khi đã mang nặng ảnh hưởng của Khổng Giáo rồi thì những biện luận về dân chủ và phê phán chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể là gượng gạo". Nếu trí thức Việt Nam còn nặng đầu óc về Khổng Giáo và "ảnh hưởng văn hóa phương Tây tại nước ta đã khá mạnh vào cuối thế kỷ 17", như anh nói, thì tầng lớp Việt Nam nào đã tiếp thu mạnh mẽ văn hóa Tây phương? Hay thâm ý anh muốn nói là văn hóa Công giáo đã mạnh trong một tầng lớp người Việt Nam? Tuy nhiên, có phần tôi đồng ý với anh ở chỗ đa số người Việt Nam càng trí thức

bao nhiêu thì đầu óc càng nô lệ bấy nhiêu, nô lệ cái vỏ học hình thức mình thu nhận được ở văn minh nước ngoài. Cũng trong đà lập luận đó, anh Kiểng cho là chủ nghĩa cộng sản "cũng chỉ là một thứ Khổng Giáo cải tiến". Và sự cải tiến này là "ở chỗ cộng sản bênh vực và tôn trọng những người cùng khổ hơn và sự tôn trọng này không phải là hoàn toàn giả dối và mỉa dân như những người chống cộng cực đoan không ngừng rêu rao". Đọc những dòng này, tôi thật băng khuâng. Không vì phải chọn lựa những khuôn mẫu chính trị mà vì không biết phải hiểu thế nào cho đúng chứng minh nói trên. Theo thiển ý thì ý thức hệ chính trị Hán và Tống Nho chưa hề sụp đổ ở Việt Nam. Vì sau ngày bị đô hộ, chánh quyền thực dân nếu có bỏ lễ lối thi cử cũ, thay đổi văn tự nhưng vẫn đào tạo một tầng lớp trí thức mới với tinh thần cũ, thay thế các ông quan bằng các ông công chức mà thôi.

Phân biệt lương / giáo.

Trước khi đề cập đến đoạn văn liên quan đến vấn đề số người Việt Nam theo "đạo Thiên Chúa đã lên tới 10% để nhắc lại cho những người thường phỉ báng đạo Công giáo là đã theo gót giày của quân xâm lược Pháp", tôi muốn nhấn mạnh là chúng ta phải phân biệt tôn giáo, bất cứ tôn giáo nào, với giáo hội và tín đồ. Một vài cha cố, sư sãi hay tín đồ hư hỏng, tồi tệ, thiếu tư cách không phải vì thế mà tôn giáo đó xấu xa. Ở đâu cũng có những con chiên ghê. Cho nên, khi viết là có những người Việt Nam thường phỉ báng đạo Công giáo, mặc nhiên anh đặt vấn đề lương/giáo, có thể đưa tới những tranh luận vô bổ trong khi chúng ta đang cần sự đoàn kết dân tộc, ngược lại với chủ trương hoà giải dân tộc mà anh đã thường nêu lên.

Chắc chắn là có một số người, vì mưu đồ chính trị, đã dùng chiêu bài phân biệt lương / giáo để tạo thế đứng. Hoặc dựa vào một vài trường hợp người theo đạo Công Giáo đã đứng vào phía Pháp, khi Pháp xâm lược Việt Nam, để trù lên đầu Công giáo Việt Nam tội đã đứng ngoài thành phần dân tộc. Thiếu số này khi cộng tác với Pháp có khi không phải vì vấn đề độc lập hay nô lệ mà vì vấn đề bảo vệ tôn giáo. Với những hình ảnh của Chúa và

Đức Mẹ hay các thánh khác dưới nét Tây phương tạo nên trong tâm lý của những người nông dân thiếu xét đoán sự đồng hóa Công giáo với Tây phương. Cũng như trong thời trước năm 1954, các đội tự vệ Công giáo dưới sự chỉ huy của các cha sở ở các vùng Công giáo trung châu Bắc Việt do quân đội Pháp tạo ra, mỗi khi đến yêu cầu tôi tiếp tế súng đạn đều nói là để bảo vệ Chúa. Các cha sở không đặt vấn đề bảo vệ tự do, dân chủ hay cộng sản, quốc gia gì cả.

Có phải đó là nguyên nhân mà một số linh mục, trong nhu cầu muốn đem đạo phục vụ dân tộc, đã có lần nêu vấn đề "*tại sao đạo Công giáo tại Việt Nam chưa được Việt hóa*" để đạo Chúa có thể nhập cuộc với dân tộc Việt Nam? Hiện tượng này có thể cũng là lý do mà tập thể Công giáo Việt Nam bị mang một mặc cảm. Theo thiên ý, người Công giáo Việt Nam hay Giáo hội có thể và nên làm một cuộc "cách mạng văn hóa" bằng hành động công khai nhìn nhận là trong số giáo dân nếu đã có những con chiên, vì thiếu ý thức, đang tâm làm tay sai cho Pháp hồi thế kỷ 19, thì những hiện tượng đó không phải phổ biến trong toàn thể tín đồ công giáo Việt Nam. Như vậy sẽ giải tỏa được nhiều vấn đề, không để cho một số người lợi dụng sự im lặng như là sự chấp nhận để tiếp tục đá phá. Đức giáo Hoàng gần đây đã công khai sám hối những gì Giáo hội Công giáo đã gây tang tóc đối với dân tộc Do Thái hay với các tôn giáo khác. Kết quả là hiện nay các tôn giáo lớn đã ngồi lại được với nhau.

Loạn quân Tây Sơn ?

Coi phong trào Tây Sơn là "*loạn quân, một đám loạn quân thuần túy*" chắc hẳn tác giả sẽ không tạo được sự đồng thuận về việc đánh giá biến chuyển lịch sử này. Và tôi tự hỏi nó có cần thiết không cho việc tác giả cổ xúy cho hoà giải? Xác định phong trào Tây Sơn là loạn quân, phải chăng tác giả đứng ở cương vị chính trị "chính thống" như các cựu thần thời Lê mạt và dòng họ Nguyễn đã trị vì ở miền Nam? Đáng ngạc nhiên khi ý kiến đó xuất phát từ một người không những làm chính trị mà còn có tham vọng làm cách mạng, đối với một phong trào khởi nghĩa của nông dân. Quang Trung có thể là một nhân vật tàn bạo vô biên nhưng trên phương diện lịch sử, không ai có thể lấy đi cái công đuổi quân Xiêm ở miền Nam do Nguyễn Ánh cầu viện và phá tan quân

Thanh do Lê Chiêu Thống mang về. Tiếc rằng Quang Trung chỉ ở ngôi được bốn năm. Nhưng không vì thế mà không làm hoặc chuẩn bị một số cải cách có tầm quan trọng. Còn "dự án chính trị" là danh từ của những nhà làm chính trị thời nay mà thôi. Dưới những triều đại quân chủ chuyên chế, nếu có một minh quân thì mục tiêu của họ là cố gắng đạt được quốc thái dân an. Hiện tượng Quang Trung dù muốn dù không vẫn là ký ức chung của dân tộc. Hơn nữa trong lịch sử nhân loại thiếu gì những thảo khấu hay anh hùng áo vải đã lập nên các triều đại huy hoàng. Nếu không gắn liền với những sự kiện lịch sử đó cũng như từ bỏ hết gia tài văn hóa, dù khiêm nhường hay nhỏ bé của ông cha để lại như xác định là chúng ta không có một "*tác phẩm tư tưởng lớn và thực ra cũng chưa có ai xứng đáng được gọi là một nhà tư tưởng*" thì chúng ta còn gì chung để coi mình là người Việt Nam? Và như vậy, nhân danh gì để tập hợp dân tộc?

Phải chăng vì chuộng những gì từ ngoài đem vào nên phần lớn những người Tây học đã không bao giờ quay lại tìm tòi, nghiên cứu để phát huy văn hóa của ta? Thời xưa, ông cha ta vì thiếu tiếp xúc với bên ngoài nên đã coi văn hóa Trung Hoa là thượng đỉnh của nền văn minh. Nay, một số lớn người Việt cũng lại coi văn hóa Tây phương là cái gì phải có cho hết, từ đồ đến hay. Nhưng nếu không dựa trên nền tảng văn hóa riêng thì có thể có một cái gì đó nhiều hơn hay. Ở đây, tôi nghĩ rằng quan niệm về thiên mệnh của Hán và Tống Nho về phương diện chính trị chưa hết trong tiềm thức của chúng ta.

Về người Việt hải ngoại.

Để đóng góp ý kiến với tác giả bài viết trên, tôi nghĩ rằng những người Việt Nam ở hải ngoại cần một chọn lựa rõ ràng về chỗ đứng để không tự lừa dối mình về vấn đề đất nước. Tôi không đề cập đến những người ở trong nước. Vì sống dưới một chế độ như chế độ hiện nay, họ có những nhu cầu cấp thiết về tự do, dân chủ, về công bình xã hội và có đủ suy xét và khả năng để tập hợp, tranh đấu tại chỗ trên những thực tiễn xã hội.

Từ 25 năm qua, các tổ chức các hội đoàn ở hải ngoại đều giương cao ngọn cờ dân chủ để chống cộng. Không đề cập tới những phân hóa giữa các nhóm, các tổ chức, điểm chung là tất cả đều muốn lật đổ chế độ hiện hành ở cách chúng ta hơn

mười ngàn cây số, nhưng chưa có ai rời bỏ đất định cư, thoát ly gia đình để về hoạt động ở Việt Nam bằng cách này hay cách khác, trừ trường hợp một vài cá nhân. Hai mươi năm nay họ đã hy sinh thời giờ, sinh lực để ngồi thảo luận, đưa ra những kế hoạch không tưởng và cũng không tạo được cho cộng đồng một đồng thuận, không gây được một tiếng nói đại diện thực của những người định cư nay đã thành công dân của những quốc gia họ định cư.

Do đó, lòng trung thực, không lừa dối mình và không lừa dối người, đòi hỏi chúng ta phải chọn lựa giữa hai con đường: về hay không về. Nếu chọn lựa con đường đấu tranh để thay đổi chế độ cộng sản thì sau 25 năm suy nghĩ đã quá đủ và đây là lúc phải chấp nhận hiểm nguy để bằng mọi cách trở về hoạt động phối hợp với những người đang tranh đấu ở trong nước. Ở xa đất nước hàng ngàn dặm, dù phương tiện truyền thông giúp cho theo dõi thường xuyên tin tức, nhưng dù sao cũng không nắm vững được tình hình chính trị như người tại chỗ. Có lẽ vì thế nên Thông Luận cách đây mấy năm cả quyết là chế độ cộng sản sẽ không trụ được. Nhưng nay thì anh Kiêng lại xác quyết là "chế độ này sẽ không sụp đổ vì khủng hoảng kinh tế, nó cũng sẽ không sụp đổ vì khủng hoảng nội bộ". Tôi hy vọng anh sẽ nhầm như lần trước thì là một may mắn cho đất nước và dân tộc Việt Nam. Riêng tôi, tôi tin tưởng rằng chế độ này sẽ biến thể. Điều tôi lo ngại là sau đó, đoàn thể hay nhân vật nào sẽ có khả năng nhận lãnh trách nhiệm đưa dân tộc từ chỗ tăm tối hiện nay ra chỗ sáng sủa hơn. Còn nếu chọn lựa con đường thứ hai, tuy vậy không phải là không ưu tư đến đất nước, thì phải suy nghĩ là vấn đề của chúng ta nằm trong phạm trù nào và tìm hiểu tại sao cho đến nay ta không tìm được đồng thuận. Theo tôi, hiện tượng đó có vì trong 25 năm qua chúng ta đều giương khẩu hiệu tự do và những thế hệ đi tản hầy còn sống với ký ức của chiến tranh. Trong khi đó, trở thành công dân của những quốc gia dân chủ, chúng ta không có nhu cầu đòi hỏi dân chủ như những người sống dưới chế độ độc tài quân phiệt hay cộng sản. Do đó khẩu hiệu tranh đấu cho tự do đã không có sức thu hút. Còn khẩu hiệu chống cộng nhưng không có những hành động cụ thể đi theo đã làm cho người ta nghi ngờ sự hữu hiệu; nhất là khi những người đi tản đã chứng kiến sự tan rã của hơn một triệu

quân với những phương tiện khổng lồ.

Ở lại nước ngoài nhưng còn thiết tha đến đất nước là làm sao cho thế hệ con cháu mình không quên bản sắc dân tộc, không quên gốc rễ dù rằng đã trở thành công dân Mỹ, Pháp, Anh v.v.. Trách nhiệm của chúng ta trong nhiệm vụ này là khuyến khích các thế hệ sau hội nhập vào các quốc gia định cư trên mọi lãnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa... Khi đã xây dựng được chỗ đứng khả quan và có ảnh hưởng trên nước định cư và không quên nguồn gốc, thì bằng cách này hay cách khác thế hệ sau có thể đóng góp cho nước cũ dưới nhiều hình thức. Nhưng muốn cho các thế hệ sau không mất bản sắc dân tộc thì cần phải giúp họ biết về văn hóa, về lịch sử, về lẽ lối sống của dân tộc Việt Nam. Muốn đạt được mục tiêu trên, vai trò của các nhà làm văn hóa, trí thức và dịch thuật Việt Nam đặc biệt quan trọng trong công việc phổ biến nguyên liệu cho các thế hệ sau. Công việc này những người làm văn hóa ở nhiều nước định cư đã thực tiễn ý thức và đã có nhiều cố gắng mặc dầu các khó khăn gặp phải. Trong chiều hướng này, vai trò của các bà mẹ không kém phần quan trọng trong việc bảo vệ truyền thống sinh hoạt gia đình. Cộng đồng Việt Nam sẽ thành công nếu tạo được ở mỗi xứ định cư một cộng đồng hiền hoà, bao dung, đoàn kết tuy vẫn có những khác biệt về tư tưởng, để có thể có tiếng nói đại diện cho người Việt trong việc bảo vệ quyền lợi kinh tế, an ninh và chính trị của cộng đồng.

Suy nghĩ về nguyên nhân thất bại của chúng ta đưa đến thảm kịch 30 tháng 4 năm 1975, tôi cho rằng đa số chúng ta trong quá khứ đã không dám dấn thân. Luôn luôn chờ đợi ở người khác thực hiện hộ những ước vọng của mình. Chống cộng nhưng muốn người khác đổ máu thay cho bản thân. Di tản ra nước ngoài sau cuộc thất bại thì lại sống trong ảo tưởng, muốn lấy lại một thời đầy quyền uy nhưng vẫn an phận yên ổn ở lại nước ngoài để "tranh đấu". Thái độ tự đánh lừa mình này như thể một liều thuốc an thần, tránh những chất vấn của lương tâm. Bài học cho chúng ta ở ngoài nước có lẽ là mặc dù không quên những việc ở cách xa hàng vạn dặm đường nhưng cần phải lo cho trọn vẹn trách nhiệm những việc ở nơi mình sinh sống.

6 tháng 6 năm 2000
Vương Văn Đông

Ý nghĩa của hai ngàn chữ ký

Phạm Ngọc Lân

Bản Lên Tiếng bảo vệ Hà Sĩ Phu đã nhận được hơn 2.000 chữ ký.

Đây là một thành quả to lớn hay khiêm nhường? Nếu so với con số hơn hai triệu người Việt sống rải rác trên thế giới thì 2.000 quả là khiêm nhường. Càng khiêm nhường hơn nữa khi chúng ta biết có gần 20 phần trăm chữ ký là của các bạn bè ngoại quốc.

Nhưng nếu xét qua một vài khía cạnh khác thì có lẽ chúng ta cũng có quyền lạc quan.

Đầu tiên là cách ký tên. Hơn 90 phần trăm các chữ ký được thu thập qua mạng lưới Internet, bằng đường thư điện tử (email) hoặc website (được dịch một cách ngộ nghĩnh là "trang nhà"). Có nghĩa là những người ký tên đã thực sự làm một công việc tích cực: phải mở máy điện toán ra, vào hộp thư điện tử của mình hoặc vào "trang nhà", phải đọc được nội dung của Bản Lên Tiếng. Sau đó mới chủ động ghi họ tên của mình, ghi nghề nghiệp chức vụ của mình, ghi nơi cư trú của mình và bấm vào cái nút "Send" để gửi chữ ký đi. Chữ ký dùng để làm gì? Để bảo vệ một người mình không quen biết, nhưng vẫn tin tưởng đó là một người đáng được bảo vệ, vì người đó đang phải chống đỡ bộ máy công an khổng lồ, một bộ máy kềm kẹp đang tìm mọi cách để nghiền nát ý chí của những người đấu tranh cho dân chủ trong nước.

Như vậy hành động ký tên mô tả trên đây là một hành động với ý thức cao, rất khác với việc ký vào một văn bản được một người nào đó cầm một tờ giấy và một cây bút đưa tận tay cho mình ký. Do đó có thể nói con số 2.000 rất đáng khích lệ.

Một khía cạnh khác cũng đáng cho chúng ta đặc biệt chú ý. Đó là không ai thắc mắc về xuất xứ của Bản Lên Tiếng.

Hình như không ai đặt câu hỏi Bản Lên Tiếng này do cá nhân nào, hay đoàn thể nào, hay tổ chức chính trị nào khởi xướng... Cũng không ai thắc mắc về những người ký đầu tiên là ai, thuộc khuynh hướng nào, có tiếng tăm không, có chức vụ không, có bằng cấp không... Dĩ nhiên Bản Lên Tiếng đã được một nhóm người làm việc chung với nhau viết ra. Dĩ nhiên Bản Lên Tiếng cũng đã được phổ biến từ một nhóm nào đó. Nhưng những người thảo ra nó cũng như những người phổ biến nó không làm để gây thanh thế cho mình, mà chỉ làm vì phải có người khởi xướng, làm cái công việc tạm gọi là "thư ký". Sau đó Bản Lên Tiếng trở thành sở hữu của mỗi người ký tên.

Đây là một dấu hiệu đáng mừng. Những người ký tên đã lấy quyết định dựa trên nội dung của văn bản, không dựa trên cảm tình yêu ghét đối với một tổ chức nào, đoàn thể nào, hay cá nhân nào.

Những chữ ký đến từ khắp nơi có cộng đồng Việt Nam trên thế giới, từ các tiểu bang của Úc cho đến các tiểu bang của Mỹ, từ Đài Loan, Nhật Bản cho đến Canada. Bên trời tây, những chữ ký xuất phát từ các nước "phương tây" cũng như từ nhiều nước thuộc khối cộng sản cũ như Ba Lan, Nga, Hungary, Tiệp Khắc... Thành phần ký tên cũng vô cùng đa dạng. Những chữ ký ghi nghề nghiệp là "nội trợ", "công nhân", "sinh viên", đứng bên cạnh những vị khoa bảng. Chữ ký của những tên tuổi quen thuộc với những khuynh hướng chính trị khác nhau - từ "tả" sang "hữu" - cũng hiện diện bên cạnh nhau.

Một yếu tố thành công có lẽ là nội dung của Bản Lên Tiếng. Nó rất đơn giản, nhưng nói lên được đầy đủ những gì cần nói. "*Chúng tôi cực lực phản đối*" biện pháp thô bạo của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam. "*Chúng tôi bày tỏ lòng quý mến*" với những người đang làm

nguy. "Chúng tôi ngưỡng mộ" các ông Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Phạm Quế Dương, Hoàng Tiến và Trần Dũng Tiến đã bất chấp mọi đe dọa cùng ký tên vào một kiến nghị đòi chính quyền cộng sản phải ngừng tay đàn áp, thực hiện dân chủ và chấm dứt độc quyền chính trị. "Chúng tôi kêu gọi" thế giới hãy ủng hộ những người dân chủ Việt Nam, và đồng bào Việt Nam hãy vận dụng mọi sáng kiến để bênh vực và bảo vệ anh em dân chủ đang mắc nạn. Và Bản Lên Tiếng kết thúc bằng một niềm tin: "Dân chủ là giải pháp bắt buộc cho Việt Nam". "Đảng Cộng Sản Việt Nam có thể gây thêm thiệt hại cho dân tộc nhưng không thể ngăn chặn được tiến trình dân chủ hóa".

Nhưng quan trọng nhất vẫn là đối tượng được bảo vệ. Người được nhắc tới trong Bản Lên Tiếng là Hà Sĩ Phu, một người không cùng phe chống cộng với đa số người tị nạn trong cộng đồng chúng ta. Nguyễn Xuân Tú - tên thật của Hà Sĩ Phu - năm nay tròn 60 tuổi, trưởng thành dưới chế độ xã hội chủ nghĩa miền Bắc, thuộc thành phần trên nguyên tắc là được chế độ ưu đãi vì gia đình được chia ruộng ao trong cải cách ruộng đất. Trong thập niên 60, ông được đi học Tiếp Khắc để trở thành phó tiến sĩ về sinh học. Hà Sĩ Phu không phải là một đảng viên đảng cộng sản, không phải vì Hà Sĩ Phu "chê" không muốn vào đảng (như một số bài báo ở hải ngoại gán cho ông), thực chất là ông bị đảng "chê" vì những tư tưởng phóng khoáng của ông, những phát biểu bộc trực của con người trí thức trong ông. Như vậy rõ ràng ông không phải là "phe ta" rồi. Thế sao cũng có 2.000 chữ ký lên tiếng bảo vệ ông?

Vì một lần ranh đấu tranh mới đang rõ dần trong tâm tưởng của rất nhiều người Việt: ranh giữa dân chủ và độc tài. Hà Sĩ Phu là một biểu tượng của người chiến sĩ dân chủ trong trận tuyến mới. Đồng thời cũng là biểu tượng của người trí thức trong thời đại mới, những người "tân sĩ phu". Bút hiệu của ông "Hà Sĩ Phu, thế nào là sĩ phu?" (chứ không phải sĩ phu Bắc Hà, theo chính lời Hà Sĩ Phu giải thích) nói lên tính khiêm nhường (tôi phải làm gì để trở thành sĩ phu?) đồng thời nổi khắc khoải của người trí

thức trước thời cuộc.

Bài "Đặt tay nhau, đi dưới những tấm biển chỉ đường của Trí tuệ" được phổ biến chuyển tay nhau trong nước từ năm 1988, nhưng mãi đến 1993, bài này mới được biết đến ở hải ngoại. Từ đó Hà Sĩ Phu nổi tiếng với những bài viết khác: "Đôi điều suy nghĩ của một công dân", rồi "Chia tay ý thức hệ". Tất cả đều đặt lại vấn đề đối với nền tảng của chế độ cộng sản là chủ nghĩa Mác-Lênin. Hà Sĩ Phu chứng tỏ lòng can trường của mình khi một thân một mình xông pha vào thành trì kiên cố của chủ nghĩa cộng sản. Và ông đã phải trả giá bằng một năm tù ở (1995-96) rồi sau đó phải chịu quản chế và sách nhiễu thường xuyên bởi công an thành phố Đà Lạt là nơi ông đang cư ngụ và đang bị đe dọa.

Tháng 4 vừa qua, công an Đà Lạt khám nhà Hà Sĩ Phu và tịch thu máy vi tính của ông. Cách đây một năm, họ cũng đã tịch thu một bộ máy vi tính khác của ông. Đối với Hà Sĩ Phu, ông không thể sống mà không viết, và dụng cụ làm việc của ông tất nhiên là cái máy vi tính. Khi tịch thu dụng cụ làm việc của người cầm bút, chế độ cộng sản Việt Nam đang theo vết xe đổ của Tần Thủy Hoàng.

Cùng với Hà Sĩ Phu, tổ chức quốc tế bảo vệ nhân quyền Human Rights Watch còn tiết lộ tên một người thứ hai cùng bị công an tịch thu máy vi tính và khởi tố về tội "phản bội tổ quốc" như Hà Sĩ Phu, đó là ông Mai Thái Linh. Tổ chức còn cho biết hai người bị kết tội có liên hệ với những nhà trí thức khác để âm mưu ký tên chung một bản lên tiếng. Ký giả Ngô Nhân Dụng của báo Người Việt tại Nam Cali có nhắc đến bản "Kết ước 2000" nhưng không rõ nội dung như thế nào. Nhà văn Tưởng Năng Tiến đã có bản kết ước này và trích ra một đoạn trong bài viết "Từ Nguyễn Mạnh Tường đến Mai Thái Linh" được phổ biến rộng rãi trên Internet gần đây. Xin trích lại đây một đoạn:

"Chúng tôi là những người Việt Nam cùng chia sẻ một lo âu trước sự tụt hậu của đất nước, trước sự thờ ơ của quần chúng và trước sự thiếu tầm nhìn của

nhiều người lãnh đạo đất nước. Chúng tôi tin là phải tìm ra một giải pháp chung cho những khó khăn của đất nước; sự kiện người dân mất lòng tin và ý thức cộng đồng, mỗi người tự tìm một giải pháp cá nhân là rất nguy hại cho đất nước và cho mọi người. Chúng tôi muốn giữ đất nước mà ông cha đã đổ mồ hôi và xương máu tạo dựng cho con cháu. Chúng tôi muốn để lại cho các thế hệ mai sau một đất nước đẹp hơn, đáng yêu và đáng tự hào hơn."

"Chúng tôi quan niệm đất nước cần cho mọi người, vì đó là một tình cảm và một không gian tương trợ giữa những người cùng một ngôn ngữ, lịch sử và văn hóa. Đất nước ấy nhìn nhận và bảo đảm chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho mọi người. Bạo lực và đàn áp phải được loại bỏ, thay vào đó, đối thoại, thỏa hiệp và hợp tác phải được tôn vinh như những giá trị nền tảng của xã hội; mọi người Việt Nam phải quý mến nhau trong sự tôn trọng mọi khác biệt. Nhà nước phải xuất phát từ nhân dân qua một chọn lựa thực sự tự do..."

Đó là nội dung của tội "phản bội tổ quốc" mà công an gán cho Hà Sĩ Phu và Mai Thái Linh. Và có lẽ sự vô lý này là động cơ chính của 2.000 chữ ký trong Bản Lên Tiếng bảo vệ Hà Sĩ Phu.

Phạm Ngọc Lân

Giới thiệu sách mới

Với lối viết đặc biệt lôi cuốn và được nhà báo lão luyện Jean Lacouture viết lời tựa, quyển "Mặt Thật" được dịch sang tiếng Pháp, với tiêu đề:

"1945 - 1999, Vietnam

La face cachée du régime"

đã được dư luận Pháp chú ý. Là một chiến sĩ đấu tranh tích cực cho dân chủ, nhân dịp kỷ niệm 25 năm ngày 30-4-1975, Bùi Tín đã được các hệ thống truyền thanh, truyền hình và nhiều tờ báo lớn tại Pháp phỏng vấn và giới thiệu quyển sách. Sách dày 303 trang, 40 ảnh. Giá bán: 140 francs (đã kể cước bưu phí gởi). Đặt mua: Bùi Tín, 1 ter rue des Francs Tireurs, F-93120 La Courneuve.

Đàn chim Việt đang bay lên tầng bay mới

Phạm Viết Luật

Học thuyết kinh tế xã hội của Marx đã sụp đổ tan tành trong cuối thế kỷ 20 nhưng có câu nói của ông luôn làm tôi trầm trở. Khi nói đến đức tính yêu thích nhất ông khẳng định: 'Hoài nghi tất cả'. Loài người là siêu đẳng so với loài vật vì người là loài động vật có tư duy, có nhận thức cao. Nhận thức là cả một quá trình vận động liên tục, nếu chúng ta chỉ biết tin vào những gì đã được coi là chân lý thì chắc rằng đến giờ ta vẫn tin rằng trái đất phải là vuông và được mặt trời quay quanh nó.

Vài chục năm trước đồng bào Tây nguyên mong mỏi nhìn người Pháp với các loại thiết bị văn minh như thiên thần. Thế mà chàng thanh niên Núp với vũ khí thô sơ thủ bắn Pháp thấy Pháp chảy máu mới hiểu ra là có thể giết được Pháp và đuổi được chúng đi. Nghĩ lại động tác giờ cái nỏ bắn vào ai chả chảy máu và tư duy đó thì con nít giờ cũng hiểu thế nhưng ngày đó chỉ có anh Núp dám thử làm và đã phá tan bức hào quang của đội viên chinh xâm lược nên anh là anh hùng của buôn làng mình.

Ngày Đảng CSVN mới ra đời trong hào quang của tư tưởng giải phóng dân tộc, Đảng thật lấp lánh, dân chỉ biết tin Đảng hơn cả tin vào cha mẹ mình. Nhưng ngày nay chính Đảng cũng phải thừa nhận là có nhiều sâu mọt, ngu dốt có nhiều phần mục ruỗng, thối nát. Đặng Tiểu Bình ba lần ngã ngựa, ba lần đứng lại được cũng nhờ có luật bảo lưu ý kiến thiểu số trong Đảng CSTQ. Chân lý không bao giờ nở ra sáng bùng lên trước mặt tất cả mọi người ngay một lúc. Lúc đầu bao giờ nó cũng chỉ là ánh sáng le lói ngay cả trong những bộ óc lồi lạc nhất của nhân loại rồi nó mới chiếu ra đồng loại. Vì vậy thiên tài thường hay cô độc và lịch sử nhân loại mới hay chao đảo đi vòng làm vậy.

Chúng ta ai cũng tự hào là VN có trống đồng. Vậy đã mấy ai nhìn kỹ mặt trống đồng Đông Sơn và so sánh nó với quốc huy của nước CHXHCNVN bây giờ? Hàng ngàn năm trước cha ông ta đã để đàn chim Lạc hùng dũng tung cánh trên biểu tượng mặt trống đồng. Có một điều lý thú, chim là biểu tượng trên quốc huy của hầu hết các quốc gia văn minh bây giờ. Sau mấy ngàn năm tự nhận mình có gốc gác đáng tự hào là con Rồng cháu Tiên mà

nước VNDCCH xưa và CHXHCNVN nay lại chỉ chọn cho mình cảnh lúa và bánh rặng công nghiệp. Cha ông ta tự ngàn xưa ngay từ chọn biểu tượng đã hướng tới sự siêu thoát, rộng mở, còn ta cứ đà thô thiển và nông cạn này sắp tới nếu Việt Nam bước được vào kỷ nguyên phát triển tin học chắc sẽ tương tiếp mô hình máy tính lên quốc huy mất.

Sau đây tôi muốn bàn đến bốn vấn đề sau:

1. Sự lãnh đạo của Đảng

Nhiều người đánh giá Việt Nam đã có hòa bình thống nhất nhưng tôi lại nghĩ chúng ta vẫn luẩn quẩn trong các cuộc chiến. Cả đất nước theo sự hồ hào của Đảng vẫn làm rất nhiều cuộc chiến về tư tưởng, về văn hóa, về kinh tế chống lại thế giới văn minh, trào lưu thời đại, chống lại ngay cả những bộ phận ưu tú của dân tộc giàu lòng yêu nước, có khí phách và lòng tự trọng. Chúng ta vẫn đang phải rút ruột và gồng mình trong rất nhiều những cái không đâu. Sau 25 năm nay dân tộc vẫn chưa có những bước đi đồng thuận, đình đạm, thanh thản như nó phải có.

Có một thực tế mà trong hơn hai thập niên nay đã được khẳng định là ở đâu có sự lãnh đạo sâu sát, quan tâm chu đáo của Đảng thì ở đó kết quả trái ngược với mong đợi của Đảng cũng như của toàn dân. Đảng quốc hữu hóa tư bản tư doanh thì thành phố xơ xác tiêu điều. Đảng đồn bao công sức vô báo doanh nghiệp quốc doanh từ độc quyền độc lợi đến cấp vốn vô tội vạ thì đa phần vẫn lỗ lã và thối nát. Mới coi trói cho khu vực tư nhân phát triển dù tại 'một sân chơi' không bình đẳng có hơn 10 năm nay mà khu vực này đã đóng góp hơn nửa tổng thu nhập quốc dân. Đảng tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp thì cả nước đói vàng mắt. Khi giao lại quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho người nông dân qua mô hình khoán thì đã dần dần bớt đói giảm nghèo và nước nhà cũng được 'về vang' là đang trở thành một phần cái dạ dày thô của thế giới (xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới). Xuất khẩu bao năm không vượt được ngưỡng đi đệt là 10 tỷ USD thế mà khi Đảng mở rộng quyền sản xuất kinh doanh cho tất cả các thành phần kinh tế tham gia hoạt động xuất nhập

khẩu, riêng năm 1999 dù kinh tế tăng trưởng kém nhất trong hơn 10 năm qua, xuất khẩu vẫn vọt lên 11 tỷ 520 triệu USD. Cái gì Đảng tháo gỡ sự chỉ đạo 'sát sao' của mình thì dân ta làm nó phát triển. Giải thích điều đó thế nào nếu không muốn nói là Đảng trong chỉ đạo đã luôn cố đi ngược lại trào lưu phát triển khách quan của thời đại, của xã hội loài người ngày nay.

Trên bình diện hình thành cộng đồng người Việt tại hải ngoại cũng có nhiều suy nghĩ. Đã có gần 1 triệu người VN bị nhấn chìm dưới biển và cũng có khoảng ngàn ấy đến được thế giới tự do. Đã biết bao gia đình phải đắng cay chấp nhận cuộc chơi một mất một còn đó. Và cộng đồng này hàng năm gửi về độ 1 tỷ đô la 'cứu nước cứu nhà', các cơn mưa vàng này đã giải quyết một phần nào căng thẳng kinh tế, xã hội của đất nước do Đảng gây ra. Tại Đông Âu chưa có con số thống kê chính thức, nhưng trên toàn tuyến chắc cũng không ít hơn một vài trăm ngàn người Việt tha phương cầu thực. Phải khẳng định rằng nếu còn phe XHCN thì không bao giờ có thể có cộng đồng người Việt ở Đông Âu như hôm nay. Người Việt ở Đông Âu đều rõ các Sứ quán Việt Nam tại các nước này bệ nguyên cái bản vị văn hóa lùn của chính quyền cộng sản Hà Nội sang đây, trên thì sợ hải chính quyền các nước đàn anh XHCN, dưới thì những nhiều, hạch sách dân mình. Ở nhà dân đen muốn đi ra nước ngoài chủ yếu là phải lo lót chạy chọt các cấp chính quyền tham nhũng để ra được quyền hộ chiếu, sang đây thì lại phải chịu cảnh áp bức 'một cổ hai tròng' của Sứ quán VN lẫn chính quyền sở tại nếu chưa hoặc không hợp pháp hóa nổi giấy tờ.

Sự lãnh đạo 'tài ba' của Đảng là ở chỗ hơn 2 triệu kiều bào không được Đảng lo hộ cuộc mưu sinh của mình, tự lực tự cường lại có tổng thu nhập ngang ngót nghét 80 triệu đồng bào trong nước nơi luôn có được ánh sáng đường lối của Đảng dù đất.

2. Về chủ nghĩa xã hội và sự vận động của nó trong lịch sử

Xã hội loài người tiến triển từ thấp lên cao theo cách tiệm tiến, cái mới nảy sinh

trong lòng cái cũ và chuyển hóa dần dần từ lượng thành chất. Cái mới là hiện tượng và chỉ khi nào 'hiện tượng' trở nên là con số áp đảo thì lúc đó nó không còn là hiện tượng nữa mà đã thành bản chất 'mới'. Xã hội loài người ở trong những khúc quanh chuyển đổi thì có những cuộc cách mạng, đó là thời điểm quyết liệt để cái mới lấn át và thắng hẳn cái cũ. Những mô hình xã hội cứ chuyển động, thay thế nhau một cách khách quan không phụ thuộc vào ý kiến của con người dù con người vận động trong nó. Nhưng riêng CNXH từ lý luận đến thực tiễn lại ra đời theo một con đường khác. Marx cũng như những nhà Marxist tiền bối khác, khi nghiên cứu lịch sử phát triển loài người nhận thấy rằng con người thụ động trước bánh xe lịch sử và các ông đề xuất là con người phải giành lấy quyền chủ động. Bằng học thuyết của mình các ông tin là có thể cải tạo thế giới vì thế giới trong con mắt các ông là duy vật, là hiện hữu nên có thể xoay vần nó được. Lịch sử phát triển của nhân loại trong thế kỷ 20 đã phủ nhận khát vọng đó của các ông cũng như lớp người đã tôn các ông làm thầy. Lịch sử nhân loại vẫn quay những vòng khổng lồ nhưng không theo những lộ trình mà những con người đó muốn tính, áp đặt cho nó.

Nhưng tại sao đã rộ lên một phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trong thời gian qua? Có lẽ có những lý do sau: trước hết là do trình độ dân trí thấp của nhân loại trong giai đoạn phát triển này của lịch sử và CNCS xuất hiện giữa lúc xã hội loài người đang thiếu đối hệ tư tưởng nên đã được nhiều người ngộ nhận như một giải pháp cho tình trạng khủng hoảng xã hội ở bước đầu của giai đoạn phát triển công nghiệp. Hơn nữa tư tưởng này xoa dịu được tầng lớp lao động đông đảo trong xã hội đang trong bước bản cùng hóa tiền tư bản. Cũng như không thiếu kẻ đã nhận ra nó là bàn đạp cho họ bước lên đỉnh cao quyền lực nên một lòng khước từ và lợi dụng nó. Giai cấp cần lao đang ngồi ở đáy xã hội bỗng đứng thấy mình được thỏa mãn cái thị dục huyền ngã, thấy mình - nếu theo nó - sẽ là chủ nhân ông tương lai của lịch sử, vì vậy như kẻ khát gặp mưa rào và CNCS đã sai khiến được cả thế giới cùng đỉnh. Nếu Marx nói 'tôn giáo là thuốc phiện của quần chúng' thì học thuyết của ông cũng là thuốc phiện của quần chúng lao động trong hơn thế kỷ qua. Nếu CNCS là chân lý tất yếu của sự phát triển nhân loại thì nó đã phải chiến thắng ở các nước phát triển cao như Marx từng dự

đoán chứ không phải như Lenin bằng mắt cảm chính trị hiểu được là nó chỉ xì ra nổi ở những nước dân trí thấp, chậm phát triển. Vì vậy muốn để cho nó sống và phát triển được ông đã khôn khéo cho nó 'kết hôn' với phong trào giải phóng dân tộc - xu hướng chính trị chủ đạo của thế kỷ 20! Những nước mà đảng cộng sản giành được chính quyền thì sự phát triển ở đó đều bị kéo lùi đi nhiều thập niên. Như Đông và Tây Đức, Bắc và Nam Triều Tiên, Trung Quốc và Đài Loan là những ví dụ dễ dàng kiểm chứng, bằng mắt thường ai cũng xét đoán được.

Nền chính trị cộng sản luôn được khoác cho những tấm áo mỹ miều: 'cách mạng là sự nghiệp của quần chúng', 'cách mạng là ngày hội của quần chúng' vân vân và vân vân. . . Khẩu hiệu muôn đời của các chế độ cộng sản là 'phân chia lại tài sản', 'xóa bỏ giai cấp', 'thu hẹp khoảng cách thu nhập' dù đó là lời đồng chí Lenin năm 1917 hay chương trình tranh cử Tổng thống Liên Bang Nga của ngài Ziuganop năm 2000. Nếu bạn là một người hữu sản, lương thiện, bạn có sợ bọn gangster, hooligan, mafia, tam hoàng... khủng bố tổng tiền bảo kê... không? Chắc bạn sẽ hiểu chân lý cộng sản nằm ở đâu khi họ tự xác định là không có gì cả mà lại muốn được tất cả bằng con đường - nói theo văn phong chính trị là 'chuyên chính vô sản' và 'bạo lực cách mạng', còn dịch theo ngôn ngữ đời thường là chém giết, là cướp đoạt. Vì vậy họ đã kích thích được dục vọng tầm thường của quần chúng, mong được hưởng thụ ngang bằng với những kẻ có khả năng hơn mình không bằng con đường phấn đấu phát triển lương thiện mà bằng sự tước đoạt. Cộng sản đã chiến thắng chính nhờ ở sự mê muội của quần chúng. Đổi lại khi ở trên đỉnh cao quyền lực, quần chúng lao động đã được họ tưởng thưởng cho cái 'quyền làm chủ tập thể' hào, và chỉ vậy mà thôi. Chưa bao giờ giai cấp công nông - dù ở Liên Xô, thành trì của CNXH hay ở Đông Đức, nơi có thu nhập bình quân đầu người cao nhất phe XHCN - lại là tầng lớp có thu nhập cao trong xã hội cả.

Trí thức luôn là động lực cho quá trình tiến hóa của nhân loại, cha ông ta đã từ lâu cũng nhận ra rằng 'Hiền tài là nguyên khí của quốc gia'. Chủ nghĩa Marx đúng như các nhà kinh điển của nó đã tự nhận - chỉ có thể là vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân mà thôi. Đấu tranh giai cấp không thể là động lực phát triển của xã hội loài người được, trong trường hợp xấu nhất, nó làm phân rã xã hội, trường hợp tốt hơn, nó

cân bằng được sự xung đột xã hội nhất thời. Trí thức Việt Nam chưa bao giờ được Đảng gọi là một giai cấp. Dù rằng ở kỷ nguyên văn minh này của nhân loại, họ nắm trọn gói 'tư liệu sản xuất' phổ thông, quan trọng nhất là trí tuệ. Cùng dễ hiểu là Đảng khó có thể dùng tư tưởng của giai cấp công nhân hồng gạc găm, dắt mũi họ được (ở đây tôi muốn nói đến tầng lớp trí thức có khả năng tư duy trí tuệ một cách chân chính, chứ không phải nhóm người mang danh trí thức mà lại tuân lệnh của 'búa' cùng 'liềm'). Trong cuộc 'chia để trị' Đảng đã khéo léo tách họ ra và hất họ xuống hố, đồng thời đóng gông tư tưởng cho hai giai cấp đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam là công nông. Bởi vậy Việt Nam ta mới có 'vĩnh dự' được xếp vào 'bảng vàng' là một trong 20 nước nghèo nhất thế giới.

Trong quá trình tồn tại của mình chủ nghĩa cộng sản có hai cái nguy hiểm là không những nó đi ngược lại trào lưu phát triển của thời đại mà còn từng bước tiến tới xóa bỏ truyền thống. Cái ma lực của chủ nghĩa này thật là đáng sợ khi ta nhìn vào những thực tế lịch sử phũ phàng. Một nước có truyền thống Phật giáo sáu sắc như Campuchia, tưởng như mái đèn Angkor tỏa bóng từ bi xuống từng ngọn cỏ lá cây thì lại để ra chế độ cộng sản diệt chủng Pôn Pốt. Một nước của những Lermantop, Puskin và Lev Tonxtoi thì sau hơn 70 năm đô hộ của chính quyền cộng sản, số người bị tàn sát do các cuộc nội chiến, các phong trào quốc hữu hóa, tập thể hóa, và bị quy kết là 'kẻ thù của nhân dân' lại cao hơn số thương vong của hai cuộc thế chiến gây nên tại đây. Ở Việt Nam có bao nhiêu đền chùa miếu mạo đã bị đập phá, bao tôn giáo, tín ngưỡng bị chèn ép, đàn áp quyết liệt? Đến khi Đảng hô hào phát huy bản sắc dân tộc thì trên đất nước thân yêu đã chỉ thấy nở rộ rặt hoa tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, ma túy học đường, mại dâm vị thành niên... Đã có lúc trên tổ quốc của chúng ta tưởng như tư tưởng giai cấp chiến thắng tư tưởng dân tộc. Nhưng thực tế là tư tưởng dân tộc ở Việt Nam đã hai lần cứu vớt cho những người cộng sản ở đây, một lần nhờ nó mà họ chiến thắng, lần này cũng nhờ nó mà họ đã bớt mù quáng hơn trong những năm cuối thế kỷ này.

Triết học Marx quyết định là 'vật chất có trước, ý thức có sau', 'vật chất quyết định ý thức'. Vậy mà đến tận giờ chính quyền cộng sản Hà Nội vẫn xác định mục tiêu xây dựng đất nước là tiến lên chủ nghĩa xã hội theo như cương lĩnh chính trị

từ năm 1930 của mình. Dù rằng đã có 70 năm vật lộn cùng hệ tư tưởng này, mà từ người lãnh đạo đến dân chúng chưa ai nhìn thấy hình thù cái mô hình CNXH là thế nào cả. Liệu rằng cả nước đang sẩm sờ lần chãng? Lại nữa, cũng triết học marxism xác định rằng 'hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc'. Kinh tế chính trị marxism là cơ sở cho việc xây dựng xã hội XHCN mà nay học thuyết kinh tế này đã sụp đổ hoàn toàn. Ngôi nhà lý luận đã không còn móng thì sao nói đến việc mang ra xây cất ở đời thường được? Những người cộng sản Việt Nam chẳng lẽ ngu dại đến mức có không hiểu nổi những điều sơ đẳng này?

Trong thông điệp chúc Tết năm 2000 của Chủ tịch nước CHXHCNVN không một lời nhắc đến CNXH, tuy họ vẫn chưa tháo nổi tám vòng kim cô mác xít ra khỏi đầu, nhưng tư tưởng dân tộc đã bước lên một bước, đó là 'dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh' - điều mà chủ nghĩa tư bản đã và đang thực hiện thành công không cần sự góp sức của hệ tư tưởng marxism. Tư tưởng dân tộc đang chiến thắng! Những lán cán về tư tưởng, những duyên nợ với giáo điều marxism tồn tại được ở Việt Nam không phải vì lý tưởng cao đẹp mà vì quyền lợi cá nhân của tầng lớp lãnh đạo. Chúng ta chẳng lẽ khiếp sợ cường quyền hay ngu dốt đến nỗi phải nuốt trôi những sự bịp bợm trắng trợn như: 'Đảng đã cho tôi sáng mắt sáng lòng', 'chủ nghĩa Marx-Lenin vô địch muôn năm'... vân vân và vân vân.

3. Những diễn biến lịch sử mới

Có một yếu tố thiên thời là trào lưu dân chủ, nhân quyền trỗi dậy trong những năm cuối của thế kỷ 20 đã thành xu thế áp đảo trong một loạt nước XHCN đang trong đà thoái nát. Có một may mắn lịch sử cho các nước Đông Âu là cải cách lại đi từ trên xuống mà cụ thể là qua vai trò Gorbachop và nhiều chính khách khác. Trong lịch sử các cuộc cải cách từ trên xuống thường êm đềm hơn, nhưng lạ hơn các cuộc cải cách từ dưới lên vì nó có nhiều lợi thế vì mô, nhưng nó cũng chỉ xảy ra ở những nước có nền dân trí và dân chủ phát triển ở mức độ khá cao. Giai đoạn 1984-1988 các báo cáo viên cộng sản Hà Nội luôn theo sát từng thông điệp của Gorbachop. Lúc đầu họ coi đó là hiện tượng đáng tự hào của phe cộng sản. Nhưng khi ông nói là cần có tính công khai (glasnost) trong các hoạt động của các cấp Đảng, chính quyền thì họ hiểu rằng giờ cáo chung của CNCS đã đổ. Sau

đó họ hẳn học gọi ông là kẻ phản bội. Đã có không ít tiếng reo thán khi ở Nga phe bảo thủ làm chính biến lật đổ ông. Nhưng bánh xe lịch sử đã không đảo ngược được. Chúng ta hãy suy luận xem ai có công: Stalin, Khrushop, Brezhnev, Andropop, những người đã tiếp cho chúng ta dư dả bom đạn để hủy diệt lẫn nhau và ghi sổ nợ cho con cháu mai sau hay là Gorbachop, người đã kể chúng ta phải tự đứng trên đôi chân trần của mình để đất nước Việt Nam có ngày hôm nay và có thêm cả cộng đồng người Việt tại Đông Âu? Dù nằm trong những nước nghèo đói nhất thế giới, dù bị nhiều tổ chức nhân quyền thế giới lên án... vẫn còn muôn vạn lần dễ thở hơn 15 năm trước đây. Đảng quả đã phải lùi đi vài bước cường quyền nhưng dân tộc đã tiến lên nhiều bước về phía trước trên con đường phát triển.

Gần đây chính quyền cộng sản Hà Nội lại ôm chân tư tưởng Trung Quốc. Quả là trong thế giới cộng sản thủ cựu những thập niên 60-70 thì Đặng Tiểu Bình là người có ít nhiều tư tưởng cách tân. Tuy nhiên với những bức tranh Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao đập vào mắt thì chắc trong hơn 1,2 tỷ dân Trung Quốc, không ít người đã hiểu những gì Đặng làm cho Trung Quốc hôm nay chắc rằng Tưởng và các chính quyền không cộng sản khác đã làm cho Trung Quốc từ lâu rồi và còn làm tốt hơn. Vì 'bóng ma' cộng sản (theo đúng chữ đầu tiên của Tuyên ngôn Cộng sản do Marx và Anghen viết) đã mang lại gì cho dân tộc Trung Quốc? Cũng trong những năm Đặng cầm quyền, chính quyền Trung Quốc đã thi hành nhiều chính sách thâm độc với Tây Tạng (các Đạt Lai Lạt Ma trốn ra được đã nói về điều đó), cũng như xe tăng đã tắm máu thịt sinh viên trên Thiên An Môn.

Việt Nam trong con mắt thế giới là một nước nghèo. Tổng thu nhập quốc dân tính theo đầu người chưa ra 1USD/1 người/1 ngày. Độc lập và chủ quyền đến giờ chỉ mang lại những quả bầm cho tầng lớp 'tư bản đỏ'. Việt Nam hôm nay vừa là thặng ăn xin vừa là thặng ăn mày, lại táng tận lương tâm. Các bạn hãy xem các kết quả vay mượn, nhận các loại viện trợ luôn được hỗ trợ bằng các loại tit lớn trên các báo trung ương cũng như địa phương, vậy mà cũng ở đây không ngớt lời phê phán chính sách, chế độ xã hội của các nước tư bản phát triển - các chủ nợ và các nhà tài trợ chính của chúng ta. Ở đây môn 'đạo đức' phải được mang ra dạy lại cho Ban tư tưởng văn hóa trung ương ĐCSVN cũng như bộ sậu thông tấn của nó

vì dân tộc ta vốn có truyền thống 'uống nước nhớ nguồn' và không quen 'ăn cháo đá bát' như vậy.

Trong con mắt của người Đông Âu nói chung, người Việt Nam là hạng người không có nhân phẩm, trên khía cạnh luật pháp luôn bị coi là nhóm người có tỷ lệ bất hợp pháp, buôn lậu, cướp rôm, băng đảng cao. Số được xã hội sở tại tôn trọng có thể đếm trên đầu ngón tay. Tại sao dân ta đến nông nổi này, ở nhà thì không chỉ đói ăn, ra thế giới thì vẫn đói quyền làm người? Câu hỏi này ai cũng trả lời được cả. Chẳng nhẽ lại đi kể tội, xa nhất là từ ông Marx, ông Lenin, sau đó là lớp lớp đầy tớ của các ông và cả chúng ta... Có ý kiến cho rằng khi quần chúng còn đang vật lộn với cơm áo gạo tiền thì chính trị là điều xa vời. Nhưng chính trị lại từng giây từng phút quan hệ đến bạn đến tôi. Giả sử ngày mai có lệnh ân xá của Tổng thống Nga hay Balan cho toàn bộ những người sống bất hợp pháp tại đây thì quảng đại bà con đi chợ không có giấy tờ tùy thân sẽ vui ra sao, sẽ hết hốt hoảng khi nhìn thấy xe cảnh sát như thế nào, hẳn ai nấy trong chúng ta đều thấy rõ. Chế độ chính trị Việt Nam là chế độ gì khi chính những người Việt tha phương còn không muốn về, ai đã trót về thì đều 'cụt vốn', 'dựa cột' hoặc bằng mọi giá lộn sang thì hỏi những nhà đầu tư quốc tế phải làm gì đây ngoài cách bỏ của mà tháo lấy thân?

4. Hồ Chí Minh và con đường cứu nước - Giá trị nội tâm của tinh thần dân tộc

Các em nhỏ Việt Nam và Trung Quốc không lạ gì truyện Đường Tăng sang Tây Trúc lấy kinh. Những người đệ tử Phật giáo thì rõ chuyện Thái tử Ấn Độ quyết từ bỏ vinh hoa phú quý rời hoàng cung lên đường tu hành đắc đạo thành Phật. Những tín đồ Thiên chúa giáo tin rằng Đức Giê-xu là con trời đầu thai làm kiếp người để cứu rỗi loài người. Người Nga đều rõ là Pier Đại Đế của họ đã phải lang thang khắp châu Âu học hỏi cách quản lý và công nghệ tân tiến để về đưa nước Nga từ một nước nông nô thành nước tư bản chủ nghĩa.

Những người cộng sản Việt Nam có câu chuyện về chàng thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành, năm 1910 ra đi tìm đường cứu nước. Xét về điểm xuất phát thì ông Hồ ở địa vị xã hội thấp hơn những vị kẻ trên nhưng những câu chuyện về ông luôn được thêu dệt đầy huyền thoại. Một dân tộc chỉ chuyên quen nhập khẩu hệ tư tưởng, sa lầy trong thói lười nghĩ vì quen sử dụng những mô hình có sẵn, bằng

Thông Luận 139 - Tháng 07&08.2000

hoàng trước sức mạnh của sắt thép do người Pháp phô diễn, dân tộc đó trong cơn bi cực sẽ không thiếu kẻ vội tẩu đi đáo dác tìm chân lý ở những phương trời xa. Cái việc không tự nghĩ ra mà phải đi tìm đường- một cách mong nhòm được đáp án của người khác- đã chẳng lấy gì làm vinh quang. Cái kết cục là trong những kẻ đó cũng không thiếu kẻ vì hấp tấp hay do trình độ có hạn mà vơ bèo gạt tép được gì ở sự người vội nhanh chân thả vào mặt dân tộc cái đó. Sự thô bạo của chính sách cai trị thuộc địa, sự tằm tối của dân trí đã làm cả dân tộc cuồng lên chấp nhận húp vôi bát mì ăn liền -hệ tư tưởng Mác-Lênin xa lạ - mong lấy sức giành chiến thắng thần tốc, ai ngờ bị ngộ độc liền luôn suốt từ đó đến giờ.

Hoàn cảnh ông Hồ ra đi lịch sử sẽ xác minh lại, nhưng rõ ràng gia cảnh ông cực kỳ bi đát lúc đó. Bố ông nửa đời thì hồng mới được người quen xét đồ vớt. Làm quan lại có vấn đề, đánh chết người nên bị bãi quan. Hai anh em ông bị đuổi học, chị chưa lấy được chồng. Mẹ và em nhỏ chết trong nghèo khó. Với gia cảnh đại khủng hoảng như thế ông ra đi cũng không có gì là khó hiểu. Khi sang tới Pháp ông có viết đơn cho tổng thống Pháp xin đi học nhưng không được hồi âm, ông cũng từng viết thư cho chính quyền thuộc địa tại Việt Nam xin xỏ cho bố mình. Ở nước Nga, Lenin cũng có anh bị tử hình, còn bản thân thì bị đuổi học tại trường Tổng hợp Cadan. Ở đây có sự ăn khớp ở động cơ cá nhân là sự bất mãn sâu sắc với chính quyền đương thời nên những con người này đã dồn hết tâm huyết và nghị lực để tìm cách lật đổ cái chế độ đã gây cho họ nhiều khổ đau và căm hận.

Với lịch sử họ đều là những vĩ nhân nhưng cái hệ thống mà họ để lại cho lịch sử quả là nặng nề. Cả hai đều là những người du nhập tư tưởng ngoại bang về áp đặt lên nước mình. Nhưng Lenin còn có ít nhiều dễ hiểu, ông mang nhiều phần dòng máu Do Thái và mang hệ tư tưởng của một người Do Thái khác là Marx vào nước Nga. Còn ông Hồ thì không phải là nhà tư tưởng, ông chỉ du nhập tư tưởng đó như một phương tiện để hành động, như một đáp án có sẵn cứ dập khuôn theo là sẽ thành công. Ông Hồ tuy là học trò nhưng tính đến thời điểm này lại có nhiều may mắn hơn Lenin. Người đầu tiên biến chủ nghĩa Marx thành hiện thực đã chết từ lâu trong lòng dân chúng nước Nga, đối với họ, cuộc cách mạng Tháng Mười chỉ là một cuộc đảo chính thành công của thế lực chính trị đối lập. Nước Nga trong thời

điểm đó là một nước độc lập. Ông Hồ do khoác thêm được tấm áo 'giải phóng dân tộc' nên hình tượng của ông tồn tại lâu hơn ở Việt Nam cũng là điều dễ hiểu.

Lịch sử dân tộc ta chưa sản sinh ra những nhà tư tưởng, những chính trị gia lớn cũng như những nhà kinh tế học, thương nhân hay nhà công nghiệp, tài chính có tầm vóc quốc tế. Đó là do rất nhiều yếu tố địa lý, chính trị, sự cấu thành văn hóa, lịch sử, truyền thống... và cũng là do tư chất của con người Việt Nam chúng ta. Nếu chỉ nghĩ đến thế thôi thì cũng thấy thật chạnh lòng, nhưng nhìn sâu hơn vào lịch sử, chúng ta lại thấy có những dòng hào quang khác lung linh tỏa sáng.

Có bao giờ chúng ta tự đặt câu hỏi vì sao các thế hệ người Việt chúng ta không hiểu thấu đáo về tất cả các đời vua chúa Việt Nam nhưng lại biết tương đối khá về các tướng tài, các nhà thơ lớn trong lịch sử dân tộc? Điều đó lý giải được vì các vua chúa là các lãnh tụ chính trị trong thời đại của mình nhưng phần lớn họ không bước tiếp lên nỗi đài 'biểu tượng dân tộc' để trường tồn cùng thời gian. Biểu tượng dân tộc là quốc hồn quốc hiệu tinh thần của quốc gia trong suốt chiều dài phát triển lịch sử của mình. Đó là đỉnh cao của sự vinh hãnh. Và ở đó tôi thấy tài năng quân sự và tinh thần nhân văn của dân tộc ta cùng lấp lánh. Chính đấy là hai mặt tương hỗ làm nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam và ta có thể mang ra sánh vai với tinh hoa của các cường quốc năm châu. Chắc nhiều người trong chúng ta tự hỏi lấy nội lực gì mà cái dẻo đất Việt Nam bé nhỏ tồn tại được độc lập bên cạnh người thầy về văn hóa tư tưởng, người hàng xóm lớn luôn có nhiều tham vọng về chính trị, lãnh thổ suốt mấy ngàn năm? Kể cả trong những lúc chính con rồng Trung Hoa còn bị con ngựa Thát Đát nuốt trọn mà dân tộc ta vẫn độc lập ngẩng cao đầu?

Nội lực sinh tồn ngàn vàng của chúng ta đó chính là tư tưởng dân chủ tỏa sáng suốt bao đời nay. Trong tinh thần dân chủ, nhiều triều đại phong kiến mới tồn tại được mà không bị đồng hóa. Mỗi làng xóm đều có quyền có luật lệ riêng, thậm chí chấp nhận 'phép vua thua lệ làng'. Có dân chủ mới dựa được vào dân, gom sức dân lại thành sức mạnh dân tộc khi có biến và đổi lại các triều đại tiến bộ cùng luôn tạo ra một chế độ xã hội tương đối dân chủ cho nhân dân của mình so với đương thời.

Dân chủ hiểu theo nghĩa cơ bản là tôn trọng và tin tưởng vào con người. Giai cấp thống trị không coi giai cấp bị trị là tôi tớ

mọi rợ của mình mà là sự hợp tác sinh tồn có hiệu quả cao. 'Quan nhất thời, dân vạn đại'. Tin vào dân, hiểu dân, khoan sức dân, tôn trọng phẩm giá người dân, đó là căn nguyên của nền dân chủ tiến bộ truyền thống Việt Nam. 'Chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân'. Nếu không có tinh thần dân chủ ấy thì làm sao có Hội Nghị Diên Hồng, có việc trao quyền Quốc Công Tiết Chế cho Hưng Đạo Đại Vương, có chuyện trao việc lãnh đạo Thập đạo Tướng quân cho Lê Hoàn, lãnh đạo Cấm vệ quân cho Phạm Ngũ Lão... nếu chỉ tin vào mình như cha con Hồ Quý Ly thì đâu còn có nước Việt Nam ngày nay?

Trên cái nền dân chủ tương đối ấy mà cha ông chúng ta gom góp nhân tài bất kể sang hèn, tạo lập nên sức mạnh dân tộc.

Lịch sử VN không thiên vị một ai, mà là dân chủ bình quyền cho cả nam cũng như nữ: những Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan cũng được nhân dân yêu quý không kém gì Lê Quý Đôn, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Tú Xương. Danh nhân văn hóa Việt Nam đầu tiên được thế giới công nhận, nhà thơ được nhân dân yêu quý nhất là Nguyễn Du cũng tỏa sáng mấy trăm năm nay không bằng thứ văn chương cung đình nào cả mà bằng tư tưởng nhân văn nhân đạo cao cả của mình. Vậy nên chúng ta có quyền tự hào với nhân loại là chúng ta có hàng ngàn năm lịch sử mà tư tưởng nhân đạo, nhân văn, dân chủ tỏa sáng. Vậy mà hiện nay chúng ta bị thế giới lên án là vi phạm thô bạo nhân quyền. Nỗi nhục này không của riêng ai, nỗi đau này thuộc về cả 'thế hệ Hồ Chí Minh'. Thế hệ đã đi rước tư tưởng ngoại bang về chà đạp dân mình và bôi đen truyền thống quý báu của dân tộc. Điều này còn đến bao giờ là do tôi và anh, là do tất cả chúng ta, những kẻ vì lý do này hay lý do khác đã 'im lặng', đã nuôi dưỡng sự 'áp bức' này.

Tất cả chúng ta không một ai có quyền nhận mình là người vô sản. Chúng ta đều là người hữu sản vì chúng ta có một tổ quốc. Đi về đâu hỏi con thuyền tổ quốc khi mà chỉ 'lênh đênh một chiếc thuyền nan thúng' đã trĩu nặng gần 80 triệu dân làm sao mà 'ngang dọc ngày đêm giữa biển trời' được. Vậy nên tôi đề nghị chúng ta hãy bay bằng cánh chim Lạc của truyền thống thẳng hướng tới tương lai. 'Mang sức ta ra mà giải phóng cho ta'!

Warszawa ngày 26/5/2000
Phạm Viết Luật

Người Thượng vẫn còn trên đường đi tìm chỗ đứng

Nguyễn Văn Huy

Năm 1969, những đòi hỏi chính đáng của nhóm FULRO Thượng ôn hòa đều được thỏa mãn, người Thượng được quyền tham gia trực tiếp vào các sinh hoạt chính trị và đã cùng với chính quyền Việt Nam Cộng Hòa xây dựng và bảo vệ miền Nam. Giai đoạn từ giữa tháng 10-1969 đến đầu tháng 3-1975 có lẽ là thời kỳ vàng son nhất của cộng đồng người Thượng từ khi được biết đến, nhưng thời gian đã quá ngắn ngủi để những dự án hội nhập người Thượng vào cộng đồng Việt Nam trở thành hiện thực. Hơn hai trăm ngàn trên tổng số một triệu người Thượng đã chết trong cuộc chiến. Sau ngày 30-4-1975, dưới chế độ cộng sản, phong trào FULRO, được dịp hồi sinh, đã tổ chức nhiều cuộc đánh phá chống lại chính quyền cộng sản và bị trấn áp trong bạo lực. Cho đến nay người Thượng vẫn còn trên đường đi tìm chỗ đứng.

Chính sách Thượng vụ thời Đệ nhị Cộng Hòa

Tại miền Nam, sau 1969, nhiều định chế chính trị và xã hội đã được thành lập để hội nhập người Thượng vào cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Dưới áp lực của Hoa Kỳ, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa chấp thuận gần như toàn bộ những nguyện vọng chính đáng của người Thượng qua hai đại hội sắc tộc họp tại Pleiku từ 15 đến 17-10-1964 và từ 25 đến 26-6-1967. Một số đòi hỏi của nhóm FULRO Thượng - trừ các quyền có lãnh thổ và quân đội riêng, quyền tiếp đón các phái đoàn ngoại giao quốc tế - cũng được thỏa mãn. Những cựu thành viên của phong trào FULRO (gần 6.000 người) đã rời Kampuchea về lại Việt Nam sinh hoạt bình thường, 23 cán bộ cao cấp được hồi ngạch và làm việc ngay tại địa phương nơi cư ngụ.

Để tranh thủ sự hợp tác của những nhân sĩ Thượng ôn hòa trong sinh hoạt chính trị (dân cử hay bổ nhiệm), chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thành lập Phong Trào Đoàn Kết Các Sắc Tộc Cao

Nguyên Việt Nam, trụ sở đặt tại Buôn Alêa. Lễ ra mắt được cử hành trọng thể tại Buôn Ma Thuột ngày 22-4-1969. Ban chấp hành phong trào, đa số là người Rhadé, gồm có một chủ tịch danh dự (tổng thống Nguyễn Văn Thiệu), một chủ tịch chính thức (ông Y Bling, buôn Krong Pang), một đệ nhất phó chủ tịch (ông Y Dắt Niê Kdam), một đệ nhị phó chủ tịch (ông Ya Dúk, người Kaho), một đệ tam phó chủ tịch (bà Hbi, buôn Ya), một tổng thư ký (ông Y Kuốt Ayun), một thủ quỹ (ông Y Buăn). Ban cố vấn gồm có các ông Paul Nư (người Bahnar), Y Chôn Mlô Duôn Du và Y Bliêng Hmok. Ban chấp hành các tỉnh do chính phủ chỉ định. Tại Đắc Lắc, các ông Y Chôn Mlô Duôn Du làm chủ tịch tỉnh bộ phong trào và Kpa Koi (người Djarai) làm phó chủ tịch. Phong Trào Đoàn Kết, trên thực tế, là cơ quan tuyển chọn người để đưa vào chính quyền. Việc làm đầu tiên là đề cử người vào Hội Đồng Sắc Tộc.

Hội Đồng Sắc Tộc, được thành lập bởi sắc luật 014/69 ngày 14-10-1969 theo điều 66, 97 và 98 Hiến Pháp 1967, gồm 48 hội viên chính thức và 12 hội viên dự khuyết, trong đó 16 hội viên chính thức và 4 dự khuyết do tổng thống Việt Nam Cộng Hòa chỉ định, 32 hội viên chính thức còn lại và 8 dự khuyết sẽ được bầu tại các địa phương. Sắc lệnh 610 (28-10-1969) qui định số hội viên cho từng sắc tộc tùy theo dân số; hội viên do tổng thống chỉ định có thể là người Kinh với tư cách là chuyên viên. Cơ quan lãnh đạo Hội Đồng Sắc Tộc là Văn Phòng Thường Trực, gồm có chủ tịch là phó tổng thống Việt Nam Cộng Hòa (người Kinh), một phó chủ tịch, một tổng thư ký và hai phó tổng thư ký, tất cả là người sắc tộc. Hội Đồng có nhiều tiểu ban chuyên môn để nghiên cứu từng vấn đề liên quan đến người Thượng. Nhiệm vụ của Hội Đồng, trên nguyên tắc, là đưa ra những đề nghị với chính quyền, cử đại diện đến quốc hội điều trần và lên tiếng bảo vệ quyền lợi của các sắc tộc. Trong thực tế, Hội

Đồng này không có ảnh hưởng nào đối với chính quyền vì chỉ thuần túy là một cơ quan tư vấn.

Cơ quan thực sự có quyền hành là Bộ Phát Triển Sắc Tộc được thành lập ngày 9-11-1967 nhưng chức vụ tổng trưởng chỉ chính thức được bổ nhiệm ngày 22-12-1969 do sắc lệnh 197 SL/PTST. Ông Paul Nư (người Bahnar) được cử làm tổng trưởng, các ông Đoàn Chí Khoan (người Tày) làm đồng lý, Châu Văn Mỗ (người Chăm) làm tổng giám đốc và ông Y Chôn Mlô Duôn Du (người Rhadé) làm tổng thư ký. Bộ Phát Triển Sắc Tộc được tổ chức từ trung ương xuống địa phương, gồm 25 ty và 65 chi nhánh.

Từ 1969 đến 1975, sự hội nhập người Thượng vào sinh hoạt chính trị và xã hội của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa mang lại nhiều thành quả tích cực.

- Về chính trị, 90% các chức vụ quan trọng liên quan đến vấn đề sắc tộc đều do người Thượng nắm giữ, 10% còn lại do các sắc tộc khác. Các sắc tộc tại miền Nam có 1 tổng trưởng, 1 đồng lý văn phòng (thứ trưởng), 1 tổng thư ký, 1 tổng giám đốc công tác, 1 công cán ủy viên, 1 giám đốc, 3 chánh sự vụ, 1 thanh tra trưởng, 4 thanh tra ngành hành chánh, 1 tỉnh trưởng, 10 phó tỉnh trưởng, 8 quận trưởng, 30 phó quận trưởng, 26 trưởng ty phát triển sắc tộc, 24 phó trưởng ty, 9 chủ sự, 58 trưởng chi, 4 chánh án, 4 lục sự, 74 phụ thẩm tỉnh và thị xã, 270 phụ thẩm xã, 106 hiệu trưởng trung và tiểu học, 10 thanh tra học vụ, 7 giám thị và 3 quản đốc ký túc xá. Sắc luật 007/71 ấn định số ghế dành cho người Thượng trong quốc hội là 6 ghế và thượng viện 2 ghế. Hơn một nửa số ghế nghị viện hội đồng tỉnh và thị xã trên cao nguyên (25 trên 49 ghế) thuộc về người Thượng, đa số là người Djarai và Rhadé.

- Về hành chánh, trong tổng số 553 xã và 2.004 ấp có người sắc tộc cư ngụ, 388 xã và 1.555 ấp do người Thượng trực tiếp quản trị.

- Về giáo dục và đào tạo, có 65.943 học sinh theo học các trường trung tiểu

học và sơ cấp, 142 sinh viên (18 đã tốt nghiệp), 1.483 học sinh cao đẳng kỹ thuật (745 đã tốt nghiệp), nhiều cán bộ tại chức và sinh viên Thượng được cử ra nước ngoài tu nghiệp. Trung Tâm Huấn Luyện Trường Sơn tại Pleiku, thành lập năm 1965, đào tạo hơn 15.000 cán bộ xây dựng sắc tộc và đến tháng 10-1970 đổi thành Trung Tâm Huấn Luyện Cán Bộ Thượng (tương đương với Trung Tâm Huấn Luyện Cán Bộ Vùng Tàu dành cho người Kinh), mỗi năm đào tạo khoảng 270 cán bộ hành chính Thượng cho các xã ấp và đoàn trưởng Xây Dựng Nông Thôn. Từ 1970 đến 1975, hơn 50 cán bộ Thượng ưu tú được gửi đi học các khóa tham sự hành chính tại Học Viện Quốc Gia Hành Chính Sài Gòn.

- Về quân sự, hơn 15.000 binh sĩ Thượng đứng dưới cờ Việt Nam Cộng Hòa, trong đó có 734 sĩ quan (130 sĩ quan được điều chỉnh cấp bậc ngày 1-2-1969) và hơn 3.000 hạ sĩ quan.

- Về xã hội, quân đội và các hội thiện nguyện Hoa Kỳ (CORDS, USAID, USOM, World Relief...) đã xây dựng nhiều cơ sở hạ tầng và tiện nghi vật chất nhằm nâng cao dân trí và mức sống của người Thượng. Không một làng xã nào (đã bình định xong) không có điện nước và hệ thống đường sá đi tới. Tại mỗi trung tâm định cư, người Mỹ đã giúp các trẻ em Thượng học tập nếp sống văn minh mới. Sách giáo khoa bằng 12 chữ ngữ khác nhau, phần lớn do các chuyên viên Hoa Kỳ sáng tạo từ tiếng Bahnar và Rhadé đã có từ trước, được giảng dạy ở bậc tiểu học. Các giáo hội Thiên Chúa Giáo thành lập rất nhiều cơ sở từ thiện để chăm sóc sức khỏe và giúp đỡ người Thượng. Tại Buôn Ma Thuột, Tuyên Đức và Lâm Đồng các mục sư Tin Lành xây dựng nhiều nhà thờ và bệnh xá; tại Pleiku và Kontum, các giáo sĩ Công Giáo mở các lớp học và trại cứu tế giúp dân Thượng. Các tòa án phong tục cũng được thành lập khắp nơi để phân xử những tranh chấp của từng sắc tộc.

Nói chung, giới trẻ Thượng thừa hưởng trực tiếp những cải tổ nhằm nâng cao mức sống vật chất và văn hóa. Tuy vậy, phần lớn thanh niên Thượng, quen với tiện nghi vật chất thành thị, xa rời nếp sống cổ truyền. Nhiều nhà nhân chủng và lãnh đạo tôn giáo Pháp nói tới hiện tượng phi văn hóa (aculture); xấu

miệng hơn, người ta còn nói hiện tượng Việt hóa (?) của người Thượng.

Cùng nên biết là, do yêu cầu của chiến tranh, nhiều buôn làng Thượng buộc phải dời ra khỏi những khu oanh kích tự do (free fire zone) để định cư trong ấp chiến lược dọc các trục lộ giao thông hay cạnh các trung tâm đô thị lớn, nếp sống và lối canh tác cổ truyền đã phần nào bị xáo lãng. Phe cộng sản, mất địa bàn hoạt động, xúi giục dân chúng Thượng trở về chốn cũ. Tây Nguyên còn là nơi diễn ra những trận chiến kinh hồn giữa các phe tranh chấp, hàng trăm ngàn thanh niên Việt Nam và Thượng đã bỏ mình trên các chiến địa và hàng triệu tấn bom đạn đã dội xuống vùng này. Những địa danh như Khe Sanh, A Sao, A Lưới, Chu Prong, Dakto, Plei Me, Toumorong, Buôn Hồ... là những sử tích trong chiến tranh Việt Nam.

Chống đối vẫn tiếp tục

Tại Việt Nam, chính quyền đồng nghĩa với quyền lực và quyền lợi, tranh chấp địa vị thường xuyên xảy ra mỗi khi phân bổ chức vụ. Những lãnh tụ Thượng trong chính quyền, vì chưa quen với sinh hoạt chung với nhau, đều giành tối đa quyền lợi về cho sắc tộc mình. Mặc dù chỉ là một cơ quan tư vấn, sự đề cử người vào Hội Đồng Sắc Tộc gây tranh chấp lớn giữa các lãnh tụ Thượng (ai được chỉ định và ai phải qua bầu cử, tỷ lệ là bao nhiêu?) và làm cản trở sự điều hành của định chế. Vai trò của Bộ Phát Triển Sắc Tộc rất là quan trọng, ngân sách của bộ lớn hơn Bộ Chiêu Hồi và Bộ Lao Động, tranh nhau nắm bộ này là ưu tư chính của những lãnh tụ Bahnar, Djarai và Rhadé. Nhưng chính quyền Sài Gòn chỉ thường ưu đãi những người phục tùng chế độ, ngày 17-6-1971, Nay Luett, một lãnh tụ Djarai, thay Paul Nur trong chức vụ tổng trưởng cho tới tháng 4-1975, cán bộ Rhadé đông hơn chỉ giữ vai trò thứ yếu do đó rất bất mãn. Thêm vào đó, sự có mặt của chuyên viên kỹ thuật gốc Kinh trong bộ càng làm những lãnh tụ Thượng tức tối, vì cho rằng chính quyền muốn kiểm soát hoạt động của bộ, việc điều hành thường bị trì trệ.

Mặt khác, đối với chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, FULRO là phong trào của riêng người Thượng, mọi cố gắng

đều dồn cho người Thượng, do đó, trong Phong Trào Đoàn Kết, đại diện các sắc tộc thiểu số đều có mặt theo tỷ lệ, trừ người Chăm và người Khmer (vì sinh sống ở đồng bằng nên không được công nhận là những sắc tộc quốc gia). Riêng những lãnh tụ Khmer còn bị nghi ngờ có quan hệ với chính quyền Phnom Penh, một chính quyền thân cộng do Siha-nouk đứng đầu. Trong một cuộc bỏ phiếu tại quốc hội ngày 7-10-1969, 98 dân biểu ủng hộ thành lập một qui chế đặc biệt cho người Khmer nhưng bị thủ tướng Trần Thiện Khiêm phủ quyết "vì quyền lợi và an ninh quốc gia". Sự kiện này càng làm cho nhóm Khmer Chăm và Khmer Krom tại Kampuchea thêm bất mãn.

Phong trào FULRO hải ngoại:

Để làm áp lực với nhóm FULRO Thượng về qui chánh tại Việt Nam, cuối tháng 10-1969, Lès Kossem thành lập Ủy Ban Hành Động Lâm Thời Trung Ương, bên cạnh Ủy Ban Chỉ Đạo Tối Cao do ông lãnh đạo và cử hai người Chăm, Hoàng Minh Mộ làm chủ tịch và Huỳnh Ngọc Sảng (Ya Mabrang) phó chủ tịch kiêm ủy viên tổ chức. Nhưng đến cuối năm 1970 Lès Kossem giải tán Ủy Ban Hành Động Lâm Thời Trung Ương vì bất lực và thành lập Ủy Ban Lãnh Đạo FULRO do Y Bun Sor vừa từ Pháp trở về lên làm chủ tịch.

Ngày 18-3-1970, Lès Kossem giúp tướng Lon Nol cùng nhóm Khmer Sray, do Intam và Cheng Heng lãnh đạo, lật đổ Sihanouk. Sau cú đảo chính này, Lès Kossem được Lon Nol giao toàn quyền tổ chức đội quân thiểu số tại Kampuchea gồm 7 tiểu đoàn sắc tộc thiểu số người Chăm, Khmer Krom (người Khmer trên đồng bằng sông Cửu Long) và Phnong (Phnong là người Thượng theo tiếng Khmer), tất cả gom lại thành hai lữ đoàn: Lữ Đoàn 5 Bộ Binh gồm toàn người Chăm do trung tá Chek Ibrahim chỉ huy và Lữ Đoàn 40 Biệt Kích gồm toàn người Thượng do Y Bhan Kpor chỉ huy.

Lès Kossem cử người lên Mondoliri kêu gọi lực lượng FULRO Thượng về hợp tác trong ý đồ tái lập vương quốc Champa và thành lập Cộng Hòa Tây Nguyên. Một số đơn vị FULRO Thượng ly khai, mất nguồn tiếp liệu, phải về hợp

tác với Lès Kossem và được bổ sung vào Lữ Đoàn 40; số còn lại hợp tác với quân Khmer Đỏ, được phe cộng sản Việt Nam trang bị và tiếp tế, chống lại Phnom Penh. Thủ lĩnh FULRO Thượng Y Bham Ênuôl vẫn bị giam lỏng tại Phnom Penh

Việc làm đầu tiên của Lès Kossem trong chức vụ mới là xúi giục các nhóm Khmer Krom và Khmer Chăm tấn công các làng xã và ghe thuyền của người Việt quanh Phnom Penh và dọc lưu vực sông Mékong, làm dấy lên một phong bài Việt trên khắp lãnh thổ Kampuchea tháng 4-1970. Sự sát hại người Việt một cách quá đáng buộc chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đưa quân sang Kampuchea bảo vệ đồng thời phá luôn các căn cứ quân sự của phe cộng sản dọc vùng biên giới, đặc biệt là tại khu Mỏ Vẹt (tỉnh Svay Rieng). Phnom Penh sau đó bị đặt dưới trướng Sài Gòn và phong trào săn đuổi người Việt trên đất Kampuchea cũng chấm dứt.

Trước thế lực áp đảo của lực lượng Khmer Đỏ, cuối năm 1971 Lon Nol phong Lès Kossem hàm thiếu tướng và cử làm tổng trấn Phnom Penh; hai lữ đoàn sắc tộc được triệu về trấn thủ quanh thủ đô. Tại đây, thấy không thể dùng võ lực đánh lại Việt Nam, Lès Kossem thành lập Phái Đoàn Vận Động FULRO Hải Ngoại vận động các quốc gia đầu lửa hồi giáo Ả Rập và Đông Nam Á ủng hộ phong trào FULRO của ông. Mở đầu cuộc vận động, Lès Kossem dẫn 5 sĩ quan tùy tùng đi Saudi Arabia xin viện trợ và viếng thăm La Mecque, sau đó sang Pháp, Mã Lai, Indonesia, Nhật Bản và Thái Lan gặp những vị nguyên thủ quốc gia xin giúp đỡ tài chánh và quân sự. Về lại Phnom Penh, Lès Kossem tập trung 15 lãnh tụ Chăm chia thành ba nhóm đi vận động ngoại giao: nhóm đi các nước Ả Rập, do Primé đại diện, nhóm đi Đông Nam Á do El Ibrahim cầm đầu và nhóm đi Âu Châu do chính Lès Kossem hướng dẫn.

Uy tín của Lès Kossem ngày càng lên cao, ngày 26-10-1972 ông được Lon Nol cử làm đặc sứ đi Indonesia và các nước Đông Nam Á giải thích lập trường của chính phủ Kampuchea. Nhân dịp này, ông vận động với các quốc gia hồi giáo Đông Nam Á giúp người Chăm phục hồi vương quốc Champa. Nhiều

buổi hội thảo về nền văn minh và văn hóa Chiêm Thành, những quan hệ của Chiêm Thành với các quốc gia trong vùng được tổ chức tại các thủ đô Đông Nam Á và Châu Âu, từ 1972 đến 1975, nhằm tố cáo cuộc Nam tiến của người Việt Nam. Nhưng tham vọng của Lès Kossem đã không được toại nguyện, Khmer Đỏ chiếm nhiều tỉnh ở phía bắc (Strung Treng, Kratié, Rattanakiri và Mondolkiri) và tiến dần về thủ đô Phnom Penh. Lon Nol gọi Lès Kossem về bảo vệ thủ đô, hai lữ đoàn sắc tộc đã chống trả dữ dội các cuộc tiến công của quân Khmer Đỏ, cuối cùng thủ đô Phnom Penh cũng bị thất thủ. Ngày 15-4-1975, Les Kossem cùng gia đình và một số thân tín sang Pháp tị nạn.

Phong trào FULRO Dega:

Năm 1970, cuộc chiến tại Việt Nam bước vào giai đoạn thương nghị, người Mỹ muốn rút lui và chuẩn bị Việt Nam hóa chiến tranh, các phe thù địch chuẩn bị cho giai đoạn hậu chiến.

Đối với một số nhân sĩ Thượng, nhất là những lãnh tụ Rhadé, Phong Trào Đoàn Kết (bị giải tán năm 1972) không thực sự tranh đấu cho quyền tự trị của người Thượng trên cao nguyên. Đầu năm 1972, những người này thành lập Ban Bảo Vệ Dân Tộc, chống lại chính sách Thượng vụ của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Cuối năm 1972, Ban Bảo Vệ đổi tên thành Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Người Thượng (Front de Libération des Hauts Plateaux Montagnards-FLHPM), còn gọi là FULRO Dega - do Y Bham Ênuôl (vắng mặt) làm chủ tịch và Kpa Koi phó chủ tịch - tranh đấu đòi quyền tự trị cho người Thượng. Dega theo tiếng Rhadé là những đứa con của rừng núi. Cờ Dega ba màu (xanh lá cây, trắng và đỏ), ở giữa là một đầu voi trong vòng tròn màu vàng. Tổ chức này độc lập với phong trào FULRO ở Kampuchea.

FLHPM đặt tên cao nguyên miền Trung là Cộng Hòa Dega và thành lập một chính phủ lâm thời gồm 11 bộ do các ông Y Bliêng Hmok, Y Chôn Mlô Duôn Du, Kpa Koi, Y Bách Êban, Y Prêh, Y Nguê, v.v... đảm nhiệm. Cộng Hòa Dega được chia thành năm quân khu: quân khu I gồm cao nguyên Kontum, Quảng Ngãi, Bình Định; quân

khu II: cao nguyên Pleiku, Cheo Reo (Phú Bổn cũ) và Phú Yên; quân khu III: cao nguyên Đắc Lắc, Mdrack (Khánh Dương cũ) và Dak Nong (Quảng Đức cũ); quân khu IV: cao nguyên Lang Biang (Tuyên Đức cũ), Brah Yang (Lâm Đồng cũ) và Gung Car (Đồng Xoài cũ); và quân khu V gồm Ninh Thuận và Bình Thuận. Nhóm FULRO Champa được giao cai quản quân khu V.

Sự ra đời của FULRO Dega nằm trong kế hoạch thành lập nhiều lực lượng thứ ba của Mỹ, do tướng John Paul Van khuyến khích, để tranh quyền với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, nhất là với Mặt Trận Tây Nguyên Tự Trị do Y Bih Aleo lãnh đạo, trong chính phủ liên hiệp gồm ba thành phần tại miền Nam Việt Nam, theo tinh thần Hiệp Định Paris 1973.

Để gây thế lực, phong trào Dega bí mật kêu gọi nhân sĩ, sĩ quan và binh sĩ Thượng trở về Tây Nguyên chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới. Đầu năm 1975, lực lượng quân sự FULRO Dega có trên 10.000 tay súng (hơn 2/3 binh sĩ Thượng trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa gia nhập hàng ngũ Dega), bộ chỉ huy và các căn cứ quân sự được thiết lập dọc biên giới Đắc Lắc, Quảng Đức và Mondolkiri.

Tháng 3-1975, quân cộng sản gia tăng áp lực trên cao nguyên. Sau khi làm chủ Buôn Ma Thuột ngày 19-3-1975, đại tá Y Blok Êban (một lãnh tụ trong Mặt Trận Tự Trị Tây Nguyên) được phong làm chủ tịch Ủy Ban Quân Quản và kêu gọi dân Thượng hợp tác.

Những lãnh tụ Thượng tại Sài Gòn, mất liên lạc với các tỉnh cao nguyên, loan báo nhiều tin khó kiểm chứng. Ông Nay Luett, bộ trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc, tố cáo FULRO Dega hợp tác với cộng sản đánh chiếm Buôn Ma Thuột. Trong thực tế, quân Dega chỉ lợi dụng tình trạng hỗn độn trên cao nguyên sau khi quân đội miền Nam rút lui để chiếm một số quận huyện dọc biên giới.

Hay tin Buôn Ma Thuột thất thủ, Nay Luett thành lập Mặt Trận Cứu Nguy Dân Tộc Cao Nguyên nhằm tập hợp tất cả lực lượng Thượng không cộng sản còn lại, kể cả những cựu thành viên FULRO Thượng, tái chiếm Tây Nguyên. Nhưng thời gian đã quá cấp bách để có một hành động cụ thể, những người lãnh đạo Mặt Trận Cứu Nguy

Dân Tộc cùng chạy theo đoàn người vì đại di tản sang Hoa Kỳ, số còn lại trở về cao nguyên sống lẫn trong dân.

Tại Sài Gòn, chiều ngày 30-4-1975 ông Y Chôn Mlô Duôn Du, tổng thư ký Bộ Phát Triển Sắc Tộc, đứng đầu Ủy Ban Cách Mạng Dân Tộc Thiểu Số do ông thành lập để bàn giao Bộ Phát Triển Sắc Tộc cho đại diện Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, rồi trở về Đắc Lắc. Thời kỳ vàng son của người Thượng trong sinh hoạt chính trị tại Việt Nam chấm dứt.

Phong trào cộng sản và người Thượng

Từ sau 1938, cán bộ Việt Minh thành lập nhiều mật khu trên các vùng rừng núi phía Đông dãy Trường Sơn, cạnh các buôn làng Thượng, để chống Pháp. Sự kè cận này buộc những cán bộ Việt Minh phải giao tiếp với cộng đồng người Thượng để được tiếp tế và, qua đó, hiểu biết phong tục, tập quán của người Thượng. Tại Bình Định, cán bộ Việt Minh còn giả làm người Thượng để che mắt quân đội Pháp trong các cuộc bố ráp. Sau 1945, cán bộ Việt Minh chính thức xuất hiện trên cao nguyên và hoạt động ngay trong các thành phố lớn. Với khẩu hiệu "dân tộc Tây Nguyên tự trị", phong trào Việt Minh đã thu phục toàn bộ thành phần ưu tú người Thượng do Pháp đào tạo. Hàng ngàn cán bộ và binh sĩ Thượng gia nhập phong trào Việt Minh và được giao những chức vụ quan trọng tại các địa phương như các ông Nay Phin (đại biểu Cheo Reo), Y Wang (đại biểu Đắc Lắc), Nay Der (đại biểu Kontum, Pleiku kiêm chủ tịch Ủy Ban Sắc Tộc), Y Klam (trưởng Đoàn Thanh Niên Sắc Tộc) và các ông Y Ngô Buôn Ya, Y Thang Niê Kdam, Y John Niê Kdam là những sĩ quan cao cấp... Tiểu đoàn Cứu Quốc Quân Đắc Lắc, do ông Y Bih Aléo chỉ huy, đã tham gia nhiều trận đánh lớn trên cao nguyên.

Sau 1954, khoảng 120.000 cán bộ Việt Minh từ miền Nam ra Bắc tập kết, trong đó có khoảng 6.000 người sắc tộc, đa số là người Rhadé và Djarai. Thanh niên Thượng tập kết được Chu Văn Tấn, chủ tịch Ủy Ban Dân Tộc, cho đi học tại Trường Các Dân Tộc Thiểu Số Phía Nam tại Gia Lâm. Chương trình học tập văn hóa bằng tiếng Việt, trình độ tiểu

học, gồm các bộ môn lịch sử và văn hóa Việt Nam. Các học viên Thượng còn được hướng dẫn sử dụng bản đồ, địa bàn và học tập chính trị (chủ nghĩa Mác Lênin và các khẩu hiệu chống Ngô Đình Diệm). Cuối năm 1959, hơn 4.000 thanh niên Thượng đã tốt nghiệp từ trường này, mỗi khóa 400 người. Trong thời gian học tập, các học sinh được nuôi ăn ở và đưa đi thăm các danh lam thắng cảnh của miền Bắc. Thỉnh thoảng các lãnh tụ đảng cộng sản đến ủy lạo tinh thần học sinh Thượng.

Từ tháng 3-1955 trở đi, những học sinh Thượng ưu tú được gởi vào Trường Sư Phạm Trung Ương để trở thành giáo viên và cán bộ sắc tộc. Thời gian học tập gồm 9 tháng, mỗi khóa đào tạo khoảng 410 cán bộ, trong đó có 120 người Thượng. Nhiều cán bộ Rhadé, Djarai và Sedang ưu tú, sau khi tốt nghiệp được đưa sang Liên Xô và Trung Quốc tu nghiệp trong những trường sắc tộc. Ông Y Ngôn Niê Kdam, "đại biểu quốc hội" năm 1956, được đưa sang Liên Xô học tập chính trị và quân sự.

Trong thời gian này, Hà Nội chuẩn bị kế hoạch đưa cán bộ vào miền Nam vận động tổng tuyển cử, dự trù vào tháng 7-1956 theo qui định của hiệp định Genève. Các đoàn thám hiểm đầu tiên được cán bộ Thượng tập kết hướng dẫn, đi từ Nam Lào vào Tây Nguyên, rồi từ Tây Nguyên xuống Sông Bé tiến vào Tây Ninh. Cuộc tổng tuyển cử đã không xảy ra, tất cả ở lại nằm vùng trong các thôn xóm và vận động dân chúng chống lại chính quyền miền Nam.

Năm 1958, lợi dụng tình trạng xáo trộn trên cao nguyên, cán bộ cộng sản vào các làng Thượng tuyển mộ và đưa từng đợt 50 thanh niên ra Bắc học tập, sau đó đưa về Tây Nguyên hoạt động.

Để đối trọng với phong trào Bajaraka của Y Bham Ênuôl, tháng 10-1960 Hà Nội thành lập Phong Trào Dân Tộc Tự Trị Tây Nguyên, gọi tắt là Phong Trào Tự Trị Tây Nguyên, do các ông Y Bih Aleo, Y Thang Niê Kdam, Y Ngôn Niê Kdam cầm đầu tại Kon Hanung. Phong trào này là một bộ phận của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (thành lập tháng 12-1960), có nhiệm vụ mở đường Trường Sơn (đường mòn hồ Chí Minh) vận chuyển người và vũ khí vào Nam.

Người Hré, Ktu, Bru Vân Kiều và

Tà Ôi trên cao nguyên miền Trung được giúp đỡ tận tình vì nơi sinh trú của họ nằm trên đường mòn Hồ Chí Minh, giữa Khe Sanh và Nam Lào. Người Stiêng và Mnong trên cao nguyên miền Nam càng được chiếu cố vì địa bàn sinh sống của họ (phía Tây Bắc Sài Gòn) là nơi đặt bản doanh của cục R, cơ quan đầu não của phe cộng sản ở miền Nam. Sóc Bombo của người Stiêng đã một thời được thổi phồng như một thành trì chống Mỹ. Khu vực Tam Biên (nơi giáp ranh cũ giữa Kampuchea, miền Nam và miền Trung) gần như là vùng giải phóng. Qui chế tự trị được áp dụng ngay tại Dak Goklam, Ban Täng, Ban Het, Dak Sút, Sa Thầy, Plei Ya... 40% thanh niên trong mỗi làng được huy động xây dựng đường mòn Hồ Chí Minh.

Mặc dù được phong nhiều chức vụ danh dự trong các tổ chức vệ tinh của đảng cộng sản và Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, như phó chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (ông Y Bih Aléo), chủ tịch các ủy ban sắc tộc, sĩ quan quân đội..., vai trò của những lãnh tụ Thượng rất là lu mờ. Họ không được tham gia vào bất cứ quyết định quan trọng nào liên quan tới cuộc chiến. Ban lãnh đạo cộng sản rất sợ người Thượng kết hợp lại với nhau nên đã bằng mọi cách ly gián hay gây chia rẽ các nhóm Thượng với nhau. Mọi liên lạc với các tổ chức Thượng khác, kể cả những tổ chức chống lại chính quyền miền Nam, đều bị ngăn chặn.

FULRO Dega và chính quyền cộng sản

Lợi dụng tình trạng hỗn độn trên cao nguyên giữa tháng 3-1975, dân chúng Chăm và Thượng thu nhặt vũ khí, quân trang và quân dụng, do quân lực Việt Nam Cộng Hòa vứt bỏ trong các cơ quan và dọc các quốc lộ 1, 14, 19, nộp cho lực lượng FULRO Dega. Với số lượng vũ khí và lương thực khô thu nhặt được, bộ tham mưu FULRO Dega, cảm thấy đủ khả năng đối đầu với quân đội cộng sản, ra lệnh cho các đơn vị FULRO chiếm nhiều đồn bót dọc vùng biên giới, một số buôn làng tại Kontum, Pleiku, Đắc Lắc, Quảng Đức, Lâm Đồng và Ninh Thuận. Lực lượng FULRO Dega và FULRO Champa lúc đó có trên 12.000 tay súng và hơn 8.000 du kích.

Tại Phan Rang, giữa tháng 4-1975, Huỳnh Ngọc Sảng (về lại Việt Nam từ đầu năm 1973) cùng Vạn Thanh Bình và Kiều Ngọc Quyên chỉ huy FULRO Champa quân khu V. Lực lượng Chăm, gồm 2.000 tay súng, thành lập những đội du kích bảo vệ thôn ấp. Còn FULRO được treo khắp nơi. Khi bộ đội cộng sản tiến vào, du kích Chăm nổ súng chống lại, nhưng sau vài cuộc chạm súng các đội võ trang Chăm bị đánh bại dễ dàng, nhiều người bị thiệt mạng, một số bị bắt và một số khác trốn lên cao nguyên Di Linh hợp cùng các nhóm Dega tổ chức kháng chiến.

FULRO quân khu I chặn đánh các đường tiếp tế từ đồng bằng lên Kontum. FULRO quân khu II tấn công các buôn làng quanh Pleiku và Cheo Reo, sát hại nhiều cán bộ cộng sản. FULRO quân khu III chiếm các quận Lạc Thiện, Buôn Hồ, Krong Pách... giết và làm bị thương hàng chục cán bộ và bộ đội, phục kích các đoàn xe quân sự và hành khách trên các quốc lộ 14 và 19. FULRO quân khu IV đánh phá các quận Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, Di Linh, chặn xét xe đò trên các quốc lộ 15, 20 và 21. FULRO quân khu V, lôi kéo hàng ngàn thanh niên Chăm và Rơglai vào bung.

Tháng 6-1975, chính quyền cộng sản tung chiến dịch truy quét FULRO trên khắp Tây Nguyên. Nhiều cuộc hành quân qui mô, có chiến xa và trọng pháo yểm trợ, đánh thẳng vào những sào huyệt của FULRO tại Đắc Lắc, Lâm Đồng và Tuyên Đức. Những quận huyện và buôn làng bị chiếm đều lấy lại được, nhiều cán bộ FULRO Dega cao cấp lần lượt bị bộ đội cộng sản Việt Nam bắt (Y Chôn Mlô Duôn Du, Y Bliêng Hmok, Y Nguê, Y Djaio Niê, Nay Guh, Nay Fun, Nay Rong) và bị giam trong các trại cải tạo tại Buôn Ma Thuột và Lâm Đồng.

Hơn 2.000 quân FULRO Dega chạy sang Kampuchea lánh nạn và được Khmer Đỏ tiếp nhận. Lực lượng này do đại tá Y Peng Ayun chỉ huy với ban tham mưu gồm nhiều sĩ quan cao cấp như trung tá Y Hinnie, Y Bhong Rcam, Y Yôn, Kpa Koi, Htлон..., trong đó có cả mục sư Budar Su Kbon. Binh sĩ Dega được giúp đỡ và trang bị thêm để tiến qua Việt Nam đánh chiếm các làng ven biên tại Lâm Đồng, Sông Bé và Đắc

Lắc. Những trận đánh tại vùng biên giới và dọc các quốc lộ trong những năm 1975 và 1976 rất là dữ dội.

Tại Đắc Lắc, cuối tháng 5-1976, một số lãnh tụ Thượng bị giam (Y Djaio Niê, Nay Ful, Nay Rong, Nay Guh cùng nhiều người khác) vượt ngục và ám sát ban lãnh đạo FULRO Dega cũ gồm các ông Kpa Koi, Htлон, Y Bách Eban, Y Dê Buôn Dap, Hmang Mbon... để giành quyền lãnh đạo. Tháng 7-1977, nhóm này thành lập một chính phủ mới, bộ chỉ huy đặt tại Lạc Dương, phía Bắc Đà Lạt. Y Djaio (bí danh thiếu tướng Dampa Kwei) tự phong thủ tướng và cử Ya Duk (người Koho) làm đồng lý văn phòng, Nay Guh bộ trưởng quốc phòng, Nay Rong (trung tá) bộ trưởng ngoại giao, Nay Ful bộ trưởng nội vụ (cả ba là người Djarai)... Tổ chức quân sự vẫn giữ y như cũ gồm năm quân khu, nhưng chỉ quân khu IV, do Paul Yuh (người Bahnar) làm tư lệnh, thực sự còn hoạt động. Vụ đảo chánh này làm nhiều cán bộ FULRO nản chí, một số buôn súng ra đầu hàng, một số khác bỏ về làng làm nương rẫy.

Y Djaio Niê cùng Huỳnh Ngọc Sảng lập nhiều chiến khu từ Đơn Dương (Drang), Tùng Nghĩa (Laba) đến Sông Pha (Krong Pha) và phối hợp với thiếu tá Phong (tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 302 Tuyên Đức cũ) tấn công các đồn bót và sự di chuyển của bộ đội cộng sản trên cao nguyên Lâm Đồng. Từ 1977 đến 1978, lực lượng du kích này - do Krajang Hput, người Koho, chỉ huy - đã tổ chức nhiều cuộc đột kích, đốt phá nhiều trụ sở ủy ban nhân dân xã, huyện bắn pháo vào các đồn bót, phục kích và bắt giữ những đoàn địa chất và lâm nghiệp, khủng bố những người làm nghề khai thác cây rừng, chặn xét xe đò, bắt cóc và ám sát cán bộ thu mua lương thực trong các xã ấp quanh thị xã Đà Lạt, các quận Đơn Dương và Lạc Dương.

Nhưng tranh chấp quyền lực giữa các lãnh tụ FULRO với nhau làm phong trào FULRO yếu hẳn đi. Y Djaio Niê bị giết ngày 12-10-1978 tại Đức Trọng, Y Ghok Niê Krieng lên làm thủ tướng ngày 22-1-1979, Ya Duk làm phó thủ tướng thứ nhất đặc trách nội trị và ngoại giao kiêm phó chủ tịch thứ nhất FULRO Dega, Paul Yuh là phó thủ tướng thứ hai đặc trách an ninh và quốc phòng; ban

lãnh đạo phong trào đặt tại Đầm Ròn (Lâm Đồng).

Tổng kết từ 1975 đến 1979, khoảng 8.000 binh sĩ Dega bị loại khỏi vòng chiến, phần lớn bị chết dưới những trận tập kích của pháo binh và thiết giáp, số còn lại chết vì thiếu thuốc men và bệnh tật. Nhiều người chịu không nổi cảnh thiếu thốn trong rừng sâu đã ra đầu thú và đi ở tù. Sau 1980, phong trào kháng chiến Thượng, thiếu sự hỗ trợ của dân chúng, yếu dần theo thời gian, những ổ kháng cự cuối cùng lần lượt bị tháo gờ và đến cuối năm 1982 thì phong trào FULRO trên Tây Nguyên gần như tan rã, một số bị bắt, số còn lại ra đầu hàng.

Tại Kampuchea, hơn một ngàn người Thượng đã chạy qua Thái Lan tị nạn khi bộ đội cộng sản Việt Nam tiến vào Mondolkiri cuối năm 1979, hơn 200 binh sĩ Dega sau đó được sang Hoa Kỳ tị nạn và 800 người Stiêng được Pháp nhận vào Guyane (Trung Mỹ) năm 1986. Lực lượng Dega còn lại phân tán thành nhiều toán nhỏ sống lẫn vào dân chúng trong các buôn làng xa xôi.

Năm 1980, khoảng 1.500 FULRO Dega về lại Việt Nam hoạt động. Các toán du kích Thượng đột nhập vào các tỉnh Pleiku, Kontum, Đà Lạt và Đắc Lắc khủng bố, ám sát cán bộ xã ấp rồi rút về Kampuchea. Năm 1981, quân FULRO đặt mìn phá trạm biến điện tại Gia Lai Kontum, phục kích những toán công an tại Lâm Đồng, chặn xét xe đò, kêu gọi dân Thượng chống lại Việt Nam và bắt theo nhiều thanh niên Thượng từ 15 tuổi trở lên vào bưng kháng chiến. Sự phản công của bộ đội cộng sản Việt Nam cũng rất dữ dội: năm 1984 có 358 FULRO Dega bị giết, 1.734 bị bắt, 600 vũ khí bị tịch thu. Từ 1985 đến 1990, bộ đội cộng sản Việt Nam tổ chức 63 cuộc hành quân trên Tây Nguyên, hạ sát 102 quân FULRO, bắt sống 167 người khác và vô hiệu hóa hơn 10.000 dân Thượng trong những buôn làng xa xôi, tất cả được dời về gần nơi thị tứ hay cạnh các trục lộ giao thông để dễ canh chừng.

Chính quyền Khmer thân Việt Nam, trong những năm 1981-1983, cũng tổ chức nhiều cuộc hành quân tấn công vào sào huyệt của lực lượng Khmer Đỏ và FULRO Dega tại Mondolkiri nhưng bị thiệt hại nặng phải lùi về đồng bằng. Phải chờ đến năm 1986, với sự trợ lực

của bộ đội Việt Nam, đại bản doanh FULRO Thượng tại Mondolkiri mới bị phá hủy, tàn quân FULRO tản mác khắp nơi. Tháng 9-1991, lực lượng UNTAC (United Nations Transitional Authority in Cambodia) của Liên Hiệp Quốc bắt gặp hơn 400 FULRO Thượng với 175 súng cá nhân sống lầy lắt trong rừng, tất cả được đưa sang Hoa Kỳ tị nạn năm 1992. Tháng 5-1998, một nhóm sáu người (gồm ba đàn ông, một đàn và hai trẻ em, trang bị bằng cung nỏ) thuộc lực lượng FULRO cuối cùng còn lẩn trốn bị bắt tại Đắc Lắc, phong trào FULRO tại Việt Nam và Kampuchea coi như chấm dứt.

Tuy vậy, tại hải ngoại, phong trào FULRO vẫn còn hoạt động. Y Bhan Kpor, thoát sang Thái Lan và được tị nạn tại Hoa Kỳ, tiếp tục lãnh đạo phong trào Dega tại hải ngoại. Y Jut Buôn Tô, cựu đốc sự hành chánh, và Kok Ksor là những người đại diện phong trào trong việc ký kết hay hợp tác với các tổ chức khác. Hiện nay có trên ba ngàn người Thượng tại Hoa Kỳ, đa số sinh sống tại hai tiểu bang North và South Carolina trong bốn thành phố: Spartanburg, Raleigh, Greenboro.

Người Thượng dưới chế độ cộng sản

Phong Trào Tự Trị Tây Nguyên của Y Bih Aléo chết theo Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam năm 1976, những hứa hẹn trong thời chiến tranh về quyền tự trị của người Thượng không còn được nhắc đến, thay vào đó là "chính sách dân tộc". "Dân tộc" ở đây phải hiểu là sắc tộc thiểu số và "chính sách dân tộc" là chính sách phòng vệ biên giới, thuộc lãnh vực quốc phòng, chứ không phải để nâng cao đời sống người thiểu số.

Việt Nam có trên ba ngàn cây số biên giới đường bộ, một khu vực đang còn tranh chấp với các lân bang và là nơi sinh trú của các sắc tộc thiểu số. Địa bàn cư ngụ của người Thượng trên Tây Nguyên có vị thế chiến lược quan trọng, đó là yết hầu của ba nước Đông Dương, làm chủ Tây Nguyên là làm chủ Việt Nam, Lào và Kampuchea. Tây Nguyên chính vì vậy là một khu quân sự, do đảng cộng sản trực tiếp quản lý qua trung gian các chính quyền địa phương, mặt trận tổ quốc, quân đội và công an

biên phòng quản lý. Một số làng-biên-giới được thành lập dọc biên giới Kampuchea và Lào, các làng Thượng ven biên được dời vào sâu trong nội địa.

Tùy theo mức độ phục tùng của từng nhóm Thượng mà sự kiểm soát của chính quyền tăng hay giảm. Những lãnh tụ thời chiến như Y Bih Aléo, Y Dhon Niê Kdam, Nay Der, Nay Phin... đều đã già hay đã chết, những cán bộ và đại biểu Thượng đang còn trong đảng hay tại quốc hội và các chính quyền địa phương không có thực quyền, thành phần cán bộ trẻ không được tin cậy, mọi chức vụ quan trọng đều do người Kinh nắm giữ.

Nơi cư trú của người Rhadé, Djarai, Bahnar và Stiêng bị canh chừng nghiêm ngặt, mọi ngõ ra vào Tây Nguyên đều bị kiểm soát. Đoạn đường từ Sài Gòn lên Đà Lạt có hơn 20 trạm kiểm soát. Đoạn đường từ Nha Trang lên Buôn Ma Thuột có trên 15 trạm kiểm soát. Đoạn đường liên tỉnh từ Pleiku đến Kontum cũng có hơn 10 trạm. Du kích địa phương theo dõi gắt gao quan hệ của từng người trong làng, nhất là quan hệ với các tu sĩ và người ngoại quốc.

Phần lớn người Thượng ngày nay đã định cư và định canh, chỉ còn khoảng 300.000 người vẫn còn duy trì nếp sống du canh du cư. Từ sau 1976, đất công xã của các buôn làng đều bị tập thể hóa, các định chế mẫu hệ (nhà rông, nhà tập thể) bị giải tán. Các tòa án nhân dân thay thế các tòa án phong tục, đạo Tin Lành bị cấm rao giảng. Cán bộ đảng và nhà nước lấn át vai trò của các già làng, thanh thiếu niên Thượng tại những nơi đông dân bị đoàn thể hóa. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính giảng dạy trong các trường học, tiếng mẹ đẻ cho trẻ em ở bậc tiểu học bị cấm. Tỷ lệ thất học trên Tây Nguyên cao nhất nước, 60% trẻ em Thượng không đi đến trường vì thiếu ăn và nghèo khó. Số học sinh tốt nghiệp trung học, rất ít, thường không tìm được việc làm phải trở về buôn làng canh tác nông nghiệp. Bệnh tật nhiệt đới (cùi, lao, kiết lỵ, sốt rét rừng...) là tác nhân gây tử vong cao trong cộng đồng người Thượng, nhất là trẻ em. Mọi trợ giúp nhân đạo bất cứ từ nguồn gốc nào đều bị thanh lọc gắt gao.

Tây Nguyên có từ 1,5 đến 1,8 triệu hecta đất trồng trọt được nhưng hiện nay

chỉ khai thác trên 400.000 mẫu. Từ 1976 đến nay, chính quyền cộng sản đã đưa hơn ba triệu người từ các tỉnh đồng bằng sông Hồng và hơn 70.000 người thiểu số từ các tỉnh thượng du miền Bắc lên Tây Nguyên khai thác số đất đai còn lại. Người Thượng trở thành thiểu số trên chính quê hương của họ: 1,6 triệu (30%) trên tổng dân số 5,4 triệu người. Theo luật sử dụng đất đai ban hành năm 1999, diện tích canh tác của người Thượng bị thu hẹp lại, mỗi hộ dân chỉ được thuê tối đa ba mẫu. Cùng nên biết trong mỗi nhà sàn (là một hộ) nhiều gia đình sống chung với nhau theo chế độ sở hữu tập thể. Luật sử dụng đất đai mới này phá vỡ nếp sống cổ truyền của người Thượng, vì mỗi nhà sàn phải phân tán thành từng hộ nhỏ để thuê thêm đất canh tác, nếu không sẽ bị đói. Đó là chưa kể nạn lợi dụng sự thật thà của người Thượng bởi những di dân bất hảo để chiếm đoạt những khu đất tốt dọc các con suối và các trục lộ giao thông. Tại một số nơi, do thiếu văn hóa, những di dân còn đối xử với người Thượng như những nô lệ.

Sự có mặt ồ ạt của di dân từ đồng bằng lên làm xáo trộn toàn bộ sinh thái trên Tây Nguyên. Do đời sống nghèo khó và không được chính quyền giúp đỡ, sự hủy hoại môi trường sinh sống của những di dân mới này rất là báo động. Hơn hai triệu hecta đất rừng trên các vùng đồi núi biến thành đồi trọc, gây hạn hán mùa khô và lũ lụt mùa mưa. Diện tích rừng từ 3,3 triệu hecta năm 1976 giảm xuống còn 2,5 triệu năm 1984 và ngày nay chưa tới một triệu. Đó là chưa kể nạn khai thác gỗ rừng bừa bãi của các công ty quân đội và công an biên phòng tại các vùng biên giới để xuất khẩu. Thêm vào đó là nạn đào tìm kim loại và đá quý bằng hóa chất gây ô nhiễm môi sinh, nhiều loại thú quý như cọp, khỉ, công và rắn lục bị tuyệt chủng.

Tương lai của cộng đồng người Thượng rất là bấp bênh, vấn đề hội nhập người Thượng vẫn còn nguyên vẹn. Dân tộc Việt Nam đã trả những giá rất đắt cho hận thù và chia rẽ, chúng ta phải thức tỉnh và nhìn ra những vết xe đổ. Xây dựng đồng thuận dân tộc phải là ưu tư hàng đầu của những người muốn lãnh đạo Việt Nam tương lai.

Nguyễn Văn Huy

Giới thiệu sách mới :

Tìm lại dĩ vãng

Đặng Văn châu

Tên sách "Tìm Lại Dĩ Vãng" nhắc đến tập hồi ký "À La Recherche Du Temps Perdu" nổi tiếng trong làng văn chương thế giới của nhà văn hào Pháp bất hủ Marcel Proust.

Hai tác phẩm giống nhau qua cái tên và một vài điểm nữa, như là nhắc lại kỷ niệm thời thơ ấu, hình ảnh một vài người thân, nhưng ngoài ra, một bên đi sâu vào nội tâm con người và một bên sống với thời cuộc Việt Nam trong bốn mươi, năm mươi năm qua.

Nguyễn Dương Tịnh tả cuộc đời của ông, từ lúc mới sinh ra đời (1934) còn bú mẹ, đến tuổi nỏ đùa trong làng xóm (Lạc Quần, Hành Thiện) trong bầu không khí êm đềm của thôn quê Việt nam trước thời loạn, bước qua cuộc kháng chiến, cảnh tiêu thổ, gia đình tản cư, nay đây mai đó, rồi "dinh tề", di cư vào Nam, sinh viên trường Thuốc, nhập vào Quân Y, tham gia chiến trường từ Chiến Khu Đ đến miền Hậu Giang cho đến khi miền Nam thua trận, ông phải đi "học tập cải tạo" trong rừng sâu dưới chân dãy núi Trường Sơn.

Quyển sách "Tìm Lại Dĩ Vãng" khiến những ai từng sống những năm loạn trên đất nước có thể tìm lại trong số đó những kỷ niệm vui buồn, hương vị quê hương, những giờ phút hiếm nghèo, những cảm giác tủi nhục, căm hờn của chính bản thân mình và của phần đông đồng bào miền Nam.

Thiệt ra sách Hồi Ký đạo này được viết và in ra nhiều, vì ai chẳng muốn rót bầu tâm sự? Nhưng vấn đề là phải có khiếu viết văn, có mắt quan sát, một trí nhớ bền bỉ và chính xác, một kho chữ phong phú và, thêm vào đó, một cái nhìn chằm biếm vào nội tâm mình để tránh sự phô trương "cái tôi đáng ghét". Quyển sách của Nguyễn Dương Tịnh hội các điểm trên, nhờ vậy dễ đọc. Có nhiều đoạn văn thiệt là xuất sắc mặc dầu, theo ý tôi, nó có lúc đi xa đề và lạc vào môi trường chính trị, một môi trường đầy cạm bẫy, dễ gây sự tranh luận.

Cảnh thôn quê Việt Nam được gợi ra qua những hình ảnh thiệt là êm đềm,

như "con đường vào làng, cái giồng đến ngô, dây nhà năm căn, ao nuôi cá, cây sung cội, trường làng dòn ba lớp Đồng Ấu, Dụ Bị, Sơ Đẳng" làm một..." sao mà tác giả nhớ rõ như ban ngày, những việc xưa mà như là chuyện mới xảy ra hôm qua vậy? Nhớ đã dai, mà chữ cùng nhiều với những tiếng quê mùa dân dã "tắm áo hươ, đôi vú mộng sữa, cái ngư trên mù dạ (mù lính thủy mà ngày xưa trẻ con ưa điện), quần chúc bầu, v.v...". Cứ như vậy, tôi có thể kể dài dài, như là "cái đàn, cái sàng" (để sàng gạo) và "cái mẹt, cái nia, cái nê", những đồ nghề nuôi tằm. Những trang viết về nghề này thật là bất hủ (quyển thượng, trang 106 và kế tiếp): "Từ hai con ngài, con đục con cái dính vào nhau, yêu nhau đến chết" rồi để trứng biến thành tằm, cảnh tằm ăn lên, đến ngày "tằm chín, trong một đêm đổi màu, từ xanh lạt qua đỏ hồng, đỏ au, giống một kiếp tu hành đã đầy quả phúc, trả nợ cho người, bằng cách nhả tơ óng ánh rung rinh trên cọng rơm dưới nắng vàng". Câu văn nhẹ nhàng, con mắt nhìn rõ chi tiết sự biến hóa của thiên nhiên, làm người ta nghĩ đến nhà văn bác học ngành sinh vật Jean Rostand.

Tả cảnh, rồi đến tả người. Bằng một vài nét, tác giả làm sống mấy cô gái Hành Thiện vào ngày chợ phiên "cặp giò thoăn thoắt dẻo dai, đôi tay vung vẩy đều đặn như mái chèo, miệng bồm bồm quét trầu đỏ loét", những câu văn xuôi nhưng có âm điệu như văn vần.

Rồi đây cảnh bến Ninh Kiều ở Cần Thơ: "Cái chợ ban ngày, đêm đến thành quán ăn nhậu ngon tuyệt vời...", "nào là mì vịt, bò kho, cá hấp, lươn um, bò nướng vỉ, sò huyết nướng". Chỉ cần đọc không đã thấy buồn rỏ dãi. Lại thêm "các chị em ta lúc nào cũng có mặt sẵn sàng cho cơm no bò cưỡi". Văn hay là văn giản dị, biết xen kẽ những câu tục ngữ thông thường, lâu lâu, lấy Kiều ít văn thơ vàng ngọc.

Nhưng, Việt Nam trong những năm qua chẳng phải chỉ có những cảnh ăn chơi, những nơi thơ mộng, nó còn là

"rừng núi nguy nan", là máu xương bom đạn, là những cảnh ngộ hùng tráng hay khốn cùng, mà tác giả là bác sĩ Quân Y từng sống.

Chiến Khu Đ, cách Sài Gòn chỉ 50 cây số, với những tên như Bến Cát, Bình Long, Phước Long, là những trận địa khốc liệt, nơi đây đã hy sinh bao nhiêu mạng sống thanh niên Việt Nam. Hãy xin đọc trang 148 quyển hạ và kế tiếp để san sẻ với tác giả và đồng đội nỗi lo sợ trong cảnh cốt nhục tương tàn: "Khi băng qua rừng rậm (không dám đi đường mòn vì sợ mìn) vừa khấp khểnh vừa đẩy cây cối và gai góc chằng chịt. Ròng rã mấy ngày liền, đoàn quân đi như vào chỗ không người... Bốn giờ sáng đã có lệnh lên đường. Tôi nuốt vội vài hóp nước và vừa đi vừa nhai mẩu bánh mì khô. Nhưng chưa được một quãng đường ngắn thì bỗng nghe phía trước vang lên từng tràng súng đại liên và trung liên nổ dồn. Tiểu đội dẫn đầu đã bị lọt vào ổ phục kích rồi! Ngay phút đầu tiên, toán Quân Y đã khiêng về những thân hình nhầy nhựa máu, vừa chết vừa bị thương...".

Xáp gần cái chết như vậy, chỉ cần một viên đạn vô danh, một trái mìn chôn giấu là thấy người đồng đội mình bỏ mạng một cách oan uổng. Sống sót qua những cảnh hiểm nghèo như vậy, tác giả cũng như bao nhiêu người khác phải nguyện rửa con người "đại vô nhân và cực kỳ gian hùng" đã dấy lên cuộc Nam Bắc Phân Tranh, chỉ vì giấc mơ điên cuồng của y, cái "Thế Giới Đại Đồng". Hẳn đã mượn có giành độc lập, đánh lừa dân lành, giống như câu của Hà Sĩ Phu đã viết: "Xã Hội Chủ Nghĩa là ký sinh trùng của lòng yêu nước".

Bình luận sách, tôi sẽ tránh không lạc vào lãnh vực chính trị, nhưng tôi thiết nghĩ rằng tác giả đã tỏ ra quá nghiêm khắc với ông Ngô Đình Diệm, một người đã dám chết tại chỗ, giữ vị trí đến cùng, không thềm sử dụng phương tiện máy bay của người Mỹ chờ sẵn đưa ông xuất xứ. Một thái độ yêu nước, tự trọng, khác với những người lãnh đạo kia mà tác giả để ngang hàng với ông Ngô Đình Diệm, thấy nguy ngập đã gói sẵn vàng bạc lạng lẹ "chuồn đi", bỏ lại đằng sau dân quân ngơ ngác!

Trong kỷ niệm buồn cùng vẫn điểm vài nét vui, như cảnh tù trong rừng:

THỜI SỰ... TIN TỨC...

"Râu không cạo, tóc biếng chải, quần áo tả tơi, anh em tôi đứa nào đều có vẻ tiên phong đạo cốt giữa cảnh rừng núi âm u...". "Khu rừng này cho tôi một kỷ niệm đẹp. Mỗi lần xong việc trở về trại, tôi đeo thêm một cụm lan rừng. Mấy tháng trôi qua, vườn lan sau vách núi đã đếm được vài chục gốc đủ loại. Mỗi buổi chiều về, tắm giặt cơm nước xong, các "tiên ông" lại rủ nhau bày cuộc cờ, dưới giàn phong lan, hương nhẹ thoảng bên chén chè xanh ngát vị núi rừng" (trang 266, quyển hạ). Trong sự cùng cực vẫn yêu đời, thiết là đáng phục.

Một quyển sách dày bao gồm một giai đoạn lịch sử Việt Nam dài, có nhiều biến cố xảy ra, không tránh được một vài bối cảnh ngoại đề, mà tôi nghĩ là không cần thiết như sự tích Lưu Nguyễn lạc vào Động Thiên Thai, chuyện ma lừa cá vào vó của ông lão bên sông. Cũng như có một vài nhận xét có thể hơi vội vàng, ngòi bút đi quá ý nghĩ của tác giả như là câu: "Người Pháp rút đi với sự quyến luyến của mọi người" hay "Kinh tế Việt Nam (hồi đó) vô cùng mạnh, một đồng bạc ăn bảy đồng quan Pháp" (đúng là mười bảy, một hối suất giả tạo được đặt ra để Ngân Hàng Đông Dương chuyển vốn về Pháp), một vài thí dụ như vậy mà tôi muốn đề nghị tác giả, khi in lần sau, sẽ xét lại và sửa nếu cần.

Nhìn lại đi vắng rồi quay về tương lai, tác giả đã đi một vài lời kết luận thực tiễn và đơn giản về tương lai con cháu chúng ta: "Quê hương của chúng sẽ là hành tinh mang tên "trái đất", ... cả trái đất và bầu trời là của chúng nó, cũng như của tất cả mọi người". Một cách diễn tả rất văn hoa hiện tượng "toàn cầu hóa" của nhân loại mà có con cháu chúng ta trong đó.

Đặng Văn châu

Sách "Tìm Lại Di Vãng", dày 600 trang, bìa cứng, trình bày trang nhã, gồm hai tập (quyển thượng và quyển hạ), giá 120 Francs (đã kể cước phí).
Đặt mua :

- Ông Nguyễn Dương Tịnh, 59 rue d'Ascq, Bat C, Esc 5, 95100 Argenteuil, France. Ngân phiếu xin đề: Mr NGUYEN.

- Ông Đặng Vũ Nhuế, 70 rue du Javelot, 75013 Paris, France. Ngân phiếu xin đề Mr DANG.

Vụ án Trịnh Vĩnh Bình :

bộ mặt thật của chính sách cởi mở kinh tế tại Việt Nam

Để thoát khỏi tình trạng nghèo đói, lạc hậu, nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam đã miễn cưỡng cho thi hành chính sách cởi mở kinh tế, kêu gọi sự đầu tư của các doanh nhân ngoại quốc kể cả Việt kiều.

Nhưng thực chất của việc thi hành chính sách cởi mở kinh tế như thế nào?

Để tìm câu trả lời chúng ta hãy xem xét một trường hợp cụ thể, điển hình: Đó là vụ án Trịnh Vĩnh Bình, Hòa Lan.

Trịnh Vĩnh Bình sinh năm 1947 tại Sóc Trăng, định cư tại Hòa Lan từ năm 1977, mang quốc tịch Hòa Lan. Năm 1990 hưởng ứng chính sách đầu tư của nhà cầm quyền Việt Nam và được sự vận động của phái đoàn đại sứ quán Việt Nam tại Paris, ông đã thu toàn bộ vốn liếng sau nhiều năm lao động cật lực, cộng thêm vay mượn của bạn bè, đem về Việt Nam tổng cộng trên 2.2238.250 USD và 96 kg vàng. Toàn bộ số tiền này đã được đầu tư từ năm 1990 đến 1996, thông qua thân nhân trong nước.

Ông Bình đã thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn Tín Thành tại thành phố Sài Gòn và công ty cổ phần Bình Châu, mua một số nhà đất tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thành phố Sài Gòn để phục vụ cho việc đầu tư sản xuất của mình.

Ông Bình đã sử dụng một số vốn khá lớn để trồng rừng, nghiên cứu thí nghiệm nuôi tôm với gần hai trăm mẫu ở Bà Rịa - Vũng Tàu và ở Côn Đảo: tạo công ăn việc làm cho trên 300 công nhân; xây dựng cơ sở chế biến hải sản xuất khẩu với sản lượng chiếm 35% tổng sản lượng đánh bắt của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; xây dựng khách sạn 10 tầng tại thành phố Sài Gòn.

Ngoài ra ông còn nhiều dự án đầu tư khác, cụ thể như:

- Trồng cây ăn quả, hoa màu, trồng thông caribê, tre vàng xuất cảng.

- Tiến hành thực hiện dự án phát triển nuôi trồng Artemia cho tôm, cua đẻ với trên 200 mẫu, được sự hợp tác khoa học của viện đại học Cần thơ và viện đại học Gent ở Bỉ, dưới sự tài trợ của chính phủ Bỉ.

- Đã và đang triển khai dự án nuôi ngọc

traoi quy mô lớn tại Côn đảo với sự hợp tác của các đối tác nước ngoài.

- Chuẩn bị các dự án xây dựng nhà ở, khu du lịch.

Trước khi trở thành doanh nhân, ông Trịnh Vĩnh Bình đã là cán sự xã hội từ năm 1977 đến năm 1990. Cái bản chất xã hội trong con người kinh doanh Trịnh Vĩnh Bình vẫn còn. Do đó, mặc dù công việc kinh doanh rất bận rộn, ông vẫn không quên các mục tiêu xã hội:

- Ông đã đóng góp 400 triệu đồng Việt Nam cho việc xây dựng trường học tại huyện Long đất.

- Cho Trung Tâm Khuyến Nông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vay không lãi 500 triệu đồng Việt Nam để giúp nông dân trồng trọt (Hưởng ứng chính sách xóa đói giảm nghèo).

Sự thành công về mặt kinh doanh, cộng thêm các công tác từ thiện đã nâng cao vị thế xã hội của ông Bình. Đó là cái gai trong mắt của đảng cộng sản và cán bộ công an địa phương. Cái họa đã hiện diện từ đây.

Khi phát hiện giám đốc công ty đã dùng thủ đoạn ăn chặn, nâng cao giá mua để kiếm tiền bỏ túi riêng, ông Bình đã cho vị giám đốc này nghỉ việc. Phản ứng lại việc này, ông cựu giám đốc đã tố giác ông Bình với Cơ Quan An Ninh Điều Tra về các tội: kinh doanh bất động sản trái phép, trốn thuế, chỉ đạo đưa hối lộ. Đây là cơ hội bằng vàng để đảng cộng sản và các cán bộ công an địa phương có sẵn máu đổ ky, ty hiềm, thù nghịch với ông Trịnh Vĩnh Bình ra tay triệt hạ ông và moi móc tài sản của công ty.

Ngày 05-12-1996 ông Bình bị cơ quan An Ninh Điều Tra PA 24 bắt giam. Đến ngày 25-06-1998 thì việc giam giữ này được thay đổi bằng biện pháp quản thúc tại số 16 B Võ Thị Sáu, Phường 2, thành phố Vũng Tàu. (Cũng là giam, nhưng giam tại nhà, ngày đêm có người canh giữ, theo dõi, đi bệnh viện cũng phải xin phép và luôn luôn gặp khó khăn). Toàn bộ tài sản của ông Bình ở Việt Nam đều bị kiểm kê. Điện thoại và fax của công ty Bình Châu thường xuyên bị kiểm soát.

Việc bắt giam và quản thúc người một cách vô cớ này được hợp pháp hóa bằng

THỜI SỰ...TỘI TỨC...THỜI SỰ...

một phiên tòa được trình diễn ngày 7-12-1998 do công an Bà Rịa - Vũng tàu và vây cánh dàn dựng dưới sự chỉ đạo của đảng cộng sản và sau đó là một phiên tòa trên ngày 04 và 05-05-1999, được gọi là phúc thẩm.

Ngày 20-09-1999 tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu lại ra lệnh tống giam ông Bình. Đã từng nếm trải những gian truân, đói khát, khủng bố tâm lý trong nhà tù Cộng sản Việt nam, đã biết ở đó có những nguy cơ đang rình rập nên ông Bình đã không thi hành án lệnh và đã đào tẩu cho đến nay.

Ngày 12-06-2000 Phòng Thi Hành án tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu lại ra Quyết Định Cường Chế Thi Hành Án để kiểm kê kho, nhà xưởng, văn phòng chánh của công ty Bình Châu. Án lệnh này được thi hành hồi 8 giờ ngày 22-06-2000.

Ông bình đã bị kết án về hai tội:

- Tội vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ đất đai (Điều 180 Bộ Luật Hình Sự)
- Tội đưa hối lộ và nhận hối lộ (Điều 226, 226 Bộ Luật Hình Sự)

Về tội vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ đất đai:

Án sơ thẩm cũng như phúc thẩm chỉ nói chung chung rằng ông Bình đầu tư chui, thông qua thân nhân trong nước là trái phép. Trái phép tức là vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ đất đai. Tuy nhiên, luật pháp Việt nam không cấm việc nhờ người khác đứng tên. Cũng không có một điều khoản nào của Bộ Luật Hình Sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam quy định những hành vi này là phạm tội cả. Ngay cả xử phạt hành chính cũng không có một điều khoản xử phạt nào về việc này. Trong khi đó, Nghị định 767-TTg ngày 17-09-1997 đã cho phép hợp pháp hóa những hoạt động đầu tư dưới danh nghĩa người Việt Nam ở trong nước. Do đó, không thể xử tội ông Bình vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ đất đai. Tuy nhiên Tòa Sơ thẩm đã xử ông Bình 5 năm tù. Tòa Phúc thẩm cũng giữ quan điểm là ông Bình có tội nhưng đã hạ án tù từ 5 năm thành 3 năm tù.

Về tội đưa hối lộ và nhận hối lộ:

Hối lộ là một tội phạm về chức vụ. Người

nhận hối lộ phải là người có chức vụ quyền hạn, đã lợi dụng chức vụ quyền hạn đó nhận tiền hoặc lợi ích vật chất để làm hoặc không làm một việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ. Trong vụ án hối lộ phải có tối thiểu một chủ thể đưa hối lộ và một khách thể có chức vụ quyền hạn nhận hối lộ. Vụ án này đã không trưng ra được ai là người có chức vụ quyền hạn nhận hối lộ cả. Vậy mà bản án Phúc Thẩm đã kết án ông Bình 8 năm tù về tội đưa hối lộ.

Tóm lại, tổng hợp hình phạt của hai tội, Tòa Phúc Thẩm đã kêu án ông Bình 11 năm, tịch thu toàn bộ đất đai, buộc ông Bình phải nộp 480 lượng vàng, 1.005.000 USD và 6,2 tỉ đồng Việt Nam... Thật là một bản án nặng nề, khuất tất.

Toàn bộ vụ án tùy thuộc vào hồ sơ vụ án. Mà hồ sơ vụ án được thành lập do Trưởng phòng an ninh điều tra Bà Rịa - Vũng tàu, Trung tá Ngô Chí Đan dưới sự chỉ đạo của bí thư tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu Lê Văn Dỹ và giám đốc công an Châu Văn Mẫn. Ngô Chí Đan vốn kỳ thị Việt kiều và người trí thức, lai có ác cảm với ông Bình. Trong quá khứ ông Bình đã vô tình đụng chạm đến anh vợ của Ngô Chí Đan. Ở Bà Rịa - Vũng tàu ai nghe đến đại danh của ba anh em Đan đều phải khiếp vía. Anh vợ Đan, Đan và em vợ Đan hợp thành một bộ ba quyền lực. Không phải ngẫu nhiên mà bộ ba này thành hình. Bộ ba này thành hình do nhu cầu tình thế đòi hỏi: Anh vợ Đan có thể quen biết với trung ương, Đan có tư cách pháp lý, em vợ Đan là trùm xã hội đen. Do đó, quyền lực của bộ ba này bao trùm từ trung ương đến Bà Rịa - Vũng tàu và cả xã hội đen. Ông Bình đã dạn dặt đụng chạm vào bộ ba quyền lực này và đã sa cơ. Hiện giờ không còn ai có thể cứu được ông Bình.

Đây không phải là vụ án Việt kiều duy nhất và ông Bình cũng không phải là nạn nhân duy nhất của trung tá Ngô Chí Đan. Nhưng đây là cái gương trước mắt cho những ai đang và sẽ kinh doanh ở Việt Nam.

Ngoài ra vụ án Trịnh Vinh Bình lại khẳng định thêm một lần nữa là không thể kinh doanh được ở Việt nam nếu ở đó còn chưa có dân chủ tự do thực sự.

Quạt mồ tiền nhân

Theo tin từ báo Tuổi Trẻ ngày 12/3/2000 trang 37, thời gian gần đây có nhiều ngôi mộ cổ từ thời Lê-Nguyễn bị khai quật để nghiên cứu. Các thế gia vọng tộc thời Lê thường được chôn chung với các đồ trân quý như vàng ngọc, trầm cau, trầm hương, quế chi, cam thảo, dầu thông, vò cây, lưu huỳnh, thạch tín v.v.. Các chất liệu này có tính sát trùng cao nên xác chết được giữ nguyên vẹn, thối thà còn mềm mại. Sau khi khai quật, các xác chết được chuyên viên từ đại học y được Sài Gòn và Hà Nội mang ra tắm rửa, chích thêm 5 lít phọc-môn để nghiên cứu và triển lãm.

Các nhân vật lịch sử sau đây mộ phần đã bị xúc phạm gồm có: vua Lê Dụ Tông, bà chúa Thanh Hóa con gái chúa Trịnh, bà Phạm Thị Nguyễn Chân phu nhân của tướng Đặng Đình thời Lê (Thanh Hóa), bà mẹ vợ vua Thái Đức Nguyễn Nhạc nhà Tây Sơn (Phù Cát, Bình Định). Trong Gia Định, thi thể Bà Nguyễn Thị Hiệu, pháp danh Minh Trường, một người cô của vua Gia Long, trong mộ có chử Hoàng Gia khâm liệm và có nhiều của cải quý giá được khai quật và xác bị chích phọc-môn cho tươi hơn để trưng bày tại bảo tàng viện TPHCM.

Theo các nguồn tin tổng hợp khác, mộ phần ông Thái học Đặng Trần Côn, tác giả Chinh Phụ Ngâm và bà thái hậu Từ Dũ, mẹ Vua Tự Đức cũng đã bị xúc phạm. Những món nữ trang của bà Từ Dũ được nhà cầm quyền Việt Nam nấu chảy xung vào công quỹ vào thập niên 80. Tại Cái Bè, Tiền Giang cũng vừa mới khai quật thêm ba ngôi mộ cổ được ướp cẩn thận và có nhiều của cải tùy táan.

Theo nguồn tin chính thức nói trên thì các ngôi mộ cổ đều do nhân dân tự động đào xới. Người Việt Nam xưa nay vẫn coi việc thờ phượng tổ tiên vô cùng quan trọng. Các tiên hiền, liệt thánh có công khai khẩn, khai canh không thể vì lý do gì mà xúc phạm mộ phần. Mang xác tiền nhân đi ướp thuốc để triển lãm hay làm ma xó lại càng không phải là tập quán của chúng ta. Những hiện tượng xúc phạm đến tiền nhân nói trên đã đặt ra một tiền lệ đáng quan tâm cho tất cả mọi người Việt đang sinh sống trong lẫn ngoài nước □

Nguyễn Hà

Tạp ghi

1. Một người. Bản lên tiếng bảo vệ Hà Sĩ Phu và Mai Thái Linh đã là một biến cố chưa từng có trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Hơn hai ngàn chữ ký, không một do dự. Sự thành công này chủ yếu nhờ thái độ xây dựng, thiện chí và khiêm tốn của mọi tổ chức dân chủ hải ngoại. Tuy vậy không thể không nói đến sự đóng góp của một người: Nguyễn Thượng Hiệp. Con người yếu bệnh này trong nhiều năm qua đã chỉ theo đuổi một mục đích: đem những thông tin đa dạng tới mọi người. Nguyễn Thượng Hiệp không đòi hỏi một công lao và một chỗ đứng nào. Chính vì thế mà anh có một chỗ đứng đặc biệt của một người đáng mến và đáng tin cậy.

2. Bi đát. Nguyễn Đình Ngọc là một người xuất chúng. Tốt nghiệp những học vị rất cao tại Pháp rồi về dạy đại học Sài Gòn, đồng thời làm gián điệp cho cộng sản. Thông minh và gan dạ. Từ mấy năm nay, với cấp bậc thiếu tướng công an, giám đốc công an khoa học, ông đem tất cả kiến thức và trí tuệ để lập những bức tường lửa trên mạng Internet ngăn chặn không cho những ý niệm tự do, dân chủ và nhân quyền xâm nhập Việt Nam, để cố giữ Việt Nam trong bóng đêm của sự dối trá và ngu muội. Cố gắng của Nguyễn Đình Ngọc có lợi cho ai? Chắc chắn là không có lợi cho đất nước, nhưng chính ông ta cũng không được gì. Đại tá năm 1975, ông ta đã chỉ được lon thiếu tướng sau hai mươi năm khi đã gần 70 tuổi. Những người quen biết ông Ngọc cho hay ông ta không giàu và cũng không vui. Nhưng ông ta vẫn cặm cụi và nhẫn nhục phục vụ cho sự nhảm nhí, phản bội cả lương tâm lẫn kiến thức của mình, như nhiều trí thức khác đã làm và đang làm. Người ta có thừa thông minh và gan dạ, mà vẫn phí uổng đời mình để làm tay sai một cách rất vô duyên cho sự xằng bậy nếu thiếu một cái gì đó quan trọng hơn: lòng tự trọng. Hay một chút triết lý để hiểu rằng mình chỉ có một cuộc đời ngắn ngủi và phải sống cho xứng đáng.

3. Euro 2000. Cả nước Pháp reo mừng đã thắng giải bóng đá Euro 2000. Để

hiểu. Dân tộc nào cũng cần những tự hào để có thể tồn tại và tiến tới. Nhưng việc Pháp thắng không phải là điều đáng ngạc nhiên, nó đã được giới đánh cuộc dự đoán từ đầu. Điều đáng ngạc nhiên là sự thất bại bẽ bàng của đội tuyển Đức, đương kim vô địch Châu Âu, bị loại ngay từ vòng đầu. Đội tuyển Đức đã không biết trẻ hóa và đổi mới từ nhiều năm qua. Ngủ yên trong tự mãn để rồi thức dậy trong ê chề. Nhưng ít ra ông bầu của đội tuyển Đức đã tỏ ra có tư cách. Ông đã từ chức ngay sau thất bại. Có những tập đoàn cầm quyền đã đi từ thất bại bi đát này sang thất bại hổ nhục khác mà vẫn nhất định không từ chức. Trơ trẽn hơn nữa, còn đòi cầm quyền vô hạn định. Quần chúng Việt Nam đã theo dõi say mê giải bóng đá Euro 2000. Họ chắc chắn đã phải có một nhận xét.

4. Thảm kịch nào ? 58 xác chết được khám phá trong một thùng xe vận tải. Đó là những người Trung Quốc thuộc tỉnh Phúc Kiến chấp nhận mọi gian nguy để được rời bỏ đất nước mình và làm công dân một nước khác. Họ không phải là những người nghèo khổ nhất. Trái lại, họ là những người may mắn đã thành công và có đủ tiền để mua vé cho cuộc phiêu lưu đi tìm cuộc sống mới. Họ thuộc những gia đình khôn ngoan, khéo lườn lách để tìm thành công cá nhân trong một chế độ tệt hại. Họ không cảm thấy sự cần thiết của một giải pháp chung cho đất nước họ. Họ tự nghĩ đủ khôn lanh để tìm lấy một lối thoát cá nhân. Kết cuộc thảm khốc của họ trước hết là thảm kịch của một dân tộc đã rã hàng và mất lòng tin ở một tương lai chung.

5. Nước Pháp và dân chủ. 108 nước gặp nhau tại Warszawa trong một hội nghị quốc tế về dân chủ. Một biến cố đầy ý nghĩa tại một địa điểm cũng đầy ý nghĩa bởi Warszawa là thủ đô Ba Lan, nơi cuộc động đất dân chủ đã bắt đầu và làm sụp đổ phong trào cộng sản thế giới. Pháp đã là nước duy nhất từ chối ký vào bản tuyên ngôn chung. Pháp tự hào là cái nôi của dân chủ, một điều không đúng, và là cha đẻ của tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, một điều cũng không đúng nốt, dù Pháp quả là một trong những nước có công đầu làm cho dân

chủ và nhân quyền trở thành những giá trị phổ cập. Nhưng Pháp cũng là một nước La Tinh và văn hóa La Tinh có nét đặc thù của nó. Cùng một người La Tinh có thể lý luận một cách rất thuyết phục rằng trắng là trắng, đen là đen không thể lẫn lộn và sau đó không lâu cũng bằng một lý luận rất hùng hồn chứng minh rằng trắng cũng là đen, đen cũng là trắng. Tuy nhiên văn hóa La Tinh vẫn có chỗ dễ thương của nó, nó không đi tới tận cùng của sự bất lương trí tuệ. Pháp mời Lê Khả Phiêu sang thăm viếng chính thức nhưng tiếp đón lạnh nhạt và rề rúng, Pháp từ chối ký tên vào bản tuyên ngôn chung Warszawa nhưng không tự hào về thái độ của mình. Pháp không muốn nhắc tới biến cố này nữa, một cách để nhìn nhận sự hổ thẹn.

6. Elian. Fidel Castro đã tự lố bịch hóa một cách đáng thương khi biến việc đem em bé Elian về nước với cha thành một cuộc kháng chiến toàn quốc. Cộng đồng người Cuba chống cộng cũng đã phơi bày sự nhảm nhí của mình bằng cách biến em bé Elian thành một biểu tượng của chính nghĩa. Nhảm nhí và đần độn. Một đứa bé mất mẹ thì phải về với cha đẻ của nó. Không thể khác. Nhưng các tổ chức chống cộng đòi chính nghĩa vì không có dự án chính trị đúng đắn nào cho đất nước đã vờ lấy Elian như một vị cứu tinh. Họ đã chỉ chuốc lấy một thất bại hổ nhục đáng lẽ không có. Chỉ có công lý Mỹ đã tăng thêm thế giá trong vụ này.

7. Ký hay không ký? Bộ trưởng thương mại Vũ Khoan và phái đoàn tới Mỹ để thảo luận tiếp về việc ký kết thỏa ước thương mại song phương Việt-Mỹ. Nhưng thảo luận cái gì? Họ không thể đồng ý hay không đồng ý. Quyết định hoàn toàn từ bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam. Họ chỉ đợi lệnh ký hay không ký. Và có nhiều triển vọng bộ chính trị sẽ chấp nhận ký. Ký có nghĩa là chấp nhận để chế độ cộng sản cáo chung trong trung hạn. Không ký có nghĩa là cố bám lấy hy vọng mong manh có thể kéo dài thêm vài năm nhưng với nguy cơ gần như chắc chắn sẽ sụp đổ một cách thảm khốc. Sự chọn lựa là hiển nhiên, dù nhúc nhối.

Nguyễn Gia Kiểng

Nhà văn Dương Thu Hương trả lời phỏng vấn

Được nhà báo Phan Dũng của Đài Á Châu Tự Do hỏi tại sao nhiều nhà văn hiện nay ở trong nước có giọng văn khinh bạc, Dương Thu Hương cho biết: "Theo tôi, giọng văn chua chát ..là phản ứng tiêu cực, phản ứng tối thiểu có thể biểu hiện được và có thể tồn tại được. Đa số nhà văn bây giờ viết như thế, một là náo nê ai oán, hai là trần trụi sống sượng, lột truồng cuộc sống ra, và cứ phơi bày ra mà thôi chứ không bình phẩm và cái cảm quan của người nghệ sĩ cũng bị vùi lấp đi....".

Được yêu cầu nhận định về thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay, Dương Thu Hương nói rằng:

"Rất đáng buồn là thế hệ bây giờ làm tất cả mọi cách để kiếm được nhiều vé, tức là nhiều tờ 100 đô. Không còn một cách gì là không làm! Ngày hôm nay chửi đảng, ngày mai nịnh đảng, tất cả cùng chỉ vì thế mà thôi (...). Còn thế hệ trẻ hơn thì tất cả những người trẻ lương thiện nhất cũng tìm cách lao vào đi học nhiều sinh ngữ để vào các công ty nước ngoài để làm thuê cho người nước ngoài. Đó là lý tưởng cao cả nhất (...). Còn những kẻ bình dân thấp cổ bé họng thì cũng cố cho con đi học cũng chỉ để kiếm được một tư thế ở chỗ nào đó có thể mang lại cho họ một hai vé. Vì tất cả thế hệ chúng tôi bị người ta cho là điên rồ cho nên thế hệ trẻ bây giờ chỉ biết sống trước đã, nghĩa là nó ăn, nó ngủ, nó nhảy... đại khái là nó tìm kiếm mọi tiện nghi trước đã. Đó là bề mặt của xã hội hết sức phổ biến và tôi nghĩ rằng rất ít có ngoại lệ (.....)"

Trước câu hỏi liệu bà có phải là một người bi quan hay không? Dương Thu Hương giải thích: "Tôi thì vừa bi quan vừa lạc quan, tại vì tôi nghĩ rằng nó theo quy luật quả lắc của đồng hồ. Sau những thế hệ hết mình như thế hệ của tôi là thế hệ lý tưởng đến tận chân răng ấy thì đánh trả lại thì thế hệ hiện nay lại thực dụng đến tận chân răng. Nó như quả lắc đánh về đối nghịch và con người vất toàn bộ giá trị tinh thần để ngập lặn trong tất cả những thỏa mãn vật chất. Nhưng tôi nghĩ rằng đến lúc nào đó thì sự ngập lặn trong thỏa mãn vật chất cũng sẽ đưa con người đến chỗ nhàm chán (...)"

Dương Thu Hương đã bình luận như

sau về "yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa", hoặc tổ quốc có nghĩa là "tổ quốc xã hội chủ nghĩa": "Cái mà chúng ta gọi là tổ quốc tức là những giá trị tự chúng ta thờ phụng chứ không phải là nhóm người cầm quyền này hoặc nhóm người cầm quyền khác. Tôi cho đấy là rác rưởi trong lịch sử thôi và dòng sông sẽ cuốn đi. Còn cái chúng ta gọi là tổ quốc thì rất là trừu tượng. Nhưng mà tất cả mọi thứ giá trị từ 30 năm cộng lại của chúng ta cảm nhận được trong tuổi thơ của chúng ta là trong giai đoạn giáo dục của gia đình chúng ta đó" (...)

Về cuộc tranh đấu của bà hiện nay, Dương Thu Hương tuyên bố: "Con đường tôi đang chọn lựa là đấu tranh cho một xã hội dân chủ. Và bởi vì tôi không có phẩm chất của nhà làm lãnh đạo chính trị, tức là tôi không thể nào lập đảng, tôi cũng không thể nào đấu tranh chính trường, tôi không có sở trường về chuyện đó, cho nên tôi chỉ có thể đấu tranh bằng cách tôi viết những bài viết để nói với đồng bào của tôi rằng cần phải có một chế độ dân chủ và con người cần phải sống với đầy đủ ý thức về quyền sống của con người. Bởi vì chỉ có như thế thì cuộc sống mới là xứng đáng".

Để kết thúc cuộc phỏng vấn, Dương Thu Hương tâm sự: "Ước mơ của tôi là dân tộc mình khá lên, có nghĩa là những người dân bình thường được mở mang đầu óc hơn, được sống tốt hơn, họ dần dần có ý thức về quyền con người và đấu tranh cho dân chủ. Bởi vì tôi cũng không có lòng mạn gì để hiểu rằng những người dân mà cứ cầm mặt xuống bùn, chỉ lo miếng ăn thì không bao giờ có thể có khái niệm về quyền con người, về dân chủ được. Họ chỉ có thể làm những cuộc gọi là nổi loạn khi mà đói khát thôi. Và nếu như thế thì dân tộc ta mãi mãi chìm trong trạng thái man rợ. Tôi cũng biết là cái ước mơ đó đối với dân tộc ta thì nó cũng hãy còn xa xôi, nhưng dù sao thì tôi cũng ước mơ. Bởi vì nếu không có ước mơ thì con người ta cũng rất là khó sống".

Nhà văn Vũ Thư Hiên được trao giải thưởng Hellman/Hammett

Năm nay, tổ chức Quan sát Nhân quyền (Human Rights Wach) vừa trao tặng cho một nhà văn Việt Nam, ông Vũ

Mục lục

1. *Vụ án Hà Sĩ Phu - Mai Thái Linh*
Thông Luận
2. *Trung Quốc, WTO và Internet*
Huỳnh Hùng
3. *Triều Tiên: từ chiến tranh đến hòa đàm*
Nguyễn Phi Phụng
7. *Pháp du phiêu lưu ký*
Thành Tín
11. *Một phần tư thế kỷ bang giao Mỹ - Việt*
Nguyễn Mạnh Hùng
12. *Thư ngỏ*
Nguyễn Hữu Chung
14. *Ý kiến về bài "Đừng để lịch sử lặp lại"*
Vương Văn Đông
16. *Ý nghĩa của hai ngàn chữ ký*
Phạm Ngọc Lân
18. *Đàn chim Việt đang bay lên tầng bay mới*
Phạm Việt Luật
22. *Người Thượng vẫn còn trên đường đi tìm chỗ đứng*
Nguyễn Văn Huy
28. *Tim lại đi vàng*
Đặng Văn Châu
29. *Tin tức thời sự*
31. *Tạp ghi*
Nguyễn Gia Kiểng
32. *Tin giờ chót*

Thư Hiên, giải thưởng quốc tế Hellman/Hammett. Giải thưởng này được thiết lập năm 1989 có mục đích vinh danh những người cầm bút bị đàn áp vì ngòi bút của mình. Năm nay có một số nhà văn thuộc 22 nước được trao tặng giải Hellman/Hammett. Số tiền trao tặng năm nay là 170.000 đô la Mỹ. Một trong những sáng tác mới nhất của nhà văn Vũ Thư Hiên là cuốn *Đêm Giữa Ban Ngày*, đã được tái bản nhiều lần ở hải ngoại và làm phóng ảnh chuyền tay nhau đọc ở trong nước. Nó là một loại sáng tác phẩm có chất liệu hồi ký nhưng được cấu trúc bằng kỹ thuật tiểu thuyết. Ông Vũ Thư Hiên đã xin tị nạn tại Pháp □